

P
III ° XVI

Cách mạng tại Ethiopie

** Thơ ng xác cùng Hồ*

Hữu Tường về hiện

tượng Trương Vĩnh

*Ký * Thơ trong phong*

trào Nói Thơ miền

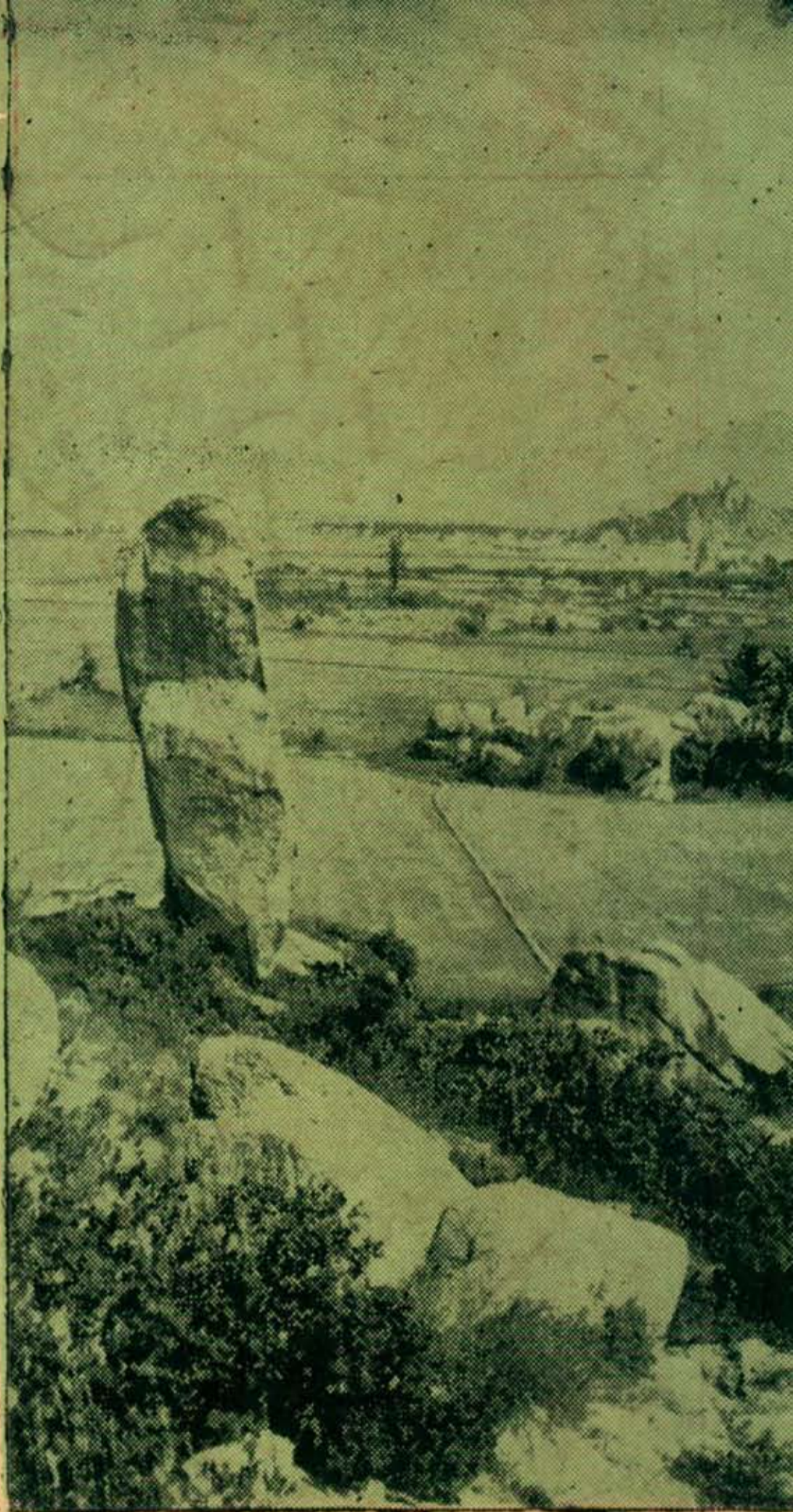
*Nam * Cải lương trên*

chiến tuyến văn hóa

** Đàn bà viết văn **

Một thi phẩm bị

bỏ quên cả thế kỷ.



BACH KHOA

G I A I P H Ầ M

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

2.300đ.

MỘT NĂM

4.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 600đ (mỗi số 25đ.)

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 1.560đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 22-7-74, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 90đ.	
— Ai-lao	: 90đ.	— Âu-châu, Bắc Phi
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 140đ.	Trung Đông, Đại-dương-châu
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 190đ.	Úc, Tân-Tây-Lan v.v... : 365đ
		— Hoa-kỳ, Gia-ri-ã-đại : 440đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin để tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

oOo

1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	10.000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5.000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4.000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3.000đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539

BÁCH KHOA

P* :

ĐẶNG TRẦN HUÂN <i>cuộc cách mạng ngập ngừng tại Éthiopie, lật đổ ngai vàng xưa nhất thế giới</i>	05
NGUYỄN SINH DUY <i>thương xác cùng nhà học giả Hồ Hữu Tường về hiện tượng Trương Vĩnh Ký</i>	15
NGUYỄN VĂN HẦU <i>Thơ trong phong trào nói Thơ miền Nam với một số tác phẩm mang tính chất đối kháng</i>	27
PHẠM LONG ĐIỀN <i>Cái lương, một khúc quanh hệ trọng trên chiến tuyến văn hóa</i>	35
QUÁCH TẤN <i>giới thiệu một thi tài và một giai phẩm bị bỏ quên: Thái Thuận và Lữ Đường di cảo thi tập</i>	43
TRUNG DƯƠNG <i>đàn bà viết văn</i>	49
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>lá thư Mexico</i>	55
NGUYỄN THỊ THỤY VŨ <i>nghề mới (truyện)</i>	61
HOÀNG LỘC <i>khi mới đến Đà Lạt (thơ)</i>	70
NGUYỄN KHẮC NHƯỢNG <i>thơ gửi bé gái quê nhà (thơ)</i>	71
SINH HOẠT	
LÊ VĂN CẦN <i>góp ý với Ô. Phạm Long Điền về Gia-Định báo</i>	73
BÙI VỊ XUYÊN <i>nhân đọc cuốn "Thư tịch hồi tổ quốc gia V.N."</i>	74
VĂN HỮU <i>tượng nhà cách mạng Phan Bội Châu ở Huế đã hoàn tất giai đoạn đồ đồng</i>	76
THẾ NHÂN <i>buổi sinh hoạt «truyền thống hát Trống quân»</i>	77
LÊ PHƯƠNG CHI <i>cuộc đi thăm nhà thơ Á Nam Trần Tuấn Khải</i>	79
THẾ NHÂN <i>ngày ký giả đi ăn mày</i>	83
VĂN THANH <i>trình bày bìa (Hình ảnh của DƯƠNG MINH: Chi Hội Trưởng Hội Ảnh Nghệ thuật Phan Rang. Hòn đá Dao ở Phan Rang đã sập đổ, chụp cách đây hơn 2 tháng).</i>	

Chủ trương: LÊ NGỘ CHÂU

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon

21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon

Điện thoại : 25.539

GIÁ : 200\$ Công sở : 400\$

H.T. 339 Saigon

Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi số

Sách nhận được trước 10-10-74

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Triết sử Ấn-độ tập I và tập II của Hoành Sơn Hoàng-Sỹ-Quý, do nhà xuất bản Hưng Giáo Văn Đông ấn hành trong Tủ sách Triết học HGVD gửi tặng. Tập I dày 164 trang gồm : Nhập môn Triết-học Ấn-độ, Upanisad ; Giá 300đ. Tập II dày 230 trang trình bày Nhập môn Triết học Vedānta, giá 1000đ.

— Đại-Việt Sử-ký Toàn-thư Tập I : « Đại-Việt Sử-ký ngoại-ký toàn-thư » Quyển thủ, quyển 1, 2, 3, 4 và 5, bản Việt dịch của Tạ Quang Phát, Tựa của Ô. Tổng trưởng Ngô Khắc Tĩnh, Lời giới thiệu của Ô. Phụ tá Đỗ Văn Rõ và khảo sát thư tịch ấn bản Quốc-tử-giám đời Lê (1697) của bộ ĐVSKTT của Ô. Tổng thư ký Ủy ban dịch thuật Võ Long Tế, Bộ Văn hóa Giáo dục và TN xuất bản và Ô. Võ Long Tế gửi tặng. Sách dày 386 trang dịch đối chiếu với 290 trang nguyên tác Hán văn (in lại theo lối offset), ấn bản nguyên thủy in năm 1697, của Viện Khảo-cổ. Giá 2.400đ.

— Tử Bình thuyết minh do Đỗ Đình Tuân biên soạn, Hoa Lư xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 134 trang biên soạn rõ ràng, công phu, trình bày khoa thuật số Tử-Bình hay Bát-tự được người Trung Hoa rất ưa chuộng. Bản đặc biệt.

— Dạy khoa học căn bản nguyên tác « Teaching elementary science » của Rita Langley, bản Việt dịch của Vũ

thị Anh Thư và Chu Tiểu Nguyệt, Hiện-Đại Thư-xã xuất bản và gửi tặng. Sách dày 272 trang gồm 10 chương trình bày 307 hoạt động về khoa học soạn sẵn, có thể áp dụng rải rác về Lý Hóa và Vạn Vật cho các lớp Trung học đệ nhất cấp ở VN. Rất nhiều hình vẽ. Giá 450đ.

— Giới hạn phát triển nguyên tác « The Limits to Growth », Phúc trình cho Dự án Nghiên cứu của Nhóm La mã về Nguy cơ của nhân-loại, bản dịch của Cung Thúc Tiến và Trần Lương Ngọc. Hiện Đại Thư Xã xuất bản và gửi tặng. Sách dày 200 trang trình bày công trình nghiên cứu của các chuyên gia về những yếu tố căn bản quyết định sự phát triển của thế giới và những kết luận về tương lai nhân loại. Giá 400đ.

— Tiền giảng Đức Phật Tây An, Nguyễn Hữu Hiệp sưu tầm, chú thích, Nguyễn Văn Hậu phiên âm, viết Tựa, Diễm Chi xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày trên 90 trang gồm 4 phẩm của tông phái Bửu Sơn Kỳ Hương, ghi lại tiểu sử, hành trạng và giáo chỉ của Phật Thầy trong suốt thời gian Ngài du hóa và lập tông hành giáo. Giá 360đ.

— Quốc văn Lớp Chín của Thế Uyên Nguyễn Kim Dũng do Thái Độ xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày trên 340 trang, gồm Giảng văn, Luận văn, Trần thuyết và Văn học sử : (Văn học Hán Việt, Văn học truyền khẩu VN, Văn học VN thời chữ Nôm, Văn học VN thời quốc ngữ) cập nhật hóa 74. Giá 760đ.

Cuộc Cách mạng ngập ngừng tại Éthiopie, lật đổ ngai vàng xưa nhất thế giới

12-9-74 chấm dứt 44 năm
quân chủ chuyên chế

Trong cuốn sách khảo về các chính thể hiện hành, một biên khảo gia người Pháp đã viết rằng. « Trên thế giới hiện nay chỉ còn 5 ông vua là vua nước Anh và 4 ông vua trong cổ bài Tây »

Câu nói trên cố nhiên chỉ là một câu ví von cho cuốn biên khảo đỡ khô khan và có hàm ý các ông vua trên thế giới hiện nay chỉ là những vua trang trí không có thực quyền. Tuy nhiên nếu phân tách kỹ, nếu so sánh nữ hoàng Anh, Hòa lan hay vua Đan Mạch, Nhật bản v.v...; thì hoàng đế Hailé Sélassié của Éthiopie là ông vua có thực quyền và tiếng tăm hơn cả.

Nhưng ngày 12-9-74 vừa qua đã chính thức là ngày cáo chung thời gian trị vì dài nhất trong lịch sử hiện đại của ông vua giòng dõi Salomon, được mệnh danh là Hoàng Đế của các Hoàng Đế, hoặc Con Sư Tử của Juda.

Vị hoàng đế 82 tuổi sau 44 năm thét ra lửa đã bị quân đội Ethiope truất phế một cách thật đau thương, khi đại diện của Ủy Ban Điều Hợp Quân Lực đọc một tuyên cáo truất phế ông và dẫn ông ra khỏi hoàng cung chỉ cho ông chiếc xe Volkswagen. Vị hoàng đế



Vua Hailé Sélassié

già từ xưa vẫn sử dụng xe Mercedes-Benz không tin mình bị đối xử tàn tệ như vậy hất hàm hỏi : « Tôi lên xe kia hả ? » Một sĩ quan lễ độ trả lời « Phải » rồi kéo chiếc ghế trên xuống cho hoàng đế khom mình leo lên. Trong khi xe chạy trên đường phố thủ đô Addis Abeba, sinh viên đứng hai bên đường hô lớn : « Treo cổ hoàng đế lên ».

Khoảng một giờ đồng hồ sau đài phát thanh Éthiopie loan báo quốc gia Éthiopie từ nay đã thoát ách bạo tàn của Sélassié. Quân đội cũng tố cáo Hoàng đế Sélassié tham nhũng, già nua, bất lực khiến cho nạn đói lan tràn miền Bắc làm chết 100.000 dân.

Quân đội cũng loan báo việc ngưng thi hành hiến-pháp, giải tán Quốc hội, cấm các cuộc đình công

các cuộc biểu tình chống quân đội.

Tuy truất phế Hoàng đế Sélassié nhưng quân đội Éthiopie ngập ngừng chưa muốn xóa bỏ nền quân chủ. Họ dự định mời con trai Hoàng đế Sélassié 57 tuổi hiện đang dưỡng bệnh tại Thụy-sĩ hồi hương để lên ngôi vua. Quân đội nhấn mạnh Thái tử Asfa Wossen nếu trở về sẽ chỉ được làm vua tượng trưng để duy trì nền quân chủ chứ không còn làm hoàng đế có quyền hành. Từ Genève Thái tử Wossen đã nhận các điều kiện đó và chuẩn bị trở về. Thái tử Wossen không ai xa lạ mà chính là người đã đứng về phe đảo chính Hoàng đế Sélassié năm 1960.

Sau khi truất phế Hoàng đế Sélassié, Tướng Aman Michael Andom được đề cử điều khiển chính phủ quân nhân lâm thời.

Về phần Hoàng đế Sélassié, sau khi bị hạ bệ, được đưa về giam lỏng tại một cơ sở quân sự cách thủ đô chừng 45 cây số. Quân đội chưa quyết định về số phận ông, nhưng có lẽ họ sẽ đưa ông ra xét xử trước tòa án về tội thiếu thuế, tội phá hoại quốc gia trừ phi ông chịu trả lại tất cả tiền bạc mà quân đội tổ giác lên hàng chục tỉ Mỹ kim mà ông đang gửi tại các ngân hàng Thụy-sĩ.

Dù ông sẽ ở lại nước, sẽ đi ngoại quốc hay sẽ vào tù thì sự nghiệp của Hailé Sélassié cũng kể như chấm dứt từ ngày 12 tháng 9. Ông vua có thời đã được coi như cứu tinh dân tộc, ông vua đã hùng dũng lên diễn đàn Hội Quốc Liên năm 1936

làm cả thế giới xúc động và tới bây giờ những ai tham dự phiên họp Hội Quốc Liên khi ấy cũng vẫn chưa quên dáng điệu uy nghi và những lời tiên đoán của ông trước một hội trường các nước dân chủ như còn mơ ngủ. Vị hoàng đế đó đang bắt đầu đi vào bóng tối.

Éthiopie, quốc gia nhiều mâu thuẫn và vị hoàng đế tài ba

Éthiopie là một quốc gia nằm ở phía Đông châu Phi, phía Bắc và Đông Bắc giáp Hồng Hải, các phần khác bị bao bọc bởi các nước Somalie, Kenya và Soudan.

Éthiopie rộng 1.221.900 cây số vuông với dân số khoảng 25 triệu nhưng khá xa lạ với người Việt. Tuy có công nhận nhau nhưng Việt Nam Cộng Hòa và Éthiopie hiện nay không có sứ quán trao đổi mặc dầu nhiều xứ Phi châu nhỏ bé hơn nhiều lại giao hảo rất mặn nồng với Việt nam như Cộng Hòa Trung Phi của tướng Bokassa chỉ hơn triệu dân hay Gambia chưa được nửa triệu dân. Và cả hai nước này cộng lại cũng còn nhỏ hơn Éthiopie nhiều.

Éthiopie là một xứ nhiều mâu thuẫn, có nơi thấp dưới mặt biển, có ngọn núi cao thứ ba Phi châu, có rừng, cao nguyên và cả sa mạc nữa. Kinh tế chính của Éthiopie là nông nghiệp, chăn nuôi. Cà phê Éthiopie là nông phẩm nổi tiếng thế giới. Dân trí thấp kém, 95% thất học.

Cách tính ngày giờ ở Éthiopie khá lạ nhưng có vẻ giản dị và dễ nhớ. Một năm có 12 tháng, tháng nào cũng

30 ngày. Cuối năm có tháng thứ mười ba gồm năm ngày. Nếu năm nhuận tháng 13 gồm sáu ngày. Ngày gồm 12 giờ, lúc trời sáng đồng hồ các nước chỉ 7 giờ thì đồng hồ Éthiopie chỉ 1 giờ và lúc 7 giờ tối của chúng ta thì đồng hồ Éthiopie chỉ 12 giờ. Đêm Éthiopie bắt đầu khi đồng hồ chỉ 1 giờ vào lúc 7 giờ tối ở các nước khác. Và đêm cũng chấm dứt khi đồng hồ Éthiopie chỉ 12 giờ vào 7 giờ sáng tại quốc gia khác.

Quân đội Éthiopie lối 50.000 người, được huấn luyện theo kiểu Anh, Do Thái, Mỹ và trang bị bằng vũ khí Hoa kỳ.

Thủ đô Addis Abeba hiện nay là nơi đặt Tổng hành dinh của Tổ chức Thống nhất Phi-châu.

Người Éthiopie vẫn cho rằng quốc gia họ được lập thành từ 1.000 năm trước Tây lịch với quốc tổ là Ménélik, con trai đầu lòng của vua Salomon và hoàng hậu Saba.

Nối tiếp truyền ngôi đời này qua đời khác tới hoàng đế Hailé Sélassié lên ngôi ngày 2-11-1930 là vị vua thứ 225 của triều đại Salomon. Khi đó, Ethiope thực ra chỉ là một quốc gia phân chia bởi nhiều lãnh chúa do các bộ lạc khác nhau chiếm giữ. Trước khi lên ngôi Hélélassié cũng chỉ là một lãnh chúa, lãnh chúa Tafari. Khi cầm quyền ông đã khôn khéo sáng suốt tổ chức lại quốc gia và được người Éthiopie coi như một vị cứu tinh dân tộc.

Hoàng đế Sélassié cho thiết lập Quốc hội và hệ thống tư pháp năm

1931, ban hành một tân Hiến-pháp năm 1955. Quốc hội gồm một thượng viện chỉ định và một hạ viện dân cử. Tuy vậy, Hoàng đế Sélassié vẫn có những quyền tối hậu và Thủ tướng trực tiếp chịu trách nhiệm với ông nên ông vẫn được coi như một ông vua chuyên chế trong thế giới ngày nay.

Về đất đai, năm 1952 Éthiopie được sát nhập thêm lãnh thổ Erythrée do quyết định của Đại Hội đồng Liên-Hiệp-Quốc. Trước đây lãnh thổ này là thuộc địa của Ý và người Anh cai trị sau khi Ý thất trận, kỳ đệ-nhị thế-chiến.

Suốt 44 năm trị vì Éthiopie, Hoàng đế nắm vững được quyền hành trù hai chính biến quan trọng. Một là cuộc xâm lăng của Ý năm 1936, cuộc xâm lăng đã làm cho Sélassié nổi tiếng ở diễn đàn Hội Quốc Liên. Tổ chức quốc tế này đã biểu quyết lên án Ý-đại-lợi nhưng quân Ý vẫn tiếp tục cai trị Éthiopie tới khi người Anh giải phóng vào năm 1941.

Chính biến thứ hai xảy ra năm 1960. Trong khi Hoàng đế Sélassié công du Phi châu và Nam Mỹ, ngày 13-12-1960 ngự lâm quân do tướng Menghestu Newey chỉ huy nổi loạn toan lật đổ Sélassié. Ba ngày sau các lực lượng trung thành với nhà vua dẹp tan cuộc nổi loạn. Nhiều lãnh tụ loạn quân trốn lên rừng để khỏi bị lùng bắt. Ghirmamé đã bắn chết em rồi tự sát khi bị bao vây. Tướng Menghestu Newey bị đưa ra tòa, can đảm nhận hết tội và bị xử giáo công khai. Trường hợp khó xử cho

Sélassié là chính con ông là thái tử Asfa Wossen đã đồng lõa với quân nổi loạn. Sélassié đã phải ra một thông cáo nói rằng Wossen đã bị phe nổi loạn bức bách theo họ, để thái tử khỏi bị đưa ra trước tòa án.

Năm vững quốc gia trên bốn mươi năm, được dân chúng tôn sùng như thánh, Sélassié khi về già trở nên suy yếu, tham lam, và kết quả đưa tới cuộc nổi loạn của một nhóm quân đội hồi đầu năm và lần lần đưa tới cuộc truất phế vừa rồi.

Diễn tiến bảy tháng cách mạng ngập ngừng

Có lẽ lúc đầu quân đội chưa định làm một cuộc cách mạng. Họ e ngại uy tín của Sélassié còn hoặc mạnh dè đặt trước kinh nghiệm thất bại năm 1960 chẳng?

Từ ngày 21 tới 25 tháng hai 1974 cảnh sát đàn áp biểu tình tại thủ đô bắn chết và làm bị thương hơn hai chục người nhưng quân đội không phản ứng.

Tới ngày 26-2, Sư đoàn 2 ở miền Bắc mới nổi dậy bắt giam tỉnh trưởng, chiếm tỉnh Asmara, một tỉnh lớn hàng nhì của Éthiopie. Tuyên bố trung thành với Hoàng đế nhóm nổi loạn gửi thỉnh nguyện về Trung-ương xin cải thiện đời sống quân đội và đòi giải nhiệm một số Tổng Bộ trưởng. Ngày hôm sau ba tướng lãnh do Hoàng đế cử tới điều đình bị bắt giữ làm con tin.

Trong những ngày kế tiếp một nhóm thủy binh chiếm căn cứ Hải

quân Massawa, nhảy dù chiếm căn cứ Debra Zeit, không quân chiếm trại Dira Daona rồi tới lượt Sư đoàn 4 tại thủ-đô ủng hộ hành động của các bạn đồng ngũ.

Trước những biến chuyển ấy Thủ tướng Aklilu Hapte Wold, cầm quyền từ 1961, đệ đơn từ chức. Hoàng đế Sélassié nhượng bộ, tuyên bố trên truyền hình hoàn toàn chấp thuận yêu sách tăng lương quân đội, hứa không trừng phạt những quân nhân nổi loạn và cử ông Endalkachew Makonnen làm tân Thủ-tướng.

Như được đà, phe quân đội tiếp tục các yêu sách. Tổng Liên đoàn Lao công, lần đầu tiên trong lịch sử Éthiopie, đã kêu gọi 80.000 đoàn viên tổng đình công đòi các quyền tự do dân chủ và đòi lật đổ chính phủ mới. Các cuộc biểu tình tại thành phố bị cảnh sát đàn áp trong khi tại phía nam thủ đô lối 300 cây số quân đội can thiệp bắn vào những nông dân biểu tình đốt lúa phản đối điền chủ.

Trong tháng ba, Hoàng-đế Sélassié loan báo sẽ sửa Hiến-pháp và lập một Ủy-ban-điều-tra nạn tham-những trong chính quyền. Những sự kiện nói xuống này không làm tình hình ổn định. Ngày 26-3 quân đội chiếm phi trường Asmara. Ngày 7-4 thêm các đơn vị khác nổi lên chiếm tỉnh Harrar ở phía đông gần thủ-đô. Sáu ngày sau Sư đoàn 3 chiếm đóng Ogaden.

Những cuộc biểu tình vẫn tiếp diễn và lực lượng an ninh vẫn cố đàn

áp sự chống đối của quần chúng.

Cuối tháng 4, các Tổng trưởng và cựu Thủ tướng Wold bị quân đội bắt giữ. Và ngày 3-5 tới lượt các lãnh tụ nghiệp đoàn.

Thi hành lời loan báo của Hoàng đế Sélassié từ cuối tháng ba, ngày 21-6 Ủy-ban Chống Tham Nhũng mới ra mắt, thì liền hôm sau quân đội chiếm phi trường và đài phát thanh Addis Abeba.

Ngày 29-6 Chủ-tịch Hội-đồng Hoàng-tộc — một cơ cấu có quyền lực nhất Étiopie — ông Araste Kassa và nhiều nhân vật quan trọng trong hoàng tộc bị bắt giữ. Một số hoàng thân trốn trong hoàng cung cũng bị quân đội đòi phải ra hàng. Thống đốc lãnh thổ Érythée bị bắt ngày 17-7. Lý do quân đội phải hành động mạnh vì họ không hài lòng về những cải tiến đã hứa nhưng thi hành quá chậm của Thủ tướng Endalkachew Makonnen.

Một phái đoàn quân đội gồm 10 người tới gặp Thủ tướng để đưa các yêu sách. Phái đoàn có cả một trung sĩ và một binh nhì. Sĩ quan cao cấp nhất trong phái đoàn mang cấp bậc thiếu tá. Chưa thấy người hùng hay tướng lãnh nào xuất hiện trong hàng ngũ quân đội Cách mạng này.

Tổng trưởng Ngoại giao Zaudi Gebre Sélassié đã trả lời phái đoàn rằng chánh phủ chỉ có thể tiến hành công cuộc cải cách một cách từ từ, nếu quân đội không hài lòng xin nhường lại cho quân đội điều khiển chính phủ. Phía quân đội ngập ngừng

trước đề nghị bất ngờ này. Phái đoàn tăng thành 50 người tới gặp thẳng Hoàng-đế Sélassié bày tỏ sự trung thành với Hoàng đế cũng như bày tỏ rằng quân đội không muốn nắm chính quyền, nhưng không ủng hộ Chính phủ hiện tại và muốn những hoàng thân tham nhũng phải được đưa ra xét xử.

Một lần nữa Hoàng-đế nhượng bộ và ông Michael Imru được chỉ định thành lập tân chính-phủ ngày 22-7. Tương như thế đã êm, ngày hôm sau Hoàng đế Sélassié ra mắt nói chuyện với dân chúng trên bao lơn Hoàng cung nhân ngày sinh nhật thứ 82 của ông. Đây là lần ra mắt công chúng đầu tiên kể từ ba tháng qua. Một tuần sau quân đội phóng thích 35 người đã bị họ bắt hồi tháng hai.

Nhưng tới tháng 8, quân đội làm mạnh trở lại. Họ bắt giữ cựu Thủ tướng Makonnen (nâng tổng số người bị giữ lên con số 104), ra lệnh cho chính phủ Imru giải tán 4 cơ cấu quan trọng nhất do Hoàng đế Sélassié thành lập từ năm 1930. Đó là Hội đồng Hoàng gia, Hội đồng Cố vấn Quân sự, Nha Bò nhiệm Hoàng gia và Tư pháp Viện. Quân đội cũng đòi 15 lâu đài do hoàng đế chiếm giữ riêng phải trả lại cho Quốc gia.

Đầu tháng chín đài phát thanh do quân đội kiểm soát bắt đầu tố cáo Hoàng đế buôn lậu, tham nhũng, thối nát. Ngày 11-9 con gái hoàng đế bị bắt giữ và ngày hôm sau tới chính Hoàng đế bị hạ bệ và cáo chung 44 năm cầm quyền.

Éthiopie đi về đâu?

Việc truất phế hoàng đế Sélassié đã hoàn tất tốt đẹp không gặp trở ngại nào trong một cuộc cách mạng ôn hòa từ tốn đến nỗi gần như e dè do dự.

Nhưng giờ đây nhóm quân nhân cầm quyền phải đối phó với những vấn đề mới do chế độ cũ để lại với nền kinh tế ung thối vì tham nhũng, nạn đói khủng khiếp khó phương cứu gỡ.

Trên phương diện an ninh ngay sau khi lật đổ nhà vua, Chính phủ quân nhân đã phải đối đầu với dự định Tổng đình công của Liên hiệp Nghiệp đoàn, và một cuộc biểu tình của Sinh viên tại thủ đô đòi lập chính phủ dân sự vì họ không muốn nền quân chủ được thay thế bởi chế độ quân phiệt độc tài.

Ủy-ban Điều-hợp Quân-lực với những thành phần mờ nhạt (gồm 120 người từ binh nhì tới cấp thiếu tá), với những hành động ngập ngừng, đảo chính mà e ngại nắm chính quyền, lật đổ Hoàng đế mà e ngại chưa dám cho cáo chung chế độ quân chủ không hiểu có đương đầu nổi với các khó khăn trong tương lai không?

Khi lật đổ một chế độ độc tài nhân dân đương nhiên vui mừng. Nhưng liệu chế độ kế vị có đem lại hạnh phúc, dân chủ, tự do cho dân hơn trước không. Kinh nghiệm Chí-lợi sau khi lật đổ Tổng Thống thân cộng Allende nhà cầm quyền quân phiệt Pinochet độc tài hơn bao giờ hết, kinh nghiệm Hy-lạp sau khi truất phế vua Constantine, các tướng lãnh Hy đã đưa đất nước tới giai đoạn đen tối, bi đát, là một bài học cay đắng.

Người ta mong chờ một nhân vật lỗi lạc tại Éthiopie nhưng chưa thấy. Những quân nhân chủ chốt trong cuộc cách mạng bầy tháng này chưa có ai nổi bật. Tướng Aman Michael Andom, đã là Tổng trưởng Quốc phòng trong chính phủ trước được mời nhận chức vụ Thủ tướng lâm thời có lẽ chỉ vì ông có cấp bậc lớn chứ thực ra cuộc cách mạng do sĩ quan nhỏ lãnh đạo.

Trước ngày lật đổ Hoàng đế Sélassié, tướng Aman đã đi Hoa kỳ và đã được Mỹ hứa sẽ tăng quân viện cho Éthiopie. Sau ngày lên làm Thủ tướng, ông đã từ bỏ chức vụ Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực. Vậy tướng Aman có lẽ trở thành người hùng của Éthiopie trong tương lai không? Hay chỉ là một thứ Néguib dọn đường cho Nasser, một Lý Thừa Vãn dọn đường cho Phác Chánh Hy.

Vài tháng nữa kênh Suez mở lại, lãnh thổ Éthiopie nằm trên một duyên hải dài 800 cây số, kiểm soát đường vào. Xứ Somalie và Nam Yémen thân Nga chặn ngay phía dưới. Nước Pháp khôn ngoan đã giải quân sẵn từ bây giờ ở Djibouti.

Với các sự kiện trên và chính biến mới xảy ra tại Éthiopie các quan sát viên chính trị quốc tế đang theo dõi, cố tìm hiểu về con người xa lạ Aman Michael Andom.

Và họ cũng đang làm công chuyện của ông thầy bói là cân nhắc các dữ kiện để tiên đoán tương lai xứ sở con cháu hoàng đế Salomon.

8-10-1974

ĐẶNG TRẦN HUÂN

*Thương xác cùng nhà học giả
Hồ-Hữu-Tường về:*

Hiện tượng Trương Vĩnh Ký

Bách-Khoa số 404 ra ngày 5-9-1974 có đăng bài nói chuyện của học-giả Hồ-Hữu-Tường tại trụ-sở Văn-Bút Saigon. Chúng tôi ở xa, không được cái may dự thính cuộc nói chuyện trên, nhưng căn cứ vào nội dung bài đã đăng, chúng tôi rút ra được mấy ý chính mà nhà học giả muốn nói về « Hiện-tượng Trương Vĩnh Ký ».

1- Việc Trương Vĩnh Ký hợp tác với quân ngoại bang xâm lăng là do hoàn cảnh, do giáo dục, từ bên ngoài mà bao vây một thiếu nhi, một thiếu niên rồi một thành niên. Trách nhiệm của sự kiện đó không nên quy về cho Trương Vĩnh Ký ;

2- Trương Vĩnh Ký là một nhà trí thức thức thời nên ông rút lui vào con đường *khai dân trí và tấn dân đức* ;

3- Từ một trí thức hợp tác với quân xâm lược, Trương Vĩnh Ký hóa thành một sĩ phu mà nhà học giả cho đó là một *hóa trình*.

Nhận thấy hiện-tượng Trương Vĩnh Ký nhà học giả đưa ra không những chỉ quan hệ đến tên tuổi một nhân vật đã nằm xuống từ lâu, mà còn công khai xác định một thái độ trí thức trước thể đứng của một công dân trong một quốc gia, chúng tôi thấy có bốn phạm thương xác

cùng nhà học giả.

Trước hết, chúng tôi có cảm tưởng nhà học giả đã theo suy luận chủ quan đưa ra « hiện-tượng hóa-trình Trương Vĩnh Ký ». Tôi không muốn nói rằng nhà học giả đã chẳng căn cứ vào các dữ kiện lịch sử để đi tới kết luận, bởi vì là học giả, tất nhiên ông phải có đọc những sách viết về Trương Vĩnh Ký.

Như mọi người đều biết, nền giáo dục mà Trương Vĩnh Ký hấp thụ từ năm lên tám cho tới năm 23 tuổi là nền giáo dục Thiên-Chúa giáo. Nền giáo dục ấy đã có công đào tạo ra một Linh mục Đặng-Đức-Tuấn(1),

(1) Nguyên du học ở Penang, khi về VN phụ tá cho Giám mục Cuénot ở địa phận Qui-nhơn. Sau phong Linh-mục Gò-Thị. Năm 1858, Pháp tấn công cửa Đà-Nẵng, triều đình Huế cấm đạo gắt gao hơn ; cha Tuấn đã viết « VN Giáo sử diễn ca » và « Lâm nạn Phụng Quốc hành » cùng nhiều áng thi văn khác đề bày tỏ lập trường của một giáo dân trước nạn xâm lăng của quân Pháp. Đáng kể nhất là « *Hoành mao hiến bình Tây sách* » (sách lược đánh bình giặc Tây của một kẻ sĩ ở nhà tranh) đã lọt đến mắt vua Tự-Đức; nhà vua cho vời vào nội hỏi phương lược giữ nước và đối xử với đạo Công giáo. Linh-mục Tuấn đối đáp trôi chảy mọi việc. Đến năm 1862, nhân cuộc nghị hòa tại Saigon, cha Tuấn được vua Tự-Đức dùng như là thông ngôn (gọi là quan

(xem tiếp trang 16)

sau này, khi Việt-Pháp khởi cuộc giao binh, người chủng-sinh của Đại-chủng-viện Giáo-hoàng ở Penang và cũng là người công dân Việt-Nam mang tên Đặng-Đức Tuấn đã phân minh giữ tròn hai nghĩa vụ : Tổ quốc và Đức tin. Cũng chính nền giáo dục ấy đã vun quén tinh thần cho một Nguyễn-Trường-Tộ, một đồng nhân, một đồng sự, một đồng nghiệp (thông ngôn) với Trương Vinh Ký, nhưng ông này « đã phải nhảy qua tường mà tránh đi » (2) dù bị người Pháp nài ép hợp tác.

Chúng tôi phải thừa ngay như thế bởi vì luận điệu qui trách-nhiệm cho hoàn cảnh và nền giáo-dục mà Trương Vinh Ký được hấp thụ không nhất thiết là đúng. Nhà học giả sẽ không khỏi vặn lại : nhưng Trương Vinh Ký buổi đầu hợp tác với Pháp, dù sao ông cũng còn là một thanh niên mới 23, 24 tuổi đầu, chưa đủ kinh nghiệm già dặn như Nguyễn-Trường-Tộ và Đặng-Đức-Tuấn, để chọn một chính nghĩa. Vậy chớ ngày ông 50 tuổi, cái tuổi đã qua « bất hoặc » và bắt đầu « tri thiên mạng » Trương Vinh Ký vẫn rưng rưng hóm lẻo đẻo từ Saigon ra Huế, theo Paul Bert là một tên thực dân hạng bự, một thứ cáo già trí thức để nài nỉ từng đồng bạc, đưa cả bà con quen biết ra kiếm lợi tại đất Thần-kinh khiến cho nhiều người phải ghen ghét, ngay cả Paul Bert đôi khi cũng nặng lời (3) ?

Người ta có thể lầm lạc chính nghĩa dân tộc để chạy theo danh lợi trong buổi xuân thời, người ta

có thể bị hoàn cảnh khách quan xô đẩy phải quay lưng lại với chính nghĩa dân tộc, nhưng một khi đã giác ngộ không thể không tự sửa sai, quay đầu, nếu không đời tôi lập công thì cũng tiêu cực lánh mặt làm thình. Trương Vinh Ký có hành động được như vậy không hay chệ là một người đẩy tứ trung thành (chính ông xác nhận như thế trong

(tiếp theo trang 15)

Khâm) của phái đoàn Phan-thanh-Giản, Lâm-duy-Hiệp. Sau hòa-ước 1862, cha Tuấn trở về Bình-Định và lo việc Đạo cho đến khi chết vẫn giữ được tiếng « Minh Đạo Bảo Quốc ».

(Xem : — A. Delvaux, *Mgr Pellerin*, Nazareth Hong-Kong, 1937, t. 78.

— Đặng-Đức-Tuấn, Tinh hoa Công-giáo ái quốc Việt-Nam của Võ Ngọc Nhã và Lam Giang, 1970.)

(2) « Tôi (Nguyễn-Trường-Tộ) quyết từ cho được. Hồi ấy (1861) bè bạn tôi đều cười là ngu dại ; họ cứ cho người ép tôi làm, tôi phải nhảy qua tường mà tránh đi. Họ thấy tôi bền lòng như thế, liền lấy quan chức mà dỗ dành, tôi phải trả lời : « Làm quan (tân trào) thì có lương bổng, không làm quan thì phải cực khổ, chỉ làm một kẻ vô văn, nhưng tôi thà chịu làm kẻ vô văn chứ không muốn làm quan » (Điều trần ngày 2 tháng 5 năm Tự-Đức thứ 24 (1871) — Xem Nguyễn Lân, *Nguyễn-Trường-Tộ*, Viễn Đệ Huế, t, 24).

(3) Xem các thư giao dịch giữa Trương Vinh Ký và Paul Bert trong « Pétrus Trương Vinh Ký, *Érudit cochinchinois* » par Jean Bouchot, 1925. Vì khuôn khổ giới hạn của bài báo, người viết không thể chứng minh đầy đủ cuộc đời chính trị hợp tác với Pháp của Trương Vinh Ký. Xin độc giả đón đọc « CUỐN SỔ BÌNH SANH CỦA TRƯƠNG VINH KÝ » của cùng người viết ấn hành nay mai.

các thư tờ gửi nhà cầm quyền Pháp) của chính sách Bảo-hộ và Thuộc-địa Pháp, suốt một chuỗi dài của đời ông. Đó là chưa nói tới những tấm gương chính nghĩa đã treo lên trước mắt ông bắt đầu từ năm ông theo làm thông ngôn cho Pháp (1860) cho đến năm ông bị hất hẵn khỏi guồng máy cai trị của thực dân (1889). Không nói đâu xa, ngay tại đất Nam-Kỳ là quê hương của ông, những tấm gương chính nghĩa sau đây đã được treo lên :

— 1862: Phan Hiền Đạo tự vẫn ở Vinh-kim-đông (Chợ-giữa Mỹ-tho) vì bị Phan Thanh Giản chê là: Thất thân chi nữ hà dĩ vi trinh?

— 1863: Hai thiếu niên Việt-nam bị xử bắn trước mặt một người thông ngôn có tên là Paulus, vì đã không chịu chỉ điếm nơi trú binh của nghĩa quân tại Rạch-giá;

— 1864: Trương Định bị tên phản quốc Huỳnh Tấn bắn chết tại Gò-công;

— 1867: Phan Thanh Giản hối hận uống thuốc độc để kết liễu trọng trách toàn quyền Kinh lược;

— 1868: Phan Công Tông tử trận ở Giồng Gạch;

Nguyễn Trung Trực bị hành hình tại Rạch-giá;

— 1875: Thủ-khoa Huân bị hành quyết tại chợ Thân-trọng tỉnh Mỹ-tho

Có cần phải dẫn chứng thêm nữa không?

Còn nói tới con đường khai dân trí và tấn dân đức của Trương Vĩnh Ký lại càng phải thận trọng. Những tài liệu (1) của Soái-phủ Nam-kỳ (sắc lệnh, thông tư) để lại cho đến ngày nay cho thấy ông chỉ là công cụ của một chính sách xâm lược bằng tinh thần (conquête morale) và một chính sách thực dân bằng sách vở (politique de la colonisation par les livres) của thực dân Pháp không hơn không kém.

Nhà học giả Hồ Hữu Tường cho những sách của Trương Vĩnh Ký viết về « dạy dỗ người Pháp biết ngôn ngữ và phong tục của người An-nam » là giúp « người Pháp rành về khoản này, để tránh được lăm điều đáng tiếc », nhưng nhà học giả quên rằng, xuyên qua nội dung các sắc lệnh, thông tư của Soái-phủ Nam-kỳ, chúng chính là con đẻ của chính sách « Nghiên cứu truyền thống bản xứ, đào xới thuộc địa » để tìm hiểu mà cai trị của thực dân Pháp.

Bonard là người tiên khởi để xướng và áp dụng chính sách này tại Nam-kỳ. Trong phúc-trình gửi Bộ-trưởng Hải-quân Pháp, Bonard viết: « Sự cai trị do người bản xứ dưới sự kiểm soát của chúng ta, theo ý tôi là phương sách độc nhất để giải quyết vấn đề. Nếu, để lo cho các chi tiết của hành chánh an-nam-mít, ta đem tới đây một số sĩ quan mà đa số không am hiểu ngôn ngữ và phong tục bản xứ

(1) Xem Nguyễn Văn Trung, « Tìm hiểu văn, chữ quốc ngữ thời kỳ đầu Pháp thuộc », tài liệu quay ronéo.

thì ta sẽ tạo nên một tình trạng hỗn loạn » (1).

Chính trong chính sách đó mà cơ quan Bản-xứ Sự-vụ (Service des Affaires indigènes), Trường Thông-ngôn (Collège des Interprètes) và Văn-phòng Trung-ương An-nam (Bureau Central Annamite) được thành lập. Trương Vinh Ký vừa dạy tại Trường Thông ngôn, vừa cộng tác với cố Legrand de la Liraye — người điều khiển Văn-phòng Trung-ương An-nam — phiên dịch và biên tập các tài liệu cổ An-nam. Nhìn toàn bộ sự nghiệp trừ thuật của Trương Vinh Ký từ 1864 cho đến 1894 (2), hẳn thấy nội dung những sách đó không đi ra ngoài chủ đích « nghiên cứu đề cai trị » của người Pháp.

Có thể phân loại chúng như sau :

a/ Loại « Cẩm nang giao dịch » giữa người Pháp và người Việt-nam

Đây là một định-lệ không thể tránh khỏi khi có một quân đội ngoại nhập, hoặc ngược lại. Từ đó nảy sinh ra hạng tri thức thông ngôn và những người làm văn hóa nô dịch (3). Trương Vinh Ký, trong hoàn cảnh va chạm giữa hai ngôn ngữ, với tư thế mẫu tự la-tinh (chữ quốc ngữ) và phương tiện ấn loát trong tay, ông là người Việt-nam duy nhất, vào thời đó, cho ra đời loại sách trên. Và người ta sẽ không lấy làm lạ khi thấy những cuốn sách đầu tiên thuộc loại này của ông đều do Trường Thông ngôn và Nhà in Nhà nước ấn hành.

b/ Loại nghiên cứu truyền thống bản xứ

Công cuộc này trước hết do hai cơ quan Bản-xứ Sự-vụ và Văn-phòng Trung-ương An-nam đảm nhiệm. Cứ tám ngày, các Nha Bản-xứ Sự-vụ lại đúc kết một bản phúc trình về các công cuộc khảo cứu sâu rộng từ phong tục tập quán cho tới các cơ cấu tổ chức của dân bản xứ, gửi về Tổng Tư lệnh. Quân viễn chinh Pháp, bước đầu đặt chân tới đây, tất cả cơ hồ xa lạ đối với họ. Để tìm hiểu, họ phải vận dụng, moi móc tất cả những hiểu biết của các nhà truyền giáo ghi chép về mảnh đất này.

Là phụ tá đặc lực cho cố Liraye, Trương Vinh Ký là người Việt đầu tiên có đủ tư thế đề lấp đầy những thiếu sót mà cố Liraye — qua những « Trang sử ghi về nước An-nam » (Notes historiques sur la nation annamite) của ông — chỉ có thể trình bày một cách hời hợt, sơ đẳng và ngoại diện đối với một xứ sở từng có những ngàn năm lập quốc. Với

(1) Trích dẫn theo Nguyễn Thế Anh, *V.N dưới thời Pháp đô hộ*, Lửa Thiêng xb, t, 131.

(2) Kề năm cuốn sách được ấn hành đầu tiên là *Abrégé de grammaire annamite* (1864) cho đến những cuốn sách được công bố sau cùng vào 1894.

(3) L. Cadière nhận xét về Trương Vinh Ký với thư loại « Cẩm nang giao dịch » của ông, có viết : « Một tác giả đã có công rất lớn đối với những người Pháp đầu tiên học tiếng An-nam » (*Souvenirs d'un vieil Annamitisant*, tạp chí *Indochine*, số 216 ngày 19 Octobre 1944).

ngòi bút của Trương Vĩnh Ký, những công trình phiên dịch các bản văn cổ An-nam và công cuộc nghiên cứu cơ-cấu xã-hội Việt-nam được tập hợp một cách có hệ thống, đặc biệt rất quan trọng (*plus signalés*), rất chính xác cũng như rất khích lệ cho những yêu cầu đúng lúc (*la plus précise et la plus heureuse aux besoins du moment*) đối với các nhà cai-trị Pháp đương thời (1). Thật vậy, đối với lịch sử VN từ trước ngày, qua ngòi bút của các nhà truyền giáo, người Pháp chỉ tìm thấy những điều sơ đẳng và mảnh mún của một nền văn minh đóng khung, thì với những đóng góp dồi dào qua toàn bộ sự nghiệp trừ thuật, Trương Vĩnh Ký đã thật sự thỏa mãn được những hiếu kỳ chính đáng (*légitimes curiosités*) đồng thời lấp đầy cái khoảng trống trầm trọng mà người Pháp đã lúng túng khá nhiều khi mới đặt chân tới đất Nam-kỳ cũng như muốn đào xới cái quá khứ của một thuộc-địa. (2)

Trở lên, là những loại sách chỉ đòi hỏi một kiến thức tổng quát rộng rãi kèm theo một ít thông minh là có thể thực hiện được. Nhưng đối với Trương Vĩnh Ký, ông còn hăm hở đi xa hơn nữa, mon men vào các lãnh vực chuyên môn như địa lý, canh nông, thực vật học v.v... Sức làm việc của ông quả là phi thường, song tiếc thay cái «chủ đích đầu tiên» khi viết những sách đó, ông không nhằm đáp ứng nhu cầu văn học, học thuật của dân tộc mà, thật ra chỉ nhằm thỏa mãn những yêu cầu

khéo léo và kín đáo của người Pháp đang trên đường đào xới thuộc địa để chinh phục, cai trị và khai thác. Điều người ta đã đưa ông lên hàng bác học với những công trình khảo cứu về chim muông, thảo mộc, sâu bọ cũng như về kỹ thuật canh nông bản xứ, thật ra chỉ là sự đóng góp cho những yêu cầu đầy khích lệ của cái gọi là « Ủy-ban nghiên cứu phát triển Canh-nông và Kỹ nghệ Nam-kỳ » (*Comité Agricole et Industriel de la Cochinchine*) (3) mà chủ đích sâu xa của nó không gì khác hơn là đưa đường chỉ lối cho thực dân khai thác lâu dài mảnh đất chiếm cứ này.

Gia dĩ, người ta được biết thêm rằng các công trình biên thuật về sử ký, địa lý bản xứ của Trương Vĩnh Ký là do có lời yêu cầu của « Hội Địa-lý Ba-lê » (4). Và hầu hết những công trình đó đều được nhà in Nhà nước (*Imprimerie du Gouvernement local*) và cơ sở ấn loát của Nhà Dòng Tân Định chăm lo ấn hành. Một vài cuốn sách của Trương Vĩnh Ký đã trở thành tài liệu bảo mật và sở hữu riêng của nhà nước và Nhà Dòng như tập *Dur đồ thuyết lược* chẳng hạn. Người viết những loại sách này, dù yếu kém về kiến thức chuyên môn, nhưng bằng sự hăng say của tuổi trẻ và sự hiếu kỳ

(1) Bouchot, sđd, t, 25,

(2) Bouchot, sđd, t, 28.

(3) Do Đô đốc Rose cho phép thành lập ngày 16-6-1865 và bức thư phúc trình công cuộc nghiên cứu đầu tiên của Trương Vĩnh Ký về các loại kiến được đăng tải trên Kỷ yếu của Hội, tập I, số IV năm 1866.

(4) Bouchot, sđd, t, 26, chú thích (4)

tài tử (d'une curiosité de dilettante), ít ra cũng đã « tóm lược được cho những người ngoại quốc mới đến những công hiến cơ bản liên quan đến mảnh đất này, gia di đã trải ra một cách cực nhọc trước mắt họ, những công hiến, cho đến lúc đó, muốn nghiên cứu phải nhờ vào những bản đồ do Dayot, Brun dựng lên ở thế-kỷ XVIII và Giám-mục Taberd, đầu thế-kỷ XIX » (1)

c/ Loại phổ biến chữ quốc ngữ

Trước Trương Vĩnh Ký, chữ quốc ngữ là một phương tiện truyền đạo của các thừa sai nhằm thuận-tiện-hóa ngôn-ngữ và văn-tự trong sự tiếp xúc và rao giảng thánh kinh cho người bản xứ. Trong buổi sơ thời ấy, bằng khối óc sâu sắc của người cán bộ (cán bộ chính trị hay cán bộ tôn giáo cũng thế), chữ quốc ngữ được sử dụng như là cách thể tốt nhất để triệt tiêu dần dần tư tưởng Tam giáo vốn đã ăn sâu mọc rễ trong các kinh điển, cỗ thư được gói ghém qua tự dạng chữ Nho và chữ Nôm. Người thầy giảng cũng như con chiên bản xứ bắt buộc phải làm quen với thứ chữ mới là mẫu tự la-tinh và loại bỏ cái hình thái văn tự ngoằn ngoèo từ các ngoại điển của « ngoại đạo », vì, nếu không, họ sẽ quay trở lại ý thức truyền thống « An-nam xưa » (2).

Mãi cho tới thời Trương Vĩnh Ký, chữ quốc ngữ chỉ được lưu hành thu hẹp trong phạm vi các giáo đoàn và được dùng để biên chép những tín lý, thánh kinh, hoặc đi xa hơn chút nữa, các sứ đồ của Chúa dùng

nó để viết thư tín, hồi ký hay báo cáo liên quan đến công cuộc rao giảng và gieo rắc ánh sáng Thiên Chúa thôi.

Thế nhưng, từ 1862 trở đi, nghĩa là sau khi hòa ước Nhâm-tuất được ký kết và người Pháp bắt đầu đặt nền móng cai trị tại ba tỉnh miền Đông Nam-Kỳ, thì chữ quốc ngữ trở thành công cụ cho « chính sách thực dân bằng sách vở » của xâm lược Pháp, và hơn thế nó còn được coi như văn tự chính thức cho các giấy tờ hành chánh, tư pháp và thương mại của nhà cầm quyền thuộc địa.

Trong thư văn đề ngày 15-1-1866 gửi cho quan bố Saigon (do Soái phủ bổ nhiệm), Giám đốc Nội vụ Paulin Vial có viết : « Từ những ngày đầu, người ta (Pháp) đã hiểu rằng chữ Hán còn là một ngăn trở giữa chúng ta và người bản xứ ; sự giáo dục bằng thứ chữ tượng hình khó hiểu

(1) Bouchot, sđd, t, 26.

(2) Lanessan viết trong *Les Missions et leur protectorat*, t, 52 : Tôi còn giữ trong tay một thư của Giám mục Puginier trong đó, Ngài trình bày mục đích việc phiên âm La-mã một cách thật rõ rệt. Ngài nói khi thay thế chữ Nho bằng chữ quốc ngữ, Hội Thừa sai nhằm mục đích cô lập các giáo hữu. Những người này sẽ không còn có thể đọc được những tác phẩm dễ đọc nhất của Trung-Hoa và cũng không thể thư từ gì được với bất cứ sĩ phu Tàu hay Ta nào, Được giáo dục như thế, các Thầy người bản xứ sẽ chỉ có thể đọc một số hiếm những sách do các thừa sai viết bằng quốc ngữ cho họ dùng và trong đó chỉ bàn đến những vấn đề thuần túy tôn giáo ». (trích dẫn theo Nguyễn văn Trung, Chủ đích Nam Phong, t, 189)

làm chúng ta rơi tuột hoàn toàn ; lối viết này chỉ tỏ khó cho việc truyền đạt đến dân chúng những điều tạp sự cần thiết có liên quan tới khung cảnh của nền cai trị mới cũng như cho việc thương mại. Chúng ta bắt buộc phải theo truyền thống nền giáo dục riêng của chúng ta ; đó là cách duy nhất khiến chúng ta có thể gần gũi người An-nam thuộc địa hơn, ghi vào tâm não họ những manh mối của nền văn minh Âu-châu đồng thời cô lập họ khỏi ảnh hưởng đối nghịch của các lân quốc của chúng ta » (1)

Thế là, từ nơi thâm nghiêm cấm mật của các giáo đoàn, chữ quốc ngữ đã vượt ngưỡng cửa Nhà Chung để len lỏi rộng rãi vào các tầng lớp dân gian Việt-Nam, dưới sự phối trí và chỉ đạo cao kiến của các giáo-sĩ và các nhà cai trị thông thái Pháp. Trong sự trù tính của họ, việc cho áp dụng và phổ biến chữ quốc ngữ không ngoài hai chủ đích :

— Thui chột sự dùng chữ Nho và chữ Nôm là phương tiện chuyên chở và nuôi dưỡng tinh thần quốc gia thấm nhuần từ các hệ tư-tưởng truyền-thống lâu đời (2) ;

— Định lại một văn-thể hành chánh, tư pháp, và thương mại trong đó chữ quốc ngữ được coi là văn tự chính thức (écriture officielle).

Mà, muốn áp dụng và phổ biến chữ quốc ngữ vào dân gian, không gì hơn là chuyện ngữ ngay nền văn chương truyền khẩu bình dân, tức là những áng văn vần cùng là truyện tích rất được ưa thích đối với họ (3) ; gia dĩ, nhằm đạt tới cứu cánh (phổ

biến chữ quốc ngữ), những sách căn bản đạo lý gia đình Việt-Nam (cũng là đạo lý Trung-Hoa) cũng đã được đem ra phiên dịch bằng thể văn vần chữ quốc ngữ. Eliacin Luro, một Thanh tra Bản-xứ Sự-vụ, trong phúc trình đệ ngày 6-1-1873, đã cho thấy mục-tiêu này :

« Từ lâu, tôi thỉnh cầu một cách vô hiệu rằng người ta phải phiên dịch, dưới sự chăm sóc của một Hội-đồng có đủ quyền hành, lịch sử nước An-nam và những sách cao quý của triết lý Trung-Hoa. Người dân, ít nghe tiếng quan thoại, vào trình độ họ sẽ rất sung sướng có được những cuốn sách dịch bằng ngôn ngữ thường ngày của họ một cách thanh nhã. Họ sẽ mua, sẽ đọc những cuốn sách đó. Trong số các thừa sai và viên chức của chúng ta, chúng ta có nhiều người đủ khả năng để hoàn thành những sách dịch thanh

(1) Trích dẫn theo Bouchot, sđd, t, 36-37, chú thích (2).

(2) Thật vậy, ngày mà Bonard, vì đường lối cai trị gián tiếp khéo léo, đã cho tái lập toàn bộ cơ cấu tổ chức xã-hội và học thuật cũ « An-nam » thì, lập tức, người phát ngôn của Hội Thừa sai là Adrien Launay lên tiếng công kích « Bonard cho tổ chức dạy lại chữ Nho và cho lập lại những bằng tước cũ của tiến sĩ và cử nhân mà không tự hỏi rằng tốt hơn là phải tách xa người An-nam những gì có thể củng cố họ trong những tư tưởng quốc gia và do đó dẫn tới sự bài Pháp » (J. Chesneaux, Contribution à l'histoire de la nation vietnamienne, t, 115)

(3) Vũ Ngọc Phan đã nhận định rất đúng khi viết : « Hồi đó, ông (TVK) cần phải xuất bản như thế, cốt dùng những truyện phổ thông làm cái lợi khí cho chữ quốc ngữ được lan rộng trong dân gian... » (Nhà văn hiện đại, q, I, t, 27).

nhã từ tiếng quan thoại ra tiếng nói hằng ngày » (1).

Trong mưu tính đó, Trương Vinh Ký với sở đắc quốc ngữ từ nơi cụ Tám, cố Hòa, cố Đoan qua các giáo sĩ khác, cộng thêm cái vốn thông dịch hiếm hoi buổi sơ thời, ông đã được nhà cầm quyền thuộc-địa yêu cầu đảm nhiệm công cuộc phiên dịch (2). « Tất cả những bản văn ông chuyển từ chữ Hán sang chữ quốc ngữ chẳng có mục đích nào khác hơn là làm cho dân chúng An-nam áp dụng lấy mẫu tự la-tinh và đồng thời thui chột sự dùng quá nhiều chữ Hán ngay cả trong văn chương bằng quốc ngữ; những bản văn ấy đã đáp ứng được sự mong mỏi, kể từ có cuộc chinh phục, được tiên định bởi các nhà Đô đốc cai trị và do Giám đốc Nội vụ, Paulin Vial, đã đo lường những trở ngại mà sự biểu ý bằng văn tự sẽ phải manh nha giữa dân tộc Việt-Nam và người Pháp » (3).

Kết quả công trình phổ biến chữ quốc ngữ của Trương Vinh Ký thật sự qui mô và công khai khi Đô đốc Ohier ký nghị-định ngày 16-9-1869 trao toàn quyền tờ *Gia Định Báo*, tờ báo đầu tiên trên đất Việt, cho ông quản nhiệm với chủ đích đầy mạnh chính sách thực dân bằng sách vở, báo chí; và nó đã thật sự chín mùi khi Trương Vinh Ký bước chân vào cái gọi là « Hội-đồng Học-chính cao cấp » (Commission supérieure de l'Instruction publique) bằng một nghị định của chính quyền thuộc địa ngày 17-11-1874.

oOo

Người làm văn-học cũng như người viết văn-học sử, dù đứng trên quan điểm nào đi nữa, cũng không thể xa rời căn bản dân tộc. Một công trình văn học giá trị phải là một tập hợp những chất liệu bắt nguồn từ thực tại sinh hoạt vật chất và tinh thần đích thực của dân tộc.

Đối với Trương Vinh Ký, nhìn lại toàn bộ sự nghiệp trứ thuật của ông, ta không khỏi tiếc rẻ khi nhận ra rằng tài năng « đứa con đất Nam-kỳ » đã đi hoang theo tiếng gọi của người thầy mẫu quốc. Không kể tới loại sách « Cầm nang giao dịch » vốn là một nhu cầu cấp thời, giai đoạn, các công trình biên tập và khảo cứu của ông đều được viết ra theo lệnh hoặc do sự khuyến khích chỉ dẫn của quan thầy. Nếu bảo đó là công trình « đào xới thuộc địa » của những Aubaret, Luro Vial, Silvestre, Philastre, Liraye v.v... cũng không sai mấy; duy có điều khác biệt là, thay vì dùng nhãn quan của người ngoại quốc trí thức thực dân, Trương Vinh Ký đã cấu tạo các tác phẩm của ông bằng nhận định và cảm nghĩ xác thực của một người bản xứ. Chính đó là sự thiếu sót trầm trọng nếu không nói là bất lực đối với những ngòi bút ngoại quốc khi đi sâu vào truyền thống bản xứ.

Tuy nhiên, nhờ sự chuyển biến đưa đẩy của lịch sử và văn học, các ngòi bút nói trên đã gặt chung một kết quả, đối với những thế hệ cầm

(1) G. Taboulet, *La Geste Française en Indochine*, t, 594.

(2) Bouchot, sđd, t, 32.

(3) Bouchot, sđd, t, 36.

bút về sau. Những công trình của lớp trí thức thực dân ngoại quốc và trí thức tay sai bản xứ (dĩ nhiên trong đó có Trương Vĩnh Ký) vô hình trung đã trở thành những tài liệu nghiên cứu lịch sử và văn học tối cần cho kẻ hậu học muốn tìm lại vang bóng của một thời. Và, như thế, cái chủ đích đầu tiên « nghiên cứu đề cai trị » hóa ra là kết quả tốt cho việc học và nghiên cứu của một số người làm văn hóa. Điều ấy không có gì lạ. Trong tình trạng nền học cũ bị thực dân đẩy vào bóng tối và chữ quốc ngữ dần dần chiếm ưu thế với chương trình giáo dục do thực dân áp đặt và duy trì suốt thời đô hộ, con đường văn hóa dân tộc ít nhiều cũng bị lái theo một hướng khác. Thật Nguyễn-Đình-Chiều đã có cái lý của ông khi lên tiếng công kích việc học và phổ biến chữ quốc ngữ trong buổi đương thời (1).

Hiền như vậy đề thấy rằng, trong khi Nguyễn-Đình-Chiều, Phan-văn-Trị cùng các chiến sĩ văn hóa khác viết nên những thi văn rực cháy lòng yêu nước từ bên kia lũy tre kháng chiến thì, tại Saigon, Trương Vĩnh Ký hoàn toàn quay lưng lại với thực tại đất nước đề kể *Chuyện đời xưa*, *Chuyện khôi hài*, hơn thế, giống như Tôn Thọ Tường « khuyên đàn con trẻ chớ thầy lay » ông bảo những người yêu nước Việt-Nam *Bất cương, chớ cương làm chi* (2); và mĩa mai biết bao khi nghe ông giảng *Tứ thơ*, *Đại học*, *Trung dung*, *Luận ngữ*, *Minh tâm*, *Sơ học vấn tân* (2)... Có khi nào ông đã hỏi lại chính lòng mình

những điều sơ học ấy của Khổng-Mạnh? Có lý nào một nhà trí thức vừa đề cao tư tưởng giữ nước yên nhà, lại vừa theo ngoại xâm đề vinh thân và phì gia? (3)

Sẽ không khỏi có người đặt câu hỏi: Nhưng dù sao Trương Vĩnh Ký cũng là người có công lớn trong văn học, nhất là văn học chữ quốc ngữ? Điều này cần minh thị: *Trương Vĩnh Ký chỉ có công trong công cuộc phổ biến chữ quốc ngữ*, tức là cái hình thức của nền văn học chữ quốc ngữ, còn cái nội dung của nền văn học đó không nằm trong tay ông mà chính ở lớp sĩ phu Văn thân, Cần Vương bị đánh bại bằng võ lực đề rồi cất lên tiếng nói, lời giảng trong Phong trào Duy-tân, Đông-kinh Nghĩa thực... Đó mới chính là cái truyền thống học thuật:

« *Khổng-mạnh cương thường nên tạc dạ Tây-Âu khoa học phải ghi lòng.* (4) »

Chỗ đứng của Trương Vĩnh Ký về-vang và đồ sộ không phải trên văn

(1) Nói như thế không có nghĩa là phủ nhận sự tiện lợi của chữ quốc ngữ mà ở đây, nó được nhìn như một lợi khí truyền đạo và đồng hóa văn tự của các giáo sĩ và thực dân xâm lược buổi đầu.

(2) Những hàng chữ nghiêng là nhan đề những sách do Trương Vĩnh Ký viết ra.

(3) « Người có lòng với nước chẳng khi nào bắt cả hai tay được cả công lẫn lợi, và cả danh tiếng nữa, nếu thế thì là quân giả dối cả » (Phan-Châu-Trình)

(4) Hai câu đối trước cổng trường Pétrus Ký Saigon: Khổng-Mạnh cương thường tu khắc cốt, Tây-Âu khoa học yếu minh tâm.

đàn dân tộc Việt-Nam mà chính ở trong nền văn chương thuộc địa (une littérature coloniale) của người chính quốc và những ngòi bút phục vụ quyền lợi thuộc địa. Định lại vị trí của Trương Vinh Ký, ấy là trả lại sự công bằng cho lịch sử đồng thời cũng là sự công bằng của quốc gia.

Như vậy, từ trước đến sau, từ đời chính trị cho đến sự nghiệp văn chương, đâu là con đường khai dân trí và tấn dân đức, đâu là hóa trình từ một trí thức hợp tác đến một sĩ phu? Không lẽ một nhà học giả như ông Hồ-Hữu-Tường lại đi đui cột chân nghĩa hai tiếng Sĩ phu? Chưa thôi, ông Hồ còn ỡm ờ đem cái việc cụ Đồ Chiêu ra lệnh cho cô con gái Nguyệt Anh cô chép trọn bài sắc của vua Đồng-Khánh phong Hàn-lâm Thị-độc Học-sĩ cho Trương Vinh Ký nhằm lấy uy tín của một chiến sĩ văn hóa dân tộc bất khuất mà củng cố cho một nguy danh. Cụ Đồ Chiêu bảo con gái chép bài sắc của Đồng-Khánh là ý riêng của cụ, chẳng ăn nhập gì đến sự việc « Nam đi làm Tây, chính lại tà » (thơ Đồ Chiêu) của họ Trương. Không lẽ nhà học giả chính hiệu Hồ-Hữu-Tường bảo với mọi người rằng ông A, ông B kia cũng là học giả, là mọi người nghe theo ngay sao, hay là phải đi truy xét lại cái thực chất của ông A, ông B? Và chắc chắn học giả Hồ-Hữu-Tường đã thừa biết Đồng-Khánh được ai tấn phong lên ngôi, cùng với tư thế của ông

ta vào những năm 1885 - 1888...

oOo

Đối với ông Hồ-Hữu-Tường, thật, từ lâu chúng tôi có lòng kính trọng. Chúng tôi kính trọng không phải vì cái « học giả » mà chính là nhân hiệu « dân tộc » của ông. Quả thế, suốt đời ông, nghĩa là suốt cái thời gian mà hết thực dân cũ tới thực dân mới ngự trị trên đất nước này, con người ấy chưa từng một lần đi với ngoại nhân hoặc a tòng với tay sai quyền thế của ngoại nhân. Những năm tù đầy của ông đảm bảo cho lời nói đó.

Thế nhưng, cũng thú thật, là chúng tôi không khỏi ngạc nhiên khi thấy chính ông Hồ lại đưa ra một thái độ nhập nhằng về « Hiện tượng Trương Vinh Ký » như thế. Nếu vì một ý tình nào nhằm bảo vệ tên tuổi cho một cá nhân trong suốt dòng lịch sử hỗn độn thì không nói làm gì, đằng này ông đem một hiện tượng không mấy chính danh ra mà « giải quyết » rồi ông bảo các nhà trí thức « nghiên ngẫm » thì thật là danh không chánh, ngôn chẳng thuận chút nào.

Dạo nọ có nhà phê bình, khi nói về tiểu thuyết *Thuốc trường sinh* của ông, cho tinh thần ông Hồ-Hữu-Tường không được bình thường; và đoán rằng có lẽ do ấn ức sinh lý của những năm ngồi tù Côn đảo mà ra. Lại có người bảo ông là một người quá giàu thị kiến, tư tưởng thường đả phi trên những vòm

trời phi tướng và phi phi tướng. Nhưng chắc chắn hơn cả là lần (1) tôi được nghe chính ông bảo ông là con người rất tếu, như một Phi Lạc sang Tàu, đại náo Hoa-Kỳ rồi bôn Nga...

Nhưng xin thưa với tác giả bài «Hiện tượng Trương Vinh Ký» đúng như lời ông viết: «Cai hiện

tượng này, xét trong khuôn khổ thời sự ngày nay, trở nên là một vấn đề vĩ đại vô cùng.»

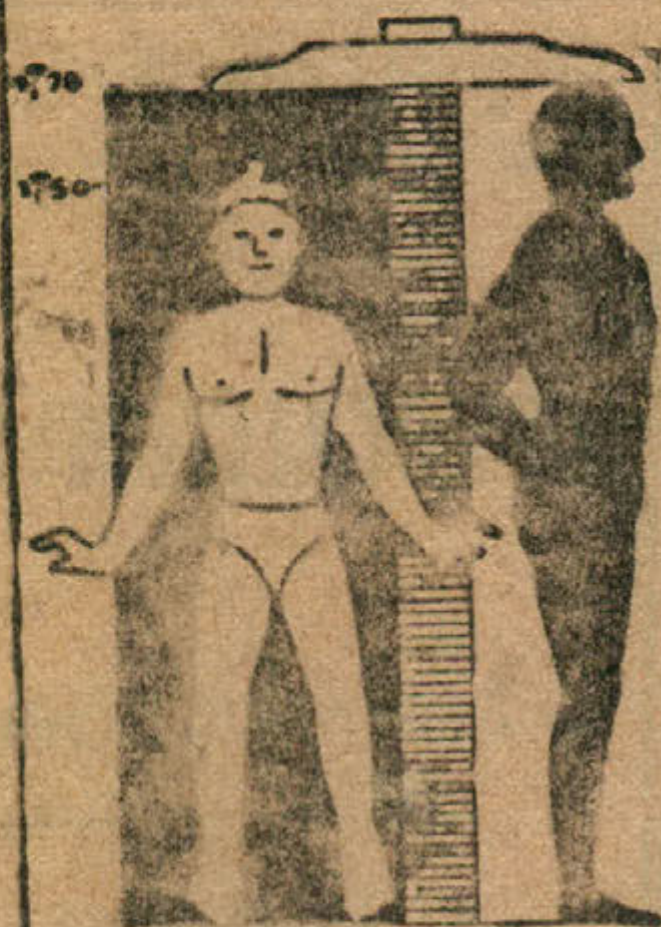
NGUYỄN SINH DUY

10-9-74

(1) Buổi nói chuyện «Làm thế nào học giỏi» do Hội Khuyến-học Đà-Nẵng tổ chức tại thính-đường Hội Việt-Mỹ mấy tháng trước đây.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOÉ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI .
- MỆT MỎI .

LABGHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.



Bồ máu Chuông vàng
Soluté B1, B12, Fer

FERAMIN

Mất máu — Đau mới khỏi — Ăn
không tiêu — Bần thần mỏi mệt

Viện bào chế *TENAMYD*

Đậy kỹ và giữ trong tối

*Công thức mới
thuốc mới P.*

Hemocalcium B12

**VI SUY YẾU CHẬM LỚN
KÉM ĂN THIẾU MÁU**

Hemocalcium B12

Chất Sorbitol để giúp cho
sự hấp thu sinh tố B12
qua màng ruột mà không bị
biến tạo.

Viện bào chế TENAMYD

Công thức môn
thuốc mới :

HÉMOCALCIUM B 12

**VI SUY YẾU — CHẬM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU**

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm
nhập sinh tố B 12 qua màng ruột mà
không bị tiêu hao.

Sản tại các nhà thuốc Tây.

THƠ trong phong trào NÓI THƠ miền Nam với một số tác phẩm mang tính chất đối kháng

Những tác phẩm mang tính chất đối kháng

Tôi muốn nói ngay tới thơ Sáu Trọng, thơ Thầy Thông Chánh, thơ Sáu Nhỏ và thơ Cậu Hai Miền. Người làm thơ ghi lại những sự kiện xảy ra theo như họ trông thấy hoặc nghe biết, tuy rằng đôi khi có sai suyền ít nhiều. Chuyện xảy ra nghe được thế nào người ta cứ theo thế ấy mà ghi lại, chỉ thêm vào đôi chút ý kiến của mình hoặc một số chi tiết cho chuyện thêm rôm rả chứ không hề tự ý dựng lên cốt truyện. Những tay gan dạ coi chết như không, ăn ở đúng điệu nghệ với bạn bè, thấy việc chướng gay thì xông ra hành hiệp, cho dầu hành động đó có trái với pháp luật cũng chẳng sợ gì, thì được dân chúng mến phục, làm thơ ngâm nga ca ngợi.

* Anh Sáu Nhỏ «to gan lớn mật» làm thầy du côn, trong khi mới 16 tuổi đầu. Nhỏ người Bình Tây, vì sự trang nhau can đảm, các tay du côn ở Bà Chiểu lập mưu giết Nhỏ. Bấy giờ có Mười Thăm được mượn 20 đồng bạc để tìm cách dụ Sáu Nhỏ đến nhà mình cho bọn kia trừ. Sáu Nhỏ tuy có ngầm biết nguy kế của bọn kia, nhưng khi chưa kịp trở tay thì bọn du côn vây phủ. Sáu Nhỏ một mình chống đỡ và cố gắng thoát thân được. Y lội nước chạy về Bình

Đông và phải nằm bệnh suốt tháng.

Bấy giờ có Năm Bắp, Mười Kiều qui tụ anh em rửa hờn cho Sáu Nhỏ. Họ chánh thức viết thơ thông cáo cho phe địch hẹn ngày đánh nhau. Chuyện này thấu tai cò bót. Người ta ra lệnh canh phòng cẩn mật nơi mà các «giang hồ hiệp khách» hẹn hò và nhất quyết phải bắt sống cho được Sáu Nhỏ. Nhỏ đã chống cự quyết liệt với cò bót, nhưng bởi lính đông và súng nhiều, Nhỏ phải sa lưới. Anh bị kết án mười năm tù rồi bị đày về Hà-tiên.

Ở tù tại Hà-tiên ít lâu, Sáu Nhỏ mở khám thả tội nhân ra làm náo động cả châu thành. Mã tà kéo đến vây Sáu Nhỏ. Nhỏ dùng võ nghệ cao cường chống với Đội Lâu và Quân Long. Tiếng trống báo động đánh lên vang trời, lính tráng bủa khắp thành phố Hà-tiên trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Nhưng mãnh hổ nan địch quần hồ, Nhỏ bị bắt sống lần nữa.

Đề cho khỏi «nhờ danh anh hùng» Sáu Nhỏ tự vận. Bạn bè xót thương dân chúng đều kính phục và mến tiếc tài tình thông võ nghệ của bậc «hùng anh Sáu Nhỏ».

* Việc Thầy Thông Chánh bản chết viên Biện-lí Trà-Vinh, dù là tư hiêm, cũng được đặt cho một bồn đề dân chúng «nói thơ» dài dài, khen phục

cảm thương thầy.

Thầy mới đầu làm thông ngôn tại Tòa án Sài-gòn. Viên Biện-lí ở đây sanh dạ tà tây, cứ đeo theo ve vợ thầy. Muốn khỏi bị phá gia cang, thầy tính bề tránh viên Biện lí, nên xin đổi xuống Tòa án Tân-An.

Viên Biện lí liền xin đổi theo xuống Tân-An.

Thầy Thông Chánh lại xin đổi đi xa hơn, lên tận Tòa án Nam Vang.

Viên Biện-lí lại theo vợ thầy bèn gót lên đất Chùa tháp!

Thầy lại xin đổi xuống Tòa án Trà-Vinh. Viên Biện-lí lần nữa lại đổi theo và đeo theo thím Thông, ve thêm cô con gái của thầy, là cô Ba Thiệu, nổi danh tuyệt sắc với mỹ hiệu Cô Ba (1).

Ước lòng quá mức, thầy quyết tâm trả thù.

Nhân dịp lễ Chánh Chung của Pháp (14-7), chánh quyền tỉnh Trà Vinh có tổ chức nhiều trò vui công cộng, trong đó có đua ngựa, thầy Thông Chánh « nai nịch súng ống » xông đến khán đài bắn Viên Biện lí chết ngay, rồi thầy quay súng tự bắn mình. Nhưng có tên Phủ Hơn lẹ tay giựt lấy cây súng, súng nổ mà không trúng thầy. Đạn bay đi giáp vòng, trúng nhiều tên thực dân Pháp.

Thầy Thông Chánh bị bắt, bị tra tấn rồi bị giải lên Sài-gòn. Nguyên soái ngồi tòa Đại-hình, tra hỏi, thầy một mực không khai nguyên do, mà còn hăm bẻ còng. Bởi thầy không

chịu khai điều gì, nên Tòa Đại-hình đành giải thầy ra Huế cho triều đình xử tội. Trước mặt vua, thầy mới nói hết sự thật. Vua không xét án thầy mà còn than thở : « *Trẫm nay còn phải ăn lương nó rày* ». Vua giải trả thầy về cho Pháp ở Sài-gòn. Từ đây, thầy bị giải sang Pháp, sau giải trả về Trà-Vinh để phải chịu xử chém bằng gươm máy (2).

* Chuyện Cậu Hai Miên bỏ chức không làm việc cho Tây, tên thật Huỳnh Công Miên, có du học bên Pháp, có theo Trần Bá Lộc đi đánh dẹp ngoài Thuận Khánh nhưng rồi bỏ ngang, đi ăn chơi khắp Lục tỉnh đánh lộn là n anh hùng nghĩa hiệp, không coi Tây ra gì, nhiều lúc phá rối trị an, cậu cũng vẫn được làm thơ ca ngợi.

Hai Miên gốc người Nam Kỳ, con « quan lớn Tấn » (Huỳnh Công Tấn) ở Gò Công, tuổi độ 30 mà tánh tình dọc ngang, chánh trực và hào phóng ít người sánh kịp. Cậu có lòng nhưn thương người thất thế, mến ai trung nghĩa và ghét cay ghét đắng kẻ gian tà. Lại bình vực hết mực đối với bọn em út tay churen cậu.

(1) Cô Ba Thiệu sắc nước hương trời làm nhiều viên chức thực dân dầm đuối qua một lần gặp cô. Cô nổi danh không chỉ đương thời mà kéo dài nhiều thế-hệ qua bốn thơ Thầy Thông Chánh. Hình ảnh Tây Thi của cô đã được suy tôn mỹ danh Cô Ba đề đặt lên làm nhãn hiệu cầu chứng che một thứ xà bông quý tự đời thuở nào. Một người gương mặt hơi dài, nước da trắng mát, đầu búi tóc thả diều, cổ đeo kiềng, vàng, dây chuyền rực rỡ, đó là bóng dáng còn lại của cô, cho mãi tới ngày nay : Xà bông Cô Ba.

(2) Theo tôn lực của Thuận Phong

Bọn em út của Cậu Hai Miên là Danh, Hồ và Ngà thua bài sạch túi, mà người thắng cuộc là tên Chệt Lù. Bọn này đến than phiền với Cậu Hai, cho rằng đó là một cái nhục vì Lù vốn là tay ngang, nên nó ăn được, mừng, thôi không đánh nữa. Cậu Hai sai đòi Chệt Lù tới, bắt phải gãy sòng đánh lại. Lù sợ không dám chối từ. Kết quả là y thua lại ráo trợn, tiếc hùi hụi nhưng không dám nhích mép.

Một lần Hương quản cấm cờ bạc theo đúng luật lệnh của Tây, không được, y phải đích thân giải tán. Trong khi ấy thì Cậu Hai Miên ngược lại, sai Bảy Thọ truyền rao trước mọi người : Hương quản nó cấm, nhưng Cậu Hai cho chơi, thử coi thắng nào làm chi cho biết ! Nhục quá, vả lại Hương quản cũng chưa biết Cậu Hai là người nào mà bắt kê pháp luật làm vậy, nên cương quyết giải tán đám dân đánh bạc. Thế là Hương quản bị ăn đòn một trận đến liệt bại thân thể, phải tạ tội và van cầu khẩn thiết với Cậu Hai mới được tạm sống. Chuyện động trời như vậy mà khi gặp Chánh Tham biện Tây, ông này còn « thông cảm » Cậu bằng những li rượu ngon, ra lệnh cách chức tên Hương quản nọ và yêu cầu Cậu Hai coi sóc dân chúng giùm cho, miễn sao các sòng bạc cứ đánh êm, đừng gây náo loạn trong cuộc trị an thì là quý lắm !

Không chỉ đánh Hương quản mà Cậu Hai Miên còn đánh cả đến viên Cai tổng, còn « bắt Cô Hai Sáng treo

lên cột buồm », còn hạ tên du côn Tám Hồ sát ván không chút nương tay. Hết tiền thì ghé vô Chủ quận, Chủ tỉnh « mượn xài ». Gặp chuyện nguy chết không biết chùn bước sợ sệt. Bọn còn đồ sợ Cậu, dân chúng phục Cậu, quan lại An-nam ngán Cậu, còn viên chức Lang-sa thì đều « chạy mặt » Cậu, không ai muốn làm tội Cậu, mặc dù Cậu luôn luôn làm chuyện phiền hà, gây cảm tức cho chánh quyền.

Bởi vậy Cậu Hai Miên được xưng là « lưu linh miễn tử », được thơ về tán tụng, đời đời lưu danh.

* Đến việc anh Sáu Trọng phá nhà Tây, đốt nhà thường dân, sát nhân nữa, để phải chịu án tử hình. Vậy mà anh được dân chúng phục là anh hùng, được đặt cho bốn thơ « đặng đề đời xem chơi ».

Thời Nam kì thuộc Pháp (1) có Sáu Trọng, sau nhiều năm bỏ nhà đi hoang, anh trở về kết duyên với Hai Đầu, một cô buôn gánh chè cháo.

(1) Trong thơ *Sáu Trọng*, bản in Phạm văn Thịnh, loại « bản cũ soạn lại » không đề năm x.b. mở đầu rằng :

Kì vì thọ Pháp tân trào

Ngày nay nghĩ lại khác nào thưở xưa
Năm Kì vì thuộc Pháp, nếu tính ra dương lịch thì là 1919, như vậy e sai. Bởi vì Nguyễn Liên Phong trong *Nam Kì nhơn vật phong tục diễn ca*, do nhà *Phát Toán* in năm 1909 đã có nhắc tới và chê bai thơ *Sáu Trọng*. Vậy thơ *Sáu Trọng* đã có trước đó !

Có thể là Ất vì (1895) hoặc Đinh vì (1907) mà người ta đã in sai ra Kì vì chăng ? Xin đánh dấu tên nghi đề lại sẽ có dịp xét đến sau.

Họ mượn một căn phố ở chợ Bến Thành. Hằng ngày Trọng đi ở mượn cho Tây, còn Đầu thì bỏ nghề, chỉ lo nội trợ. Lương của Trọng hằng tháng được mười đồng.

Nhưng Đầu lang chạ, ngoại tình với Tám Lịch là anh nuôi của Sáu Trọng. Đầu mê Lịch, bán cả vòng đôi, trâm cài để cung cấp cho Tám Lịch làm Trọng hay được và rình gặp quả tang. Nhưng Trọng vẫn tha thứ cho cả hai vì tự nghĩ « anh nuôi lấy vợ đừng thù mới hay ». Anh lui thủ ra đi, bỏ hết...

Tuy vậy Đầu sợ, bỏ về nhà cha mẹ ruột, rồi ít lâu, lấy một Kí lục người Pháp tên Be Bo. Từ đó Đầu giàu, theo Be Bo dời về Trà-Vinh, có đem theo đứa cháu trai tên thằng Nguru để sai vặt. Nhưng chứng nào tật nấy, Đầu đụng ai lấy nấy, từ hạng thầy chú đến lũ dọn bàn. Thằng Nguru tuổi mới 15, thấy cô mình « vàng đeo cả chống đụng ai không từ » như vậy, cũng phải khuyên can kêu ca. Nhưng Hai Đầu lại phải lòng luôn cả đến thằng Nguru:

*Bây giờ tao chẳng lấy ai.
Lấy mấy tin cậy coi ngoài coi trong.*

Sáu Trọng bấy lâu buồn tình bỏ đi Châu Đốc, nay trở về thăm nhà, mới hay có sự. Trọng đốt nhà cha mẹ vợ rồi tuốt xuống Trà Vinh, gặp Be Bo và Hai Đầu. Sau một cuộc đối thoại đầy khí phách Trọng ưỡn ngực thách Be Bo bắn mình. Nhưng Be Bo chỉ phao vu rồi cho bắt Trọng. Trọng bị kêu án ba năm tù.

Khi mãn tù, Trọng được bạn bè giúp đỡ, trong đó có Năm Tị. Tị cho hay rằng y đã được Hai Đầu mượn giết Trọng với giá bạc một trăm đồng, nhưng y không làm thế, mà chỉ lấy tiền xài chơi thôi. Trọng tức quá, trở xuống Trà Vinh, quyết phen này hạ sát Hai Đầu. Trọng đã giết chết Đầu bằng một cái mác và chém lấy vít thẳng Nguru ở tay để thị oai, rồi tự đi đến tòa nộp mình.

Trước tòa, Trọng nhận tội. Tòa Mi-Tho họp phiên đại hình xử chém Sáu Trọng. Người coi ai cũng khóc thương Sáu Trọng, nhưng anh ta thì vẫn thản nhiên nói tiếng Lang Sa với tòa : « Cám ơn ! Lòng mỗ không sòn đầu và mỗ cũng không thêm một tiếng kêu oan ».

Trên đó là những chứng tích căn bản mà chúng ta còn có thể tìm thấy được ở thơ một cách rõ ràng qua ý hướng sáng tác đối kháng của các tác giả bình dân vô danh.

Chút nhận xét về các tác phẩm đối kháng

Tuy xuất phát từ giới bình dân, người ta vẫn tìm thấy được ở thơ, đặc biệt là ở loại thơ đối kháng thực dân vừa nói, có những giá trị riêng, khả dĩ gây được sự hâm mộ của phần đông.

Về văn chương, mặc dù những người sáng tác ít học, họ chỉ cần diễn được ý mình, cho nên không tránh khỏi những câu trơn tuột kém hoa mỹ, những lời sáo mòn thiếu hình ảnh, nhưng người ta vẫn bắt

gặp trong thơ có những chỗ búi tai thắm ý.

Chẳng hạn có đoạn tả người hoạt động, tuy không xuất sắc nhưng cũng đủ sinh khí làm hồi hộp người nghe. Ta hãy để ý lúc Trọng chuẩn bị hạ sát Đầu :

Sáu Trọng hơi giận hăm hăm
 Xấn quần vén áo chun lần bước ra
 Bói đầu lại rút đuôi gà
 Sợ khi ngộ trận sỏ ra khó ngồi
 Con Đầu thời vận tới rồi
 Bước vào trong chỗ ông ngồi đương
 xây
 Ông già mắc đi ngậm mây
 Sáu Trọng ăn cắp mác này xách đi (1)

Đây là một hoạt cảnh, xảy ra giữa Hai Miên và Tám Hồ, khi cả hai người cùng lúc nổi lời đanh :

Cậu Hai tức giận biết bao
 Bèn đá Tám Hồ để nào thứ dung
 Tám Hồ cũng bực anh hùng
 Né tránh rất lẹ nếu không rời đời
 Hai Miên đem hết sức tài
 Đánh miếng tiền tấn, phải ai mất
 hồn
 Tám Hồ anh chị du côn
 Cho nên cũng học côn quờn nhiều
 thay
 Lẹ mắt thấy đánh miếng này
 Chàng bèn tọa xuống, sang ngay lẹ
 làng
 Cậu Hai tấn tới nhẹ nhàng
 Tức thời như chớp đá ngang hết
 mình
 Tám Hồ thất vía hồn kinh
 Miếng này nguy hiểm chẳng lành
 chi đâu (2)

Ngoài bản chất giản dị hồn nhiên

và nhiều lúc trôi chảy, văn chương của thơ còn lưu lại cho chúng ta nhiều dụng ngữ khả dĩ giúp nghiên cứu được nhiều sự kiện, sự vật của một thời, một vùng, mà tại nhiều nơi trong nước, xưa cũng như nay, ít hiểu rõ.

Thí dụ những tiếng ban bù mặt rô, bầu, cu cu, ngồi trắng, dọn bàn, dẫn sau :

Nó là một đứa ở tù
 Sài gòn vốn nó ban bù mặt rô
 (Thơ Sáu Trọng)

Đàn bà cũng bầu cùng nhau
 Đánh bài tứ sắc vốn nào có hay
 (Thơ Cậu Hai Miên)

Anh em ý hiệp tương phù
 Ra công nuôi dưỡng cu cu ơn dày
 (Thơ Sáu Trọng)

Hương quân nghe rõ mấy lời
 Trong lòng thêm giận tức thời hỏi
 qua

Ta đánh mi làm chi ta
 Nếu mây lóng lánh ắt là ngồi trắng
 (Thơ Cậu Hai Miên)

Trọng ngồi áo nào tâm bào
 Ngày nay hoạn nạn biết ngày nào an
 Dọn bàn nước mắt hai hàng
 Ai dè mắc phải mưu gian làm vầy
 (Thơ Sáu Trọng)

Đó là chưa kể đến tác dụng phản ảnh thời thế trong văn chương của thơ. Đây là chút trích dẫn để độc giả lưu ý đến tính chất thời sự lịch sử, đến ngôn ngữ lai căn mà đương

(1) Thơ Sáu Trọng, bản in Phạm Văn Thành, bôn cũ soạn lại. Không đề năm x.b.

(2) thơ Cậu Hai Miên, bôn cũ soạn lại, Phạm Văn Cường xuất bản, không đề năm tháng.

thời nhiều người trăn tráo ngổ đầu mình giỏi.

Về tính chất thời sự :

Nhứt trình Vinh Kí đặt ra (1)

Chép làm một bản đề mà coi chơi

Trà Vinh nhiều kẻ kì tời

*Có thầy Thông Chánh thiệt người
khôn ngoan*

Đêm nằm nát ruột nát gan

Oán tên Biện lí chẳng an trong lòng

Chừng nào tỏ nỗi đục trong

Giết tên Biện lí trong lòng mới thanh

(Thơ Thầy Thông Chánh)

Về tính chất lịch sử :

Cậu Hai kéo lính ra đi

Cùng quan Đốc Lộc tới ni bắc thành

Bắc thành dẹp giặc đành rành

Chỗ nào chỗ nấy an lành đã xong

Quan trên xem thấy vui lòng

*Phen này phong chức, gấn lon đồng
Hai Miên*

Cậu Hai đánh giặc vừa yên

*Áo quan ba cỡi trà, tự nhiên không
dùng (2)*

(Thơ Cậu Hai Miên)

Về tính chất lai căn :

Lũy với Tám Lịch cu sê

Mỡ va chẳng có tấp bê chút nào

Thua buồn má lách mỡ đau

*Na ba đọt mía những thao thức hoài
(Thơ Sáu Trọ)*

Nói chung thì văn chương của thơ vốn có những duyên nhị hồn nhiên trong cách nói năng dân tộc, đặc biệt là nó phản ảnh rất trung thực phong thái của người bình dân miền Nam qua suốt một thời gian dài khai phá và phát triển.

Còn về tâm lí, chúng ta làm sao

quên được những bản thơ trên mà chúng ta xếp nó vào loại đối kháng thực dân ! Người ta công khai ca ngợi anh hùng tính, đề cao những người chống phá pháp luật, gây rối trật tự. Giữa lúc mà Tây tồ chức bộ máy cai trị chặt chẽ tại cái xứ gọi là « thuộc địa » này rồi, các cuộc sát máu tranh đấu trước sau kẻ như đã bị đẩy vào tàn lụi rồi, vậy mà dân chúng mạnh dạn đua nhau ngâm nga ca hát, đua nhau khen phục những người coi « phép nước » như chơi ấy, thật đâu phải là chuyện dễ thường mà nên !

Đó là một tâm lí đối kháng ngấm ngấm, một sự bất phục từng tấc từng tấc, được phát tiết từ những chèn ép nặng nề mà vô hình trung, đa số đã vô tình đồng lõa dấy lên, gây thành một phong trào công khai và rộng lớn.

Thực dân đã có lúc cảm tho *Cậu Hai Miên*, bởi vậy thơ *Cậu Hai Miên* loại bản cũ soạn lại đã thiếu nhiều chi tiết. Họ cũng

(1) Thơ *Thầy Thông Chánh* vốn do một tác giả vô danh đặt ra. Còn *Vinh Kí* ở đây đúng là chỉ danh ông Trương Vinh Kí. Đại ý câu này tác giả dẫn cho độc giả hiểu rằng chuyện sẽ chép sau là do một tin tức xuất phát từ một tờ báo do ông Trương Vinh Kí coi sóc (Gérant du Journal) chứ không phải là vô căn cứ. Tác giả sẽ theo tin tức hay tài liệu căn bản đăng trên đó mà diễn ra chuyện *Thầy Thông Chánh* ở *Trà Vinh*. Xin đừng hiểu rằng *Vinh Kí* là tác giả.

(2) Chép theo bản thuộc lòng của một người mù ăn xin đọc tại Bến Tre năm 1918 (do cụ Nguyễn Hữu Tường ở Phong Năm cho)

truyền bắt bỏ từ những ai nói thơ *Thầy Thông Chánh* cho nên thơ *Thầy [Thông Chánh]* ngày nay thật hết sức hiếm hoi. Cả hai bản thơ trên, hiện có nhiều đoạn truyền khẩu khác biệt, từ lời văn lẫn sự kiện, là vì lẽ trên. Cho đến *Thơ Sáu Trọng*, *Thơ Sáu Nhỏ* cũng vậy, thực dân không bao giờ ưa, vì nó luôn luôn « *lợi ngược* » trước công cuộc cai trị của nhà đương cuộc đương thời. Tiếc thay, những bản thơ chánh gốc ngày nay được coi như không còn nữa. Những bản truyền khẩu thì bị sai lạc quá nhiều; còn những bản cũ soạn lại để được cơ sở kiểm duyệt thực dân cho in, thì tính chất đối kháng còn chi nữa?

Dù sao, chúng ta cũng tìm thấy lại được những yếu tố để minh xác các điểm tâm lý bất phục tùng đó.

Thí dụ chuyện *Cậu Hai Miên* coi Tây rẻ mặt, chẳng chút nhường lời:

Nhà nước muốn dụ Cậu Hai:

« *Tao phong chức lớn cho mày quan ba* »

Cậu Hai lời mới thốt ra:

« *Phong chức quan lớn bằng cha bây
tao mới mần!* »

Nhà nước nói với *Cậu* rằng:

« *Phong chức quá lớn ai hăng có đâu?* »

Cậu Hai cả tiếng: « *Không cầu!* » (1)

Thí dụ việc mở đầu cho một « *cuốn sử* » du côn, chép về một thanh niên từng làm rối rắm chẳng ít cho cuộc trị an của Pháp:

Năm Mùi nhớ lại việc người

Có Cậu Sáu Nhỏ ở thời *Bình Tây*

Tác vừa mười tám thơ ngày

Te gan lớn mặt làm thầy du côn!

(*Thơ Sáu Nhỏ*)

Thí dụ việc công khai tôn sùng *Sáu Trọng*, đòi chép *Sáu Trọng* vào *Cần vương ngoại sử*; coi *Sáu Trọng* như một anh hùng cách mạng kháng Pháp:

Người sau có làm bài thơ

khen Sáu Trọng rằng:

Dung kiểm *Tào Công* chẳng mấy tài

Khá khen *Sáu Trọng* phận làm trai

Mấy năm oán quỷ lòng mong trả

Một lưỡi dao thần tiếng để dai

Giọt máu bội phu mưa chẳng chảy

Đống xương dững sĩ nằng không phải

Sự riêng gan ruột nhòm che đố

Ước đặng *cần vương* chép *sử* ngoài

(*hơ Sáu Trọng*)

Rồi nhan nhản trong thơ *Thầy Thông Chánh*, một câu nói phát ra từ cửa miệng của một ông vua, đã quá đủ để biểu lộ cái đàn áp quá mức của chế độ thực dân, cái bất lực trăm trọng của một ông vua của một nước mất hết chủ quyền:

Trăm nay còn phải ăn lương nó rày!

« *Nó* » đây là *Tây*! Thật đau đớn cho một hư vị!

Trong thơ *Thầy Thông Chánh*, còn nữa, bàng bạc những tinh thần đối kháng, những tâm lý bất phục tùng, mà bất ngờ rút ra từ đoạn nào, có thể nói là cũng có. Bạn đọc thử đọc qua một đoạn không lựa chọn gì hết:

Lang Sa bày cuộc châu thành

Ăn lễ toa dếch gọi rằng chánh chung

Ngoài đường xe cộ ùn ùn

Trát đòi làng tổng tứ tung tựu về

Bốn giờ đua ngựa bộn bề

(1) Bản chép tay từ 1918, đã dẫn.

Phủ Hôn, Biện lí đưng kẻ coi chơi
 Có Thầy Thông Chánh hẳn hỏi
 Nai nịch súng ống đi coi châu thành
 Phủ Hôn thôi mới hỏi rành
 * Do hà Thông Chánh muốn rình bắt
 ai? »

Thông Chánh: «Thưa thiệt với ngài;
 Tôi bắt Biện lí thằng này một khi!»

Thầy Thông thiệt lệ như ghi
 Bắt tên Biện lí tức thì mạng vong
 Phủ Hôn nghe nổ thất kinh
 Năm tay Thông Chánh giật liền súng đi
 Thuốc đạn nạp sẵn một khi

Vậy nên súng nổ đạn đi giáp vòng
 Trúng nhằm Ông Chánh Vĩnh Long
 Xoi ngang bắp vế máu hồng tràn lan
 Lĩnh quan võ chạy rần rần
 Đua nhau mà trốn tâm thần ngàn ngơ
 Đạn nhằm Ông Đốc Cần Thơ
 Đặng thêm bay trúng Chánh tòa Bạc
 Liêu

Khá khen cây súng dị kì
 Y Nam không trúng, trúng thì thắng
 Tây

Các quan phủ huyện đông vầy
 Do hà đạn lạc nhằm Tây mới tài!
 Trại lính kèn thổi vang vầy
 Nhà việc hồi trống âm ì thôn hương
 Đông tây như hội Tân Vương
 Cháo bồi chè đậu đồ đường sạch trơn

(chép theo một bản quốc ngữ không đề
 năm, do cụ Nguyễn Hữu Tường ở Phong
 Năm)

Cho nên về phương diện tâm lí,
 ta thấy đó là một hình thức phản
 đối thực dân thống trị, gián tiếp
 khuyến khích chống luật pháp đương
 thời và cò võ, tiếc thương cho các
 tay khí phách cang cường mang trong
 mình một giòng máu anh hùng, thề
 hiện bản tính bộc trực, nhứt ngôn,
 ninh thọ tử bất ninh thọ nhục, của
 con người Lục tỉnh.

Tác dụng của thơ chắc chắn đã có
 lúc làm thực dân điên đầu bực tức.
 Bằng cứ là ngoài việc cấm đoán không
 cho phổ biến loại thơ đối kháng nói
 trên, người ta còn thấy những lời
 phản tuyên truyền do một bàn tay
 theo Tây đưa ra. Điều này thêm lần
 nữa xác định giá trị tâm lí đáng kể
 của các bản thơ vừa nói.

Sau thêm Sáu Trọng hành hung
 Sát hơn bạch nhứt mạng đồng phù du
 Thông Chánh chuyện không đáng thù
 Bản quan Biện lí tu du bỏ mình
 Quốc gia cứ lẽ công bình
 Hai người xử tử phân minh răn người
 Nghĩ đi nghĩ lại nực cười
 Mang câu huyết khí ở đời sau xong
 Lắm người không xét đực trong
 Đặt về tầm bậy điên khùng bia danh.

(Nguyễn Liên Phong — Nam Kỳ nhơn
 vật phong tục diễn ca — Sài gòn Phát
 Toán 1909)

NGUYỄN VĂN HẦU

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
 có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
 màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

CẢI LƯƠNG, một khúc quanh hệ trọng trên chiến tuyến văn hóa

Trong bài trước, chúng ta đã thấy bài diễn văn của ông Lương-Khắc-Ninh đọc đêm 28-3-1917 khai sáng sân khấu cải-lương. Nhưng sân khấu cải-lương theo nhận định của ông Ninh không gì hơn là thoại kịch nhằm chống lại các tuồng tích và lối diễn xuất của hát bội.

Đề thích nghi với hoàn cảnh mới của con người Việt Nam giàu tình cảm, óc sáng tạo và kiên cường chống lại mọi hình thức xâm lăng, sân khấu cải-lương chỉ trong vòng năm 1917 đã thực hiện những bước tiến vĩ đại, chuyển hướng trong lòng một xã hội bị trị.

Gải-lương từ mục tiêu phục vụ quyền lợi của thực dân đến mục tiêu phục vụ cảm quan của quần chúng

Từ đầu năm 1917, Toàn quyền Albert Sarrant cò tạo bầu không khí chánh trị cởi mở, thân thiện giữa giai cấp thống trị và người dân bản xứ. Ông đưa ra một chương trình cải cách bản xứ nhưng chủ yếu là nhằm đánh lạc hướng ý thức chánh trị của người dân bị trị. Đệ nhất thế chiến đang còn tiếp diễn. Tại Đông dương, nhà cầm quyền hô hào thanh niên bản xứ đăng lính qua Pháp đánh Đức qua các chương trình như Pháp Việt nhứt gia, Rồng Nam phun bạc. Riêng tại Nam kỳ, các hội khuyến học tổ chức các buổi hát lấy tiền thay vì để giúp cho đồng bào khốn khổ thì để cứu trợ cho dân chiến nạn tại mầu quốc và giúp vui cho lính An-Nam sắp lên đường tòng chinh trận bèn trời Âu.

Trong số các hội khuyến học địa

phương góp phần đặc lực vào việc cứu trợ chiến nạn, chúng ta phải ghi hội khuyến học Long Xuyên mà hội trưởng là ông Đốc Phủ Sứ Lê Quang Liêm tự Bảy. Chính hội này thực hiện ý kiến của ông Ninh về việc cải lương sân khấu và đã tích cực hoạt động theo ý đồ của thực dân trong việc cắt đứt cội rễ văn hóa dân tộc trong cuộc sống hàng ngày của người dân Nam kỳ.

Ngày 10-9-1917, cải lương kịch xã của hội khuyến học Long Xuyên đi xe lửa lên Sài gòn (1). Chiều lại, hội khuyến học Sài gòn mở tiệc tại nhà hàng Thoại Quỳnh Lâm (chợ lớn) để đãi hội Khuyến học Long Xuyên và một số đại diện báo chí thủ đô. Tiệc gần mãn, ông Nguyễn Chánh Sắt, quản lý kiêm chánh chủ bút Nông cò mìn đàm (2), đứng lên

(1) Nông cò mìn đàm, số 33 Năm thứ 16 ngày 20-9-1917.

(2) Về tiểu sử ông Nguyễn Chánh Sắt, xin xem cuốn Tân châu; của Nguyễn văn Kiêm, tác giả tự xuất bản năm 1906.

đọc diễn văn giúp ta thấy được phần nào ý định thành lập sân khấu cải lương của hội Khuyến học Long xuyên :

— Từ ngày tôi được quý hội Khuyến học Long xuyên mời tôi với các bạn đồng chí của tôi là mấy vị chủ bút các báo quán, cùng một vài ông trong hội Khuyến học Sài gòn, xuống đến quý tỉnh mà xem *cuộc hát cải lương* hôm 14 Juillet rồi đây, của chư quý ông đã có dạ nhiệt thành cùng quê vức, đồng tâm hiệp lực với nhau lo lắng mở mang theo lối văn minh thời đại này mà làm gương cho trẻ em trong sáu tỉnh, noi theo đường tấn hóa mà đi, ngõ hầu bỏ bớt lần lần cái hủ tục của quốc dân ta dăm thắm đã mấy ngàn năm rồi, nay mấy ông đã có chí cần lao lập được *cuộc cải lương kịch xã* này, tuy chưa dám gọi là trọn tốt trọn lành mặc dầu, song mà đường tấn bộ trong 10 phần cũng trông mong được 7 tám, thế thì chẳng bao lâu đây *cuộc kịch xã* của người Nam ta ắt sẽ noi theo cái phương châm của quý chư ông đây mà biến cải lần lần cho được trọn tốt trọn lành, hầu có đem ra mà tranh ưu liệt cùng thế đạo trong cõi dinh hoàng này. » (Trích bài *Cuộc tiếp mừng hội Khuyến học Long xuyên* của B.Q., Nông cổ mín đàm số 33 Năm thứ 16 ngày 20-9-1917).

Diễn giả còn cho biết ngoài việc cải lương hủ tục, *cuộc hát* do hội Khuyến học Long xuyên xướng xuất còn góp phần vào việc « giúp Mẫu quốc đánh đuổi Đức tặc và hàn gắn

các vết thương xã hội do chiến tranh gây ra bên trời Âu ».

Theo bài « *Cuộc hát cải lương* » của ông Nguyễn Chánh Sắt đăng trong N.C.M.Đ. số 34 năm thứ 16 ngày 27-9-1917 thì hội Khuyến học Long xuyên hát tại rạp hát bóng Eden (Sài gòn) đêm 11-9-1917. Mở đầu là hát bóng, tiếp theo là đờn ca. Sau rớt :

— Hát tuồng Annam là tuồng *Vì nghĩa quên nhà* của Quan Phủ Lê-Quang-Liêm và thầy Hồ-văn-Trung tự Biều Chánh mời đặt, có ý vị thâm trầm, động tất như tình thế cổ. »

Bài báo thuật tiếp xuất hát đêm 12-9-1917 :

— Tối lại 8 giờ rưỡi, Hội Khuyến học Long xuyên lại hát tại rạp Cô Tám Chợ-lớn trọn ba thứ tuồng Annam là ; 1) *Vì nghĩa quên nhà* đã hát ngoài Sài gòn ; 2) *Thấy không* và 3- *Báo nghĩa* của thầy Hồ-văn-Trung mời đặt. »

Trong phần kết luận của bài báo dẫn trên, ông Nguyễn Chánh Sắt viết :

— Và chẳng trong *cuộc hát xướng* mà cải lương theo lối văn minh thời đại này thì vẫn có ba điệu : Một là opéra (ô-bê-ra) ; Hai là opérette (ô-bê-rét) ; Ba là comédie (cô-mê-đi). Opéra là tuồng hát rờng Nam khách ngâm nga, có múa nhẩy và có đờn ca nhạc trời từ đầu tuồng cho đến văn ; operette là tuồng hát có Nam khách ngâm nga mà cũng có khi có điệu cợt ; còn tuồng comédie cũng như tuồng đồ đề mà bao biếm phong tục và cũng có làm trò điệu chơi cho

vui dạ kẻ khán trường.

« Nay Hội khuyến học Long xuyên mà hát đó là tuồng comédie rồi lần lần đây sẽ đặt tuồng thêm mà hát cho đủ ba điệu cho được trọn tốt trọn lành, chớ nay mới khởi ra thì làm sao cho toàn hảo được ». (N.C.M.Đ. số 34 năm thứ 17 ngày 27-9-1917).

Chúng ta cũng nên ghi thêm trong đêm hát 12-9-1917 của Hội Khuyến học Long xuyên còn có đờn ca bài Tứ đại của ông Nguyễn-Tử-Thức :

— Bồn quán xin nhắc lại rằng trong đêm 12 Septembre 1917 là đêm Hội Khuyến học Long xuyên diễn tuồng *Cải lương* tại rạp hát Cô Tám ở Chợ lớn, trong khi đôi lớp tuồng thì có đờn tài tử và ca. Trong cuộc đờn ca ấy thì có ca một bài Tứ-đại của ông Nguyễn-Tử-Thức là chánh chủ bút Nam-Trung Nhật-báo đặt ra mà khuyên đồng bào ta mở túi từ bi đừng tế cấp kẻ bị tai nạn về sự binh cách.

« Và lại xưa nay bồn quán vẫn thấy những đấng phong lưu tài tử hễ muốn đặt một bài ca chi chi chẳng dụng tình thì cũng dụng cảnh, chớ ít ai chịu đề ý trong thời cuộc mà cảm xúc đồng như... » (N.C.M.Đ. số 43 năm thứ 16 ngày 6-12-1917).

Hát cải lương chẳng mấy chốc lan truyền khắp các tỉnh Nam kỳ. Sở dĩ được như vậy là vì lối hát này được nhà cầm quyền thời đó hỗ trợ ngõ hầu ru ngủ người dân bản xứ trong « giấc mộng canh tân ». Và lại các hội Khuyến học vốn là con đẻ

của chế độ :

— Chúng ta ngày nay rất nên may mắn mà được gọi nhuan ơn trọng đức dày của chánh phủ Đại Pháp, cho phép chúng ta lập nhiều hội Khuyến học khắp trong Sáu tỉnh Nam kỳ, lại lập thêm được nhiều báo quán ngõ hầu cổ động lòng dân, thức tỉnh giấc mê, bươn bả nông thôn kỹ nghệ cho mau tấn hóa với người mà tranh đua cùng thế cuộc ». (Trích bài Tiệc tiếp mừng Khuyến học hội Long xuyên, N.C.M.Đ. số 33 năm thứ 16 ngày 20-9-1917).

Hát cải lương năm 1917 trong vòng đại bảo trợ của nhà cầm quyền được một số trí thức tân học, thân Pháp cổ xúy. Báo N.C.M.Đ. đăng nhiều bài thuộc loại này từ các tỉnh gửi về nhà báo. Trong số các bài ý kiến bạn đọc về sân khấu cải lương, bài của ông Lương-Giả-Tàu được chọn đăng trong N.C.M.Đ. số 36 năm thứ 16 ngày 11-10-1917 được xem trội hơn cả, nó giúp ta thêm một lần nữa thấy rõ ý đồ của thực dân Pháp trong việc cho phép bành trướng lối hát cải lương tại miền Nam :

— Tôi thăm tưởng trên địa cầu này nước nào cũng cho hí trường là chỗ hóa dân trí, động như tâm, nên thấy thấy đều ngộ nhau mà cải lương cho trọn lành trọn tốt chẳng nói đâu cho xa, kia Các chú là kẻ đồng văn với quốc dân ta, còn lập Canh-nam tân-hí-viện cuộc đồ sộ giữa châu thành Chợ lớn mà cải lương trong điệu hát xướng thay ; huống chi quốc dân ta là kẻ thọ văn minh của Đại Pháp đã thấy cuộc diễn kịch

của Âu châu hơn mấy chục năm nay rồi mà chẳng biết cái lương trong việc hát bộ của Việt nam ta sao ? »

Bài báo ghi tiếp tác dụng của các buổi hát cái lương với những vở tuồng do ông Hồ-Biểu-Chánh soạn ra như *Thấy không*, *Báo nghĩa*. Bài viết tiếp:

— Và lại màu quốc ta thuở trước mới bày cuộc hát ra mà rùng diển nhạc ca (opéra) lẫn lẫn mới tập tới tiểu huỵt kê hí (opérette) rồi mới tới bạch quại diển kịch (comédie).

Trong Việt nam ta thuở nay hát điệu nhạc ca (opéra) hoài, chưa ai xướng ra mà tập thử hai điệu kia. Nay ở Long xuyên, thầy Hồ-Văn-Trung tân chế bạch quại diển kịch... »

Sau khi cho biết hai ông Lê Quang-Liêm và Hồ-Văn Trung (tức nhà văn Hồ-Biểu-Chánh) sẽ đặt tiếp các tuồng opérette và hoàn toàn tin tưởng vào lối hát cái lương, tác gia Lương-Giả-Tàu trong bài « Phương châm đất sở » đã lớn tiếng chê bai hát bội, một lối hát theo tác giả nên lui vào bóng tối của thời gian :

— Hay ! Giỏi ! Nếu vậy cuộc diển hí Việt nam được phát minh từ đây rồi. Trương Phi ! Mau bơi mặt cho sạch đi ! Địch Thanh ! Đừng cầm roi mà giả cỡi ngựa nữa ! ».

Chắc hẳn lối hát cái-lương ra đời năm 1917 đã gặp phản ứng của một số nhà Nho trong Nam lòng còn hoài cổ. Bài báo đã trích dẫn trên của ông Lương-Giả-Tàu có khác chi đồ thêm dầu vào ngọn lửa căm

phẫn của các nhà Nho hoài cổ cháy lên với sức đề kháng của quần chúng không chấp nhận lối hát cái lương do những công bộc của chánh quyền thuộc địa bày ra.

Đề xoa dịu dư luận và cũng đề đề cao vai trò của thực dân Pháp trong « sứ mạng khai hóa » dân ta, tờ N.C.M.Đ. số 38 năm thứ 16 ngày 25-10-1917 đăng bài « Vạn sự khởi đầu nan » của Trưóc — Lâm. Đây là một bài tường thuật câu chuyện mạn đàm giữa bốn người tại một quán rượu ở Chợ cũ. Câu chuyện đề cập tới Cái lương kịch xả của hội Khuyến học Long xuyên với trọng tâm là nên hay không nên cái lương sân khấu. Bốn người vừa nhấm nhè rượu, vừa cãi lý đề cuối cùng đều chấp nhận « với sự tán trợ của nhà nước Đại Pháp, trong hoàn cảnh hiện nay của nước Annam ta, nghề hát cũng phải cái lương đề theo kịp trào lưu ».

Đây là phần kết câu truyện trên :
Thầy Năm. — *Mấy anh luận nãy giờ tôi nghe thấu mới hiểu rõ được. Song xét rõ lại, mấy thầy ở Long xuyên làm chưa đi lẽ. Vì đã biết kêu là cái lương nhưng mà bỏ dứt biệt bắt từ các cách xưa như vậy e chưa được đâu, nói tỷ mà nghe : Tôi chê nhà tôi cất theo xưa, xem không đẹp, tôi cất, dọn lại theo kim thời, chớ tôi còn giữ cái bàn thờ, ván ngựa v.v... chớ phải bỏ hết đâu ? Bỏ hết coi sao đặng ?*

Thầy ba. — *Phải, song chú nó phải biết rằng : Vạn sự khởi đầu nan, chắc mấy ông cũng không tự đắc là toàn hảo. Nếu anh em mình có thấy sự chi*

hay thì nói, mấy ông cũng nghe theo chó chẳng không.»

Phần kết này giúp ta tiên đoán là lối hát Cải-lương do hội Khuyến-học Long-xuyên xướng xuất cần phải được cải tiến ngõ hầu đi sát với đời sống quần chúng và nhất là che khuất đi lại cái mục tiêu chánh trị hiển hiện qua lối hát cải cách cũng như các vở tuồng kêu gọi « Pháp Việt nhứt gia, đánh đuổi Đức tặc ». Thật vậy, lối hát mới được đặt thành vấn đề kể từ đêm 28-3-1917 với bài diễn thuyết của ông Lương-Khắc-Ninh, được thực hiện với « Cải lương kịch xã » của hội Khuyến-học Long-xuyên và được sự tán trợ nồng nhiệt của nhà cầm quyền thuộc địa, lối hát cải lương này chỉ diễn ra giữa một thiểu số thị dân tân học, thân Pháp, hưởng bổng lộc và ân huệ của thực dân Pháp. Lối hát này chưa được phổ cập trong quảng đại quần chúng, một quần chúng đang mê mẩn với hát bội, với các câu hò trữ tình và đặc biệt là các bài ca Tứ-đại, Nam-ai, Bình-bán, Lưu thủy v.v... xuất phát từ giới bình dân, các bài ca vì xuất phát từ giới bình dân cho nên đã tạo một âm hưởng đậm đà tình cảm trong lòng người dân miền Đồng nai (1). Ngay từ năm 1909, nhà sách Phát Toán ở Sài gòn đã tái bản lần thứ tư tập « Bản đờn tranh và bài ca ». Theo Bảy Nhiều trong bài « Từ ca tài tử tới sân khấu cải lương » trên Tạp chí Tin Văn số 13 (tháng 12/1966), vào khoảng năm 1916, quần chúng trong Nam đã mê mẩn thưởng thức bài « Bùi-Kiểm

Nguyệt-Nga » lấy chất liệu từ Lục-Vân-Tiên của nhà thơ mù lòa miền Đồng Nai Bến Nghé. Do đó bài này được phổ biến quá nhanh chóng trong quần chúng.

Cho đến năm 1917, hai ngọn triều hát xướng đã lay chuyển sân khấu miền Nam : một lối hát toàn là thoại kịch mà những người đề xướng đang hưởng bổng lộc và ân huệ của thực dân Pháp, một lối hát gồm toàn những bài ca được sáng tác và nuôi dưỡng từ giới bình dân. Vì khai sanh từ hai trạng huống khác nhau cho nên hai sân khấu cũng khác nhau : một bên thì được tổ chức trọng thể, giàu phượng tiện, có quan Toàn-quyền hay quan Chủ-tỉnh đích thân đến chủ-tọa, một bên thì sân khấu đơn sơ chỉ là một bộ ván, đào kép, thầy đờn có tên thật bình dân đều được xếp ngồi trên bộ ván đơn độc ấy.

Đến cuối năm 1917, chắc chắn hai ngọn triều hát xướng gặp nhau để lần đầu tiên trong lịch sử Kịch nghệ miền Nam mới có màn « tân cổ giao duyên ». Sự hòa hợp này được lớn mạnh kể từ năm 1918. Chính vì vậy mà ông Nguyễn-văn-Hạnh trong La Dépêche d'Indochine số 2739 ngày 21-9-1937 khi bàn về lịch sử cải lương, cho rằng cải lương ra đời năm 1918 (2).

(1) Xem « Cảm nghĩ của người nghệ sĩ sân khấu như dịp kỷ niệm nửa thế-kỷ cải lương » của Ba Vân, Tạp chí Tin Văn, số 13, Saigon tháng 12 năm 1966.

(2) Xem Trần-văn-Khê, La musique Vietnamienne traditionnelle, P.U.F. 1962.

Cải-lương trong qui đạo xâm lăng văn hóa của thực dân Pháp.

Trước đây, trong Bách-Khoa số 411 với bài « Tinh chất phản kháng trong thơ văn bình dân Nam-kỳ thời Pháp thuộc », chúng tôi đã chứng minh cho thấy nhà cầm quyền thực dân sau khi thắng thế trên địa bàn quân sự, họ quay sang lãnh vực văn hóa để rồi từ đó chữ quốc ngữ được đem ra sử dụng cho công cuộc xâm lăng văn hóa. Năm khởi phát cuộc xâm lăng thâm độc này là năm 1865, tức năm chào đời của tờ Gia-định báo, cơ quan ngôn luận chính thức của Soái phủ Nam-kỳ. Qua năm 1869 với chủ bút Trương-Vinh Ký, tờ Gia định báo được cải tiến, bài vở dồi dào và chữ quốc ngữ nhờ đó chiếm một địa vị ưu thắng trong các cơ quan công quyền.

Năm 1874, Hội-đồng học-chánh cao cấp được thành lập tại Nam-kỳ để nghiên cứu một chương trình giáo-dục mới qua lăng kính của nhà cầm quyền thuộc-địa. Ngày 17-3-1879, Thống-đốc Nam-kỳ là Le Myre de Vilers ban hành nghị-định tổ chức học chánh và lễ lối giáo-dục trẻ con bản xứ. Nghị-định này rất hệ trọng vì nó chi phối tất cả các văn kiện lập qui học chánh tại Nam-kỳ từ cuối thế-kỷ 19 cho đến năm 1918 là năm ban hành học-qui Albert Sarraut.

Kể từ ngày 1-1-1882 tại Nam-kỳ, chữ quốc-ngữ giữ vai trò độc tôn trong các cơ quan nhà nước từ công sở cho đến trường học. Qua năm 1883, chánh quyền tổ chức kỳ thi

đầu tiên đề cấp phát văn bằng Sơ-đẳng Tiều-học cho các sĩ tử Nam-kỳ chỉ biết chữ Pháp và chữ quốc ngữ.

Chữ Nho lui dần, lui dần. Cuối cùng nó chỉ còn được thông dụng cho các ông thầy thuốc Bắc, coi tay, xem quẻ, coi ngày. Tuy nhiên chữ Nho còn giữ được sức sống, nuôi dưỡng được hồn nước trên sân khấu hát bội.

Mặc dầu tưởng tích bắt nguồn từ truyện Tàu nhưng sân khấu hát bội đã nung nấu được lòng trung quân ái quốc, nói lên được nghĩa chánh ý tà qua các vai trung nịnh phân minh. Nó còn giúp cho người Việt-nam biết nhận xét đâu là thiện, đâu là ác, giữ được tình nghĩa cao đẹp đối với gia đình, họ hàng làng xã. Nó còn nuôi dưỡng tấm lòng trung trinh của người dân đối với vua nhất là khi vua bị mắc nạn, điều mà nhà cầm quyền thuộc-địa không bao giờ mong mỏi và luôn luôn tìm cách phá tan huyền-thoại nhà vua (1).

Tóm lại, cho đến đầu thế kỷ 20, sân khấu hát bội vẫn là nơi truyền dạy đạo lý Thánh Hiền, hun đúc tinh thần dân tộc bất khuất và kiên cường. Nói cách khác, cho đến năm 1917, chữ Nho vẫn còn đất dụng võ trên sân khấu hát bội đã bám rễ sâu vào cuộc sống của người dân bản xứ từ giai cấp thượng lưu cho đến giới bình dân.

Qua bản phúc trình ngày 15-9-1917 gửi Bộ-trưởng thuộc địa liên hệ đến

(1) Xem Trương-Vinh-Ký trong qui đạo xâm lăng văn hóa của thực dân Pháp cùng tác giả, sập đăng trên Bách Khoa.

sự ra đời của Tạp-chí Nam phong, Toàn quyền Đông dương cho biết ngày nào dân An-nam còn đọc được chữ Nho, ngày đó nhà cầm quyền thực dân vẫn còn lo sợ. Các tân thư của Tàu bài xích nước Pháp và truyền bá tư tưởng cách-mạng được bí mật đưa vào Việt-nam, được các nhà Nho yêu nước đọc và thúc đẩy người dân bản xứ đứng lên đòi tự do, độc lập. Phương sách hay nhất của chánh-quyền thuộc địa là bãi bỏ việc học chữ Nho, dành cho chữ quốc ngữ vai trò độc tôn và đề cao sứ-mạng khai-hóa của nước Pháp. Trong bối cảnh ấy, tờ Nam-phong chào đời ở đất Bắc (1917) và tờ Đại-Việt tạp-chí tại Nam kỳ (1918).

Nhưng không phải đợi tới năm (1917,) khi cho phép tờ Nam-Phong ra đời, thực dân Pháp mới nghĩ tới cách tận diệt chữ Nho. Từ năm 1892, Toàn quyền Đông-dương ban hành nghị định thành lập các hội Trí-Tri khắp ba kỳ. Mới đây, chúng tôi tìm được tập tài liệu của sở Mật thám Nam-kỳ liên hệ đến Việt-nam Quang-phục-hội. Dựa theo tập tài liệu này, vào đầu năm 1906, bài «Khuyến quốc dân du học văn» của cụ Phan-Bội-Châu được phổ biến sâu rộng tại Nam kỳ. Đề phá tan ảnh hưởng của áng văn yêu nước này và che khuất ý đồ xâm lăng qua chiêu bài khai hóa, theo chỉ thị của Thống-đốc Nam-kỳ năm 1906, các hội Trí Tri tại Nam-kỳ vốn là cơ quan trá hình làm mật-vụ văn hóa của thực dân, biến dạng thành Hội Khuyến học và cũng theo chỉ thị của Thống-đốc Nam-kỳ, mỗi tỉnh đều phải thành lập

Hội Khuyến-học. Chúng tôi sẽ trình bày cặn kẽ hơn vấn đề này trong bài «Phong trào Đông-du tại miền Nam».

Song song với tờ Nam-Phong trên đất Bắc và với hoạt động tích cực của Hội Khuyến-học Long-xuyên, sân khấu cải lương ra chào đời trong khung cảnh đã đánh mất tình tự dân tộc và hiến dâng tâm hồn người nghệ sĩ cho quyền lợi của ngoại bang. Nó được thiết lập với chiêu bài thúc đẩy cuộc tiến-hóa chung của người Việt-nam và kêu gọi sự hợp-tác nhiệt thành của người dân bản xứ với thực dân Pháp. Điều không ai ngờ là sân khấu cải lương của năm 1917 với công lao của các ông Bùi-Quang-Chiêu, Lê-Quang-Liêm, Hồ-Biểu-Chánh, đã tiếp tay với ngoại bang tận diệt chữ Nho ở chặng cuối cùng trên chiến tuyến văn hóa.

Tuy nhiên, cũng như chữ quốc ngữ, sân khấu cải lương từ năm 1918 qua sự kết hợp tài tình giữa thoại kịch và các bài ca cổ nhạc là phương tiện hữu hiệu nhất trong việc truyền thông cũng như trong việc nuôi dưỡng tình nước tình nhà trong cao trào chống xâm lăng tại miền Nam.

Thật vậy, chữ quốc ngữ đã theo gót sắt của người lính viễn chinh xâm lăng đất nước chúng ta từ mặt trận quân sự sang mặt trận văn hóa. Đến năm 1907, nó trở thành lợi khí sắc bén để các nhà Nho yêu nước phổ biến tân học, bài xích đế quyền, đá kích chế độ thuộc địa. Trong suốt thời kỳ Pháp thuộc, mặc dầu nhà cầm quyền thi hành chánh sách chia để trị, nhưng chữ quốc ngữ vẫn là

chiếc cầu giao cảm, nuôi dưỡng tình tự dân tộc giữa người dân ba miền và đây cũng là bằng chứng cụ thể nhất, hùng hồn nhất cho thấy một nước Việt-nam bất khả phân trong bất cứ hoàn cảnh nào của lịch sử, dưới bất cứ áp lực nào của ngoại bang.

Theo tiết điệu đó, sân khấu cải-lương thoát thai từ ý đồ xâm lăng văn hóa của thực dân, đã lần lần lớn mạnh trong sinh hoạt của người dân bản xứ. Năm 1917, sân khấu cải lương chỉ hoạt động trong những môi trường hạn hẹp được sự bảo-trợ của chính-quyền thuộc địa. Qua năm 1918, với sự dung hợp giữa hai trào lưu khác biệt của ý hướng canh tân theo Tây-phương và phát huy nhạc cổ truyền qua các bản đờn ca chan hòa tình nước tình nhà, sân khấu cải lương đã đi sâu vào cuộc sống của người bình dân, khắp Nam-kỳ, từ đô thị Sài gòn đến các làng mạc xa xôi, đâu đâu gánh hát cải lương cũng có mặt, vẫn góp vui trong bất cứ sinh hoạt nào của người dân Nam-kỳ. Lẽ dĩ nhiên có gánh hát giàu, có gánh hát nghèo. Nhưng chung qui gánh hát nào cũng để lại trong lòng người dân Nam-kỳ những tình cảm nhẹ nhàng hoặc những kỷ niệm khó quên của một thời trong cuộc đời của chính mình.

Cải-lương lại theo con đường xuyên Việt tiến ra Bắc. Cũng như trong Nam, nó đã chiếm được lòng người Bắc từ lâu chỉ thường thức các vở hát chèo. Cải lương nhờ đó gieo mối cảm thông, bắc nhịp cầu liên lạc giữa người dân ba miền, nó cũng đã góp phần vào công cuộc giữ nước và dựng nước với các tuồng tích lịch-sử, trở về nguồn, đậm đà tình yêu quê hương, tinh thần bất khuất của cả triệu con tim người Việt trước làn sóng chống xâm lăng. Nó cũng đã đưa người dân Việt ý thức được thân phận mất nước của mình với các tuồng tích xã-hội đầy nhân-bản-tính. Do đó mà dưới thời bị trị, chính-quyền thuộc địa luôn luôn bóp chẹt sân-khấu Cải-lương, không bao giờ khuyến khích sân khấu Cải-lương cải tiến để phục vụ văn-hóa dân tộc mà trái lại đưa Cải-lương đến những tuồng tích nhằm ru ngủ quần chúng bằng những tình cảm ủy mị, yếm thế.

Dù bị áp bức đến mức độ nào, sân khấu Cải-lương vẫn tiến và lớn mạnh trong lòng dân-tộc và con đường nó phải đi, là con đường nghệ thuật phục vụ quyền lợi tối thượng của dân-tộc.

PHẠM LONG ĐIỂN

Nhà đóng sách LÁ BỐI

Lô N số 104 Chung Cư Minh Mạng Saigon 10

(đối diện với nhà xuất bản Lá Bối)

Đóng sách mạ chữ vàng, chữ Việt có dấu

Mỹ thuật, đẹp, chắc chắn, giá vừa phải.

Giới thiệu một thi - tài và một giai - phẩm bị bỏ quên : THÁI THUẬN và Lữ Đường đi cáo thi tập

O Một thi tài bậc nhất đời Lê-Thánh-Tôn là Thái-Thuận và tập thơ « Lữ Đường » của ông đã rơi vào quên lãng cả thế-kỷ nay. Nhà thơ Quách Tấn may mắn kiếm được một bản « Lữ đường đi cáo thi tập » nên dịch thơ và viết thành bài sau đây mà ông định đọc trong một buổi khai giảng về Thơ phương Đông, ban Cao học Văn-chương, Đại-học Vạn-Hạnh. Nhưng ông chưa kịp đọc thì bị bệnh đau mắt (Glaucome), phải bỏ khóa giảng nên ông có nhã ý dành tài liệu này cho bạn đọc Bách Khoa.

Năm 1947, thời kháng-chiến chống Pháp, tôi tản-cư đến thôn Phú-Ấn thuộc quận Bình-Khê, tỉnh Bình-Định (Trung-Việt). Phú-Ấn là nơi một sơn-thôn, đất rộng người thưa, ban đêm chỉ nghe tiếng chim cú, chim mèo, chim dũ-dĩ và rảo lục. Để giải muộn, tôi bày ra viết tiếp tập « Trăng Ma Lâu Việt. »

Nói là viết tiếp là vì thời Tiên-chiến, năm 1942, tôi viết được quyển I. « Trăng Ma Lâu Việt » viết phỏng theo bộ Truyền-Kỳ Mạn-Lục của Nguyễn-Dữ đời Lê. Quyển I viết được 10 truyện. Còn 10 truyện nữa là trọn bộ. Trong 10 truyện còn lại, có 1 chuyện nhan-đề là Kim-Hoa Thi-Thoại, đại khái rằng :

« Rốt niên-hiệu Đoan-Khánh đời
« Lê-Uy-Mục, kẻ sỹ đất Thái-Nguyên
« Mao-Tử-Biên ở Kinh-sư về thăm
« nhà đi ngang qua huyện Kim-Hoa,
« tỉnh Kinh-Bắc, thành-linh bị mưa.
« Ngày tối quán xa, ghé vào xin nghỉ
« nhờ nơi một lều tranh hẻo-lánh.
« Trong lều chỉ có một lão-trượng và

« một giai-nhân, phong-độ đài-các, sống
« với một lão-bộ tуди cũng khá cao. Lão-
« bợc đưa Mao ra nghỉ nơi nhà sau. Đến
« khuya, mưa tạnh, trăng sáng. Mao thoạt
« nghe tiếng lưà hí. Lén hé rèm dòm
« thừ thì thấy một vị khách trạc độ ngũ
« tuần, áo khăn nho-sỹ, bước vào lều.
« Lão-trượng và giai-nhân ra đón.
« Chủ khách nói cười vui-vẻ. Câu
« chuyện qua lại hầu hết là chuyện
« văn-chương. Mao nằm nghe rất lấy
« làm thích-thú. Chợt Mao cựa mình.
« Ông khách hỏi. Mao thừa cơ bước
« ra lạy xin thụ giáo về nghề thơ. Khách
« lấy trong tay áo ra một quyển sách
« dày độ trăm trang, trao cho Mao và
« dặn :

— Nhà người về xem kỹ thì đủ
« biết phép làm thơ, bất tất phải đi
« tìm nơi khác.

Đoạn từ-giã chủ-nhân, lên lưà đi
« thẳng.

Mao vào nhà sau ngũ trở lại. Sáng
« hôm sau xốc áo ngồi dậy thì thấy
« mình nằm trên cỏ lạnh, bên cạnh hai
« nắm mỗ hiu-hắt cỏ lau. Quyển sách

« nhận khi hôm vẫn còn nằm trong gói
 « hành-lý. Mở ra xem thì toàn giấy
 « trắng, duy nơi bìa đề bốn chữ lớn
 « Lữ-Đường Thi-Tập », nét bút vừa
 « rắn vừa tươi.

Mao biết ông khách là vị tiền-bối
 « tỉnh Bắc-Ninh tên là THÁI-
 « THUẬN. Còn hai năm mờ kia,
 « người trong vùng cho biết là mộ của
 « nữ-sỹ Ngô-Chi-Lan và của chồng bà
 « là quan Đông-Các Đại-Học-sỹ Phù-
 « Thúc-Hoành, người đồng-thời cùng
 « Thái-Thuận.

Mao liền đi đến Bắc-Ninh tìm hỏi
 « tập Lữ-Đường của Thái-Thuận, thì
 « sấu một đã ăn hết, mười phần chỉ còn
 « được đôi ba. Mao bèn ra công sưu-
 « tầm, một chữ một lời đều không bỏ., »

Phông theo truyện Kim-Hoa Thi-
 Thoại Ký của Truyền-Kỳ Mạn-Lục,
 tôi viết truyện Đêm Văng Bàn Thơ
 cho Trăng Ma Lầu Việt. Viết xong
 vào hạ tuần tháng chạp âm-lịch. Vài
 hôm sau, em tôi là Quách-Kiến-Đạo
 làm Biện-lý tòa án Phú-Yên được
 nghỉ tết về thăm quê, tặng tôi một
 tập thơ cò. Tập thơ in đã lâu đời,
 giấy đã vàng, bìa và những tờ đầu,
 những tờ cuối đã bị rách nát. Mở
 ra xem thì là tập Lữ-Đường Di-Cảo
 Thi Tập. Tôi giật mình! Lấy bản
 thảo Đêm Văng Bàn Thơ cho Kiến-
 Đạo xem, Kiến-Đạo cũng giật mình!
 Anh em nhìn nhau, cho là một
 chuyện hy-hữu.

Lữ-Đường di-cảo thi-tập, đối với
 gia đình tôi, trở thành một bảo-vật.
 Suốt bao nhiêu năm ly-loạn, chạy đi
 đâu tôi cũng mang theo bên mình.

Tôi quý tập Lữ-Đường, chẳng
 những vì cuộc tao-ngộ ly-kỳ, mà còn
 vì văn-chương thâm-diệu. Theo tôi,
 thơ Thái-Thuận không kém thơ
 Đường thơ Tống về thanh-diệu và
 khí-vị, không kém thơ Thanh về mặt
 tinh-tế. Nhiều bài tôi đã được nghe
 các vị tiền-bối ca-tụng, nhưng các
 ngài không biết tác-giả, chỉ bảo là
 cò-thi. Có đôi vị lầm tưởng là
 Đường-thi, hoặc là của các danh-sỹ
 đồng-thời. Được truyền-tụng nhiều
 nhất là bài Chiêu-Quân Xuất Tái và
 bài Chinh-Phụ Ngâm.

CHIÊU QUÂN XUẤT TÁI

Nam lai trình tận bắc lai trình
 Nam bắc na kham trương biệt
 tình

Vạn lý Hán thiên ba hữu lệ
 Bách niên Hồ địa mã vô thanh
 Nhất đoàn la ý thương xuân lão
 Kỳ khúc tỳ bà đời nguyệt minh
 Phân phú quân vương an chằm
 thượng
 Sầu thành nhất phiến thị trường
 thành

TẠM DỊCH

Bắc-trình đôi bước dứt nam-trình
 Nam Bắc đường chia mỗi thăm doanh
 Trời Hán tuôn dòng hoa khóc tủi
 Đất Hồ im tiếng ngựa reo binh
 Áo cài xuân muộn bơ-phờ dáng
 Đàn gảy trắng khuya não-nuột tình
 Nhấn-nhủ cung rồng yên giấc ngựa
 Sầu-thành một bức vừng trường-thành.

CHINH PHỤ NGÂM

Đình thảo thành sào liễu hựu ti
 Chinh phụ hà nhật thị qui kỳ

Bán liêm tàn nguyệt thương tâm
 Nhất chằm đề quyền lạc lệ thì
 Tái Bắc vân trường cô nhận ảnh
 Giang Nam xuân tậu lão nga my
 Sa lai kỷ độ tương tư mộng
 Tảng đáo quân biên tri bất tri.

TẠM DỊCH

*Cỏ lại vun sân liễu lại chồi
 Người ra chiến-địa thuở nào lui
 Nửa rèm trăng xế đêm quần-quai
 Đầy gối quyền kêu lệ sụt-sùi
 Xuân lun trời Nam mây thụy nhật
 Mây vàng đi Bắc bóng nhàn coi
 Tương-tư ! Biết chăng ? Hồn theo mộng
 Tìm đến bên nhau mấy độ rồi*

Bài Chiêu-Quân thường bị lầm là thơ Đường. Còn bài Chinh-phụ lại truyền là của bà Nguyệt-Anh ; nhiều nhà văn hiện-đại đã trích-dẫn khi viết về bà Nguyệt-Anh.

Không có chi lạ : Thái-Thuận là người thời Thịnh-Lê, sống cách đây trên dưới 500 năm, và Lữ-Đường thi-tập trong nước ít người có vì có lẽ từ Lê-mạt Nguyễn-sơ đến nay không được tái-bản.

Hầu mong khỏi bị mai-một một nhà thơ có đại-tài, một tập thơ có giá-trị, tôi trân-trọng giới-thiệu cùng quý vị độc giả, tập Lữ-Đường Di-Cáo mà tôi hiện có và tác-giả Thái-Thuận.

oOo

THÁI THUẬN,

Tự là Nghĩa-Hòa, hiệu là Lục-Khe, biệt-hiệu là Lữ-Đường.

Người làng Liễu-Lâm, huyện Siêu-

Loại (Nay là Thuận-Thành) tỉnh Bắc-Ninh.

Sinh năm Canh-thân, Đại-Bảo Nguyên-niên, tức là năm 1440, mất năm nào không được rõ. Đậu tiến-sỹ niên-hiệu Hồng-Đức thứ 6 tức là năm 1475. Làm quan ở Nội-các-viện hơn 20 năm, sau được bổ làm chức Tham-Cninh tỉnh Hải-Dương.

Thái-Thuận, học-vấn rộng, thi-tài cao, song ở bên cạnh vua trên 20 năm mà không được biết đến. Trong Tao-Đàn nhị thập bát tú không có tên ông. Ở Nội-các, ông giữ chức Hiệu-lý là một chức không mấy quan trọng. Lòng bất-mãn thường biểu-lộ trên văn-chương, và bài *Tràng-An Xuân Mộ* phản-ảnh tình cảnh của ông một cách rõ-ràng và đầy-đủ :

Tự tin tài phi thập bát tiên
 Trường An không thử tuế hoa
 thiên
 Tiêu điều quán xá như tăng xá
 Lão đảo kim niên kịch vãng niên
 Thượng uyển diên cường linh
 hý điệp
 Cổ hương qui khứ phụ đề quyền
 Thê noa du hiềm thời năng phạm
 Vị biện nang trung mãi tửu tiền

TẠM DỊCH

*Tự biết tài không sánh hội tiên
 Trường-An lần-lữa hết hoa-niên
 Năm này lận-bận in năm ngoái
 Cửa hoạn điều-hữu quá cửa chiến
 Say múa vườn vua thương kiếp bướm
 Gọi về quê cũ phụ lòng quyền
 Vợ con hiềm phải lo cơm áo
 Mua rượu tiền lưng chứa sẵn tiền.*

Sự-nghiệp văn-chương còn để lại không thấy gì khác ngoài tập Lữ-Đường Di-Cảo.

Theo Lịch-Triều Hiến-Chương Loại Chí của Phan-Huy-Chú và Hoàng-Việt Thi Văn Tuyển của Bùi-Huy-Bích thì tập Lữ-Đường Di-Cảo gồm bốn quyển, do con là Thái-Khác biên-tập, học trò là Đỗ-Chinh-Mô đề tựa. Họ Phan, họ Bùi không nói rõ tập thơ gồm bao nhiêu bài. Trong sách Toàn Việt Thi Lục chép được 157 bài.

Tập Lữ-Đường Di-Cảo tôi hiện có, vì sách quá cũ, bị rách mất nhiều đoạn, không còn bài tựa, nên không biết có phải tập của Thái-Khác và Đỗ-Chinh-Mô hay chẳng. Còn được gần 200 bài, phần nhiều là thất-ngôn luật thi. Không rõ đó là toàn-tập hay chỉ là 1 trong 4 quyển mà thôi.

Về sự-nghiệp văn-chương cũng như thân-thể của Thái-Thuận, các sách cũ nói quá sơ-lược. Muốn hiểu rõ, hiểu một cách đích xác tâm-hồn của ông, thật là một việc khó-khăn. Chúng ta chỉ bâng vào cảo thơ còn lại để biết qua đôi nét đại-cương.

Đối với nhà Lê, Thái-Thuận chỉ từng mà không phục. Một phần vì ông có tài cao mà không được trọng dụng, như trên đã nói. Một phần nữa, có lẽ là phần chính, vì ông nhận thấy các vua nhà Lê hầu hết đều kém đạo-đức, đình-thần phần đông là bọn gian-nịnh chạy theo lợi theo danh. Cho nên triều nào cũng xảy ra những chuyện bất-công bất-minh, những chuyện thương-luân bại-lý.

Lê-Thái-Tồ lên ngôi báu chưa bao lâu đã hạ-sát Phạm-Xảo, bức-tử Trần-Nguyên-Hãn và hạ-ngục Nguyễn-Trãi là những bậc đệ-nhất công thần đã hết lòng giúp nhà vua đuổi giặc dựng nghiệp. Kế đến Lê-Thái-Tông buông lòng bất chính, cho đến nỗi bọn gian-thần hòa rập cùng mưu thái-hậu Nguyễn-thị-Anh tạo ra cái án vườn Lệ-Chi để tru-di toàn-gia Nguyễn-Trãi. Thái-Thuận thường mượn điển Hàn-Tín, Văn-Chung để ám-chỉ việc sát hại công-thần của nhà Lê :

Sở địa vô tâm đồ đánh lập
Hán thiên hữu lệ khắp cung
tàng

(Vịnh Hàn-Tín)

Nghĩa là :

*Hững-hờ đất Sở lòng xây đỉnh
Sùi-sụt trời Lưu lệ khóc cung.*

Khả liên Mịch một công danh giả
Điều tận cung tàng không tự sâu
(Ngũ-Hồ du)

Nghĩa là :

*Công danh, thương bấy ! Chìm sông
Mịch !*

Chim hết, vùi cung ! luống nào lòng !

Công danh thùy nguĩ Bình Hoài
tướng

Văn sử ngô tâm Phụ Hán nho
(Đông Cảnh)

Nghĩa là :

*Công-danh ai dễ so Hàn-Tín
Văn-sử đây riêng thẹn Tử-phòng.*

Đến như triều Lê-Thánh-Tông là một triều-đại được sử-sách khen là

thời thanh-trị, mà dưới mắt Thái-Thuận chỉ thái-bình trong lúc say, tức chỉ là một ảo-tượng :

Tuế nguyệt tuần hoàn nhân cộng
lạc
Thái bình cảnh tại túy hương
trung
(Nguyên Nhật)

Nghĩa là :

*Xoay vần năm tháng người chung thú
Cảnh thái-bình trong cảnh túy hương.*

Chẳng phải « không ưa nói thừa cho bõ ». Dưới triều Lê-Thánh-Tông — cũng như dưới triều các vua khác — thiên-tai thường xảy ra, nhất là nạn đói do nắng hạn, bão lụt gây nên. Như năm Nhâm Tý 1492, khắp nước bị hạn-hán, hoa màu chết hết, phần đông phải ăn củ chuối, củ nâu | Đê có lúa ăn, Triều-đình phải dùng những kho sừng kho đạn làm nơi sản-xuất : Cây lúa ở bên trong, trồng hóp đá ở chung quanh. Nhưng kết-quả không thấm vào đâu. Tình-cảnh toàn dân thật vô cùng bi-đát. Đại-Việt Sử-Ký Toàn-Thư của Ngô-Sỹ-Liên có chép rõ. Và hoàn-cảnh đau thương về hạn-hán được phản-ảnh trong thơ Thái-Thuận qua bài :

VĂN QUÁ TRIỀU TÂN CẢM THÀNH
Tịch dương giang thượng bắc
phong hàn
Đề sự thương tâm khả vĩnh than
Thôn vị niên hoang dân thiếu tại
Diền nhân vu sắc thủy đa thoan
Yêu tà thích dã long vu khởi
Vân ảnh phiên không phụng vĩ
phan

Phủ ngưỡng hốt phùng tam tứ
hạo
Vấn dư hà nhật đảo Tràng-An.

TAM DỊCH

*Bến sông chiều lạnh-lùng bắc thời
Tình-cảnh này xiết nỗi thở-than
Không mưa đồng ruộng khô-khan
Bao phen đói-kém dân làng lúa thừa...
Râu rồng buông lửng-lờ khói tỏa
Đuôi phụng sẽ hội-vã mây qua
Bông đầu gặp mấy ông già
Tràng-An trở bước hỏi ta ngày nào...*

Nhưng hết suy rồi đến thịnh. Bị cực thái lại là lẽ tuần hoàn của Trời Đất. Nếu được hưởng thái-bình đôi chút, người đời lại thường quên đạo Trời mà qui công cho nhà vua :

Nguyên hanh lý khế Bào Hy dịch
Khương phụ công qui Đế Thuấn
huyền
(Hạ Cảnh)

Nghĩa là :

*Bào-Hy vạch lẽ nguyên hanh
Dân khang vật phụ công dành Đế-Ngu.*

Lẽ Nguyên-Hanh (tức là đức hiếu-sinh của Tạo-Hóa và lẽ suy thịnh của cuộc đời) vua Phục-Hy đã vạch rõ trong kinh Dịch. Thế mà thấy dân được yên-vui, thấy vật được phồn thịnh, như thời nhà Ngu, thiên-hạ lại cho là nhờ ơn vua Thuấn có tài lấy đức trị dân. Thái-Thuận ngầm bảo : Phán-đoán như thế, đối với thời Đế-Thuấn đã thiên-lệch rồi, hưởng hồ đối với triều Lê-Thánh-Tông. Bởi nhà Lê làm sao sánh kịp nhà Ngu, và Thánh-Tông làm sao bì kịp Đế-Thuấn. Không sánh kịp

không bì kịp là vì một bên đức thạnh,
một bên đức suy, suy đến nỗi khó
mong hưng-khởi được :

Thiên cổ đạo tâm hô đặc khởi
Hòe long ảnh lý tịch dương thiên
(Hạ Cảnh)

Nghĩa là :

*Dãy nên lòng đạo nghìn thu
Hòe bóng sáng xế dậm cù ve ngậm.*

Không thể cậy nhờ nơi người
sống trong thế-gian, ông mong tìm
người xưa trong cõi mộng :

Cửu Nghi dục kiến Trưng Hoa
Nhất cổ Nam Phong giải uẩn cầm
(Hạ nhật khốc thứ)

Nghĩa là :

*Gò Nghi ước gặp đàn vua Thuấn
Gảy khúc Nam-Phong giải nức-nùng.*

Gặp thời không mấy tốt-đẹp, không
được vừa ý, đáng lẽ Thái-Thuận
nơi dẫu Đào-Tiềm lui về quê cũ vui
cùng lưỡng cúc khóm tùng. Có sao
lại cam làm « con hý-điệp bay múa
nơi vườn vua », mà đành phụ « con
đề-quyên mãi gọi lòng qui-khứ »,
đành thẹn cùng nhà Nho giúp Hán
là Trương-Tứ-Phòng ?

Đó là vì nhà nghèo, phải ra làm
quan lấy bổng-lộc nuôi cha mẹ già
yếu.

Cảnh gia-bản, chúng ta đã thấy
trong câu kết bài *Tràng-An Xuân Mộ*
thượng-dẫn :

Thê noa du hiềm thời nằng
phạn
Vị biện nang trung mãi tửu tiền.

Còn cảnh thân-lão thì tác-giả
thường nhắc đi nhắc lại trong nhiều
bài, nhất là trong những bài nói về
xuân :

Nhật mộ hương quan hồi thú
vọng
Thảo tâm du tử bất thăng tư
(Sơ Xuân)

Nghĩa là :

*Ngoảnh lại quê xa trời xầm tối
Ngậm-ngùi tắc cổ dễ mà khuấy.*

Cửu thập thiều quang dung dị
quá
Thảo tâm du tử khổ nan bình
(Xuân mộ)

Nghĩa là :

*Chín chục thiều-quang thoi thắm-thoắt
Bồn-chồn tắc cổ bước du-phương.*

Vân khuyết vị ưng cam chỉ đoạn
Cổ hương giang thượng kiến lai
hồng
(Xuân vân)

Nghĩa là :

*Trên cam chưa chút thỏa lòng
Trên sông chợt thấy bóng hồng cổ-
hương.*

« Gia bản thân lão bất vị lộc sỹ »
là một trong ba tội bất-hiểu nặng
nhất đối với cổ-nhân. Vì vậy Thái-
Thuận phải buộc lòng làm thân lộc-
sỹ và cam sống trong cảnh :

*Năm này lận đận in năm ngoài
Cửa hoạn đìu-hiu giống cửa chiền.*

(còn tiếp)

QUÁCH TẤN

Đàn bà viết văn

● Tác giả bài này, nhà văn nữ quen thuộc với bạn đọc *Bách Khoa* & *Trùng Dương* Nguyễn thị Thái, cũng là Chủ nhiệm nhật báo *Sóng Thần*. Nhà văn *Trùng Dương* đã nói chuyện vào chiều Chủ nhật 4-8-74 tại *Phan-Thiết* trong cuộc họp mặt thân hữu của Thanh niên, Sinh viên, Học sinh, và sau đây là nguyên văn bài nói chuyện đó.

... Chọn đề tài "Đàn Bà Viết Văn", tôi quả không dám có ý định sẽ đại diện cho tất cả những người cầm bút phái nữ để nói về cuộc sống và cung cách làm việc của họ, mà chỉ muốn qua đó tâm tình về những ghi nhận, cảm nghĩ của tôi sau 42 năm dong chơi trong thế giới văn chương mà thôi. Tôi cần phải xác định như thế, bởi lẽ có thể có những quan niệm, suy tư, những bước đường tôi đã trải qua chỉ hợp lý hợp tình với hoàn cảnh của cá nhân tôi, chỉ giá trị đối với riêng tôi mà thôi.

Sống và Viết với người viết văn

Đề kể cho độc giả nghe một câu chuyện và lời cuốn người đọc được từ trang đầu tới trang chót; đưa người đọc vào không khí của câu chuyện, sống và sinh hoạt được với nhân vật trong câu chuyện đang kể, người viết, nếu không có một trí tưởng tượng thiên tài, thì cũng phải là người đã từng sống hoặc chứng kiến câu chuyện đó, rồi bằng cái duyên dáng của mình, đem câu chuyện đó ra kể lại cho độc giả.

Dĩ nhiên, mỗi cuốn sách là một

câu chuyện khác, với những nhân vật khác nhau về phương diện cá tính, hoàn cảnh, phản ứng tâm lý v.v... Nên điều kiện đương nhiên cần phải có nơi người cầm bút là phải đi nhiều, phải sống nhiều với một hành trang duy nhất là khả năng ghi nhận bén nhạy, để thu thập chất liệu. Ngoài ra, có thì giờ và sự thích thú đọc sách báo cũng là điều kiện cần thiết nữa. Đọc sách, tôi muốn nói những tác phẩm của các tác giả cổ điển cũng như đương thời, quốc tế cũng như quốc nội, để nhận xét về cách viết của họ. Đọc báo chí theo dõi tình hình thời cuộc, nếu nhà văn không muốn bị thời đại bỏ rơi và thiếu chất liệu xác thực để xây dựng nên những nhân vật, những bối cảnh phản ánh được xã hội mà mình đang sống, hầu đóng góp cho các thế hệ sau những tài liệu sống động về giai đoạn mà mình đang sống, đặc biệt về phương diện xã hội và con người. Có vị sẽ nói đó là công việc của các sử gia. Nhưng tôi xin thưa rằng nhà viết sử, vì mục đích viết sử nên họ chỉ ghi một cách tổng quát bức tranh xã hội và con người liên quan tới biến cố lịch sử được coi là

cứu cánh của công việc ghi chép. Cũng như báo chí chỉ ghi chép những mảnh vụn của lịch sử, của thời đại, xuyên qua những tin tức, phóng sự hàng ngày. Một tác phẩm văn chương thì khác hẳn: nó bao gồm cả hai công việc của sử gia và nhà viết báo sau khi đã gạn lọc đi những gì không cần thiết, và nó đào sâu vào tình tiết, bố cục nên một khung cảnh lôi cuốn sự chú ý của người đọc từ đầu tới cuối. Ngoài ra, nó còn giúp cho ta có một ý niệm về phản ứng tâm lý, về quan niệm đạo đức, về đời sống xã hội và đặc biệt về cách sử dụng ngôn ngữ của các nhân vật của một thời đại đã qua.

Tóm lại, vai trò của người viết văn tuy từ lâu không được xác nhận bằng bất cứ một thứ văn tự nào, nhưng mặc nhiên ai cũng phải nhìn nhận rằng đó là một vai trò khả năng nó đòi hỏi người hành sử vai trò đó một số vốn liếng to tát bao gồm kiến thức về mọi bộ môn như tâm lý học, xã hội học, sử học, các ngành của bộ môn nghệ thuật v.v... bên cạnh khả năng tạm gọi là thiên phú, xuyên qua óc tưởng tượng và sự diễn tả, và trên tất cả, chính đời sống của cá nhân nhà văn.

Độc giả và nhà văn

Do chỗ sống nhiều, hiểu biết nhiều, và với các khả năng thiên phú (như sự diễn tả duyên dáng và óc tưởng tượng dồi dào), nhà văn đã tạo nên những thế giới khác nhau gây thích thú và tò mò nơi độc giả. Từ chỗ ưa thích những tác phẩm đó, độc giả thường muốn tìm biết về đời sống của nhà

văn. Điều đó có thể chứng minh qua sự ưa tìm đọc các tác phẩm được các nhà văn viết dưới hình thức Tự truyện, Hồi ký của tác giả, bởi sự nhẹ nhàng sâu sắc và nhất là chân thực của loại sách này, và bởi vì nó hé lộ cho độc giả biết các khía cạnh sinh hoạt, những yếu tố cấu tạo nên người đã viết những áng văn ghi lại cuộc sống.

Vậy thì, đời sống của các nhà văn, nói chung, đối với người đọc, đã là một điểm kêu gọi óc tò mò, sự ham thích tìm hiểu. Đời sống của một nhà văn phái nữ, có lẽ, còn gọi sự hiếu kỳ nơi người đọc hơn nữa, nhất là gần đây, với sự xuất hiện của một số đáng kể cây bút phụ nữ có vẻ như muốn đẽ bẽp các cây bút phái nam về số lượng tiêu thụ và tiếng tăm đến nỗi một số người đã kêu lên cho đó là một tình trạng "âm thịnh dương suy", với lời nhận xét của giới phê bình cũng như độc giả cho rằng chúng tôi, các cây bút phụ nữ, đã viết quá bạo. Và những câu hỏi không tránh được đã được đặt ra, đại loại: các nhà văn nữ mặt ngang mũi dọc ra sao? Họ đã sống như thế nào? Hẳn là ghê gớm lắm mới viết như vậy? Họ có gia đình chồng con không? Chồng họ nghĩ gì về việc họ viết lách? Làm sao họ có thể đóng vai trò nhà văn vừa lo chuyện nhà cửa, bếp núc, chồng con, nghĩa là đời sống gia đình có ảnh hưởng gì và ảnh hưởng như thế nào trên người đàn bà viết văn?

Đó là tất cả những điều mà tôi hy vọng, qua buổi nói chuyện hôm nay, sẽ giải đáp được phần nào.

Đàn bà viết văn xưa và nay

Trước hết, tôi xin được giới hạn trong cái mốc thời gian của sự ra đời của chữ quốc ngữ để chỉ nói tới những nhà văn nữ của thế kỷ 20.

Và trong khoảng thời gian này, tôi xin được chia làm 2 giai đoạn:

— Giai đoạn tiền bán thế kỷ với sự xuất hiện của những cây bút phụ nữ có tính cách tài tử như Mộng Sơn, Thục An, Nguyễn thị Vinh, Linh Bảo v.v...

— Giai đoạn hậu bán thế kỷ với sự xuất hiện của những cây bút phụ nữ đã nặng mùi chuyên nghiệp như Nhã Ca, Thụy Vũ, Túy Hồng, Nguyễn thị Hoàng, Tùng Long, Lệ Hằng v.v...

Ở giai đoạn tiền bán thế kỷ, có thể nói rằng các nhà văn nữ chỉ mới làm quen với văn chương, coi văn chương như một người bạn để vui chơi những lúc trà dư tửu hậu, mà đã là vui chơi thì có cũng được mà không cũng được. Chính vì đó một phần mà về số lượng, tác phẩm của họ thật ít ỏi, trong khi về phẩm thì phải nói rằng những tác phẩm đó cũng chỉ phản ánh được một số khía cạnh thời đại thu hẹp trong cái giới của họ, những người đàn bà của một thời đại vàng son là không phải chạt vật với kẻ mưu sinh, hoặc giả nếu có những tác phẩm như « *Vượt Cạn* » của Mộng Sơn mô tả lớp phụ nữ lầm than của xã hội thời đó, thì vẫn chỉ là những câu chuyện kể có tính cách khách quan, hời hợt bởi vì, mặc dù cũng cảm thông với tầng

lớp phụ nữ đó, nhưng chắc chắn tác giả vẫn chưa là những phụ nữ đó.

Dù sao, sự xuất hiện của bậc đàn chị trong văn chương đó cũng vẫn là một điều đáng kể, mà chúng tôi những người đi sau phải tỏ lòng biết ơn vì sự mở đường đó. Bởi nếu không có sự mở đường đó, thì có thể chúng tôi cũng sẽ mở đường đấy, nhưng chắc chắn sẽ không được thông dong như hiện nay để mà phát triển về lượng cũng như về phẩm, bởi bao nhiêu năng lực đã phải dành phần lớn vào việc mở đường đó rồi còn đâu.

Bước qua giai đoạn hậu bán thế kỷ với sự xuất hiện của những Nhã Ca, Nguyễn thị Hoàng, Túy Hồng, Thụy Vũ, Trùng Dương của những năm 60-70 và còn hứa hẹn thêm những xuất hiện khác của những Trần thị Ngh., Lệ Hằng, Dung Saigon, Nguyễn Đức, Thục Viên v.v... trong thập niên 70 này.

Ngày nay, cuộc sống xã hội đã biến chuyển nhiều. Thời hoàng kim của người phụ nữ được chồng nuôi chỉ lo việc gia đình, săn sóc chồng và nuôi con dạy cái không còn nữa. Với cuộc chiến trên 20 năm đã cướp đi của xã hội VN nhiều bàn tay phải khỏe, người đàn bà bắt buộc phải giả từ gia đình để ra đời kiếm sống cho gia đình. Từ đó, những trói buộc luân lý cũng dần dần được cởi bỏ để giới phụ nữ không còn bị gò bó như xưa.

Trong hoàn cảnh đó, những cây bút phụ nữ cũng xuất hiện với một vị thế khác các bậc đàn chị của tiền

bán thế kỷ. Nghĩa là có tính cách tích cực và dần dần hơn.

Đĩ nhiên lúc đầu, người nào trong chúng tôi cũng nghĩ rằng văn chương chỉ là một trò chơi có tính cách trà dư tửu hậu vì tưởng rằng như thế thật và vì lời khuyên của các bậc đàn anh đàn chị rằng muốn viết văn phải có một nghề tay trái. Vì thế, Nhã Ca đã có một thời gian khá lâu vừa đi làm cho đài phát thanh Tự Do vừa viết văn. Túy Hồng vừa đi dạy học vừa viết văn. Nguyễn thị Thụy Vũ và Nguyễn thị Hoàng vừa làm xuất bản vừa viết văn. Và riêng tôi thì cũng vừa đi làm báo vừa viết văn.

Nhưng rồi không ai kêu ai, viết văn trở thành nghề chính để kiếm sống lúc nào không hay. Túy Hồng bỏ dạy học để viết truyện dài cho các báo hàng ngày. Thụy Vũ, Nhã Ca, Nguyễn thị Hoàng lần lượt cũng bỏ cái nghề tay trái của mình để viết truyện dài cho các báo hàng ngày. Đó là thời thịnh của loại văn chương feuilleton, tức những tiểu thuyết đăng báo hàng ngày (ở đây tôi xin miễn trình bày về giá trị văn chương của loại truyện này). Riêng tôi vì nghĩ rằng nghề ký giả là một cơ hội cho phép tôi tiếp xúc với mọi loại người, mọi loại sinh hoạt, nên tôi vẫn tiếp tục làm báo và chỉ khi nào cảm thấy có nhu cầu viết văn mới viết.

Đó là điểm khác biệt giữa các nhà văn nữ của tiền bán thế kỷ với các nhà văn nữ của hậu bán thế kỷ : viết văn từ một trò chơi, trở thành một công việc có tính cách chuyên nghiệp.

Và vì cuộc sống xã hội của chúng tôi được mở rộng hơn nên tác phẩm của chúng tôi phần nào có nhiều màu sắc và chiều sâu hơn, đôi khi chúng còn chứa đựng chính cuộc sống của chúng tôi nữa, với tất cả sự chân thành cởi mở, thấy sao ghi vậy, cảm sao diễn tả vậy, nên chi chúng tôi được coi là viết quá bạo chăng ?

Dù sao thì sự xuất hiện của những cây bút phụ nữ đã mở ra một thế giới bấy lâu vẫn khép kín và không được chính người sống trong cái thế giới ấy kể lại, đó là thế giới đàn bà, trong đó bao gồm cả người đàn ông dưới cái nhìn của người đàn bà nữa.

Đàn bà viết văn và gia đình (chồng con)

Đến đây chắc quý vị sẽ thắc mắc : viết văn đòi hỏi sống nhiều, đi nhiều, đọc nhiều, làm việc có thể bất kể ngày đêm, vậy thì người đàn bà viết văn làm sao còn ngày giờ lo cho chồng con ?

Đó là điều mà người đàn bà viết văn cảm thấy mình bị đẩy đến trước một sự chọn lựa : hoặc sống cho văn chương, hoặc sống cho gia đình.

Nói là chọn lựa chứ thực sự chưa ai lại đi làm một cái quyết định bao giờ. Cho đến bây giờ, theo chỗ tôi biết, các bạn gái viết văn của tôi tuy có ngồi nói chuyện với nhau, than thở về nỗi cực nhọc của mình, nhưng quả thực chưa ai quyết định gì cả. Viết văn là một nhu cầu tinh thần, nhưng viết văn cũng đã trở thành một kế mưu sinh và càng ngày kế mưu sinh ấy lại càng có vẻ trở nên kế mưu sinh duy nhất. Làm sao bỏ

được trong khi cuộc sống kinh tế mỗi ngày một khó khăn?

Mà cuộc sống vật chất càng khó khăn, người đàn bà càng có khuynh hướng tìm cho mình một chỗ tựa ít ra cho tinh thần cảm thấy mình không đang phải lo đời sống một mình. Vậy chắc chắn không có vấn đề dứt khoát với gia đình chồng con, nhất là nơi một người phụ nữ Việt mà tuổi từ 30 xấp xỉ, dù sự bận rộn vướng víu cản trở con đường tạm gọi là "sự nghiệp văn chương".

Quý vị có thể tưởng tượng cảnh chị bạn Túy Hồng của tôi trở lại đi dạy học vào buổi sáng, buổi trưa về nhà lo bếp núc cho chồng cho con, gồm 5 đứa mà đứa lớn nhất mới đi học Mẫu giáo và bé nhất đang bập bẹ học nói, rồi lưa cho chúng đi ngủ, chồng là nhà văn Thanh Nam đi làm, chị mới ngồi vào bàn viết mấy cái truyện dài cho báo hàng ngày cho tới giờ lo cơm chiều, rồi buổi tối soạn bài ở trường tới khuya v.v... Thì giờ đâu để đi đây đi đó, thì giờ đâu để đọc thêm sách vở báo chí?

Vậy chỉ còn cách phó mặc chuyện văn chương cho đời và gửi lại cho thế hệ sau tương đối còn rảnh rang.

Cả Thụy Vũ lẫn Túy Hồng đều đồng quan điểm: ngày nào còn người mời viết truyện trên báo, còn viết; hết được mời nữa... thì thôi, có hề chi, ta về ta lo cho con.

Quả thực đến nước đó, người đàn bà viết văn chỉ còn nước hy sinh lẫn hồi khả năng văn chương của mình.

Chắc chắn sẽ có người cho rằng gia đình đã giết chết lần hồi khả năng sáng tạo văn nghệ nơi một nhà văn phái nữ. Điều đó đúng trên một

khía cạnh nào đó có tính cách thuần túy văn học, nghệ thuật. Nhưng điều đó không thể chấp nhận được trên khía cạnh xã hội, dưới một cái nhìn tinh tế hơn.

Đan cử trường hợp cá nhân của tôi. Nếu sau này tôi tạo nên được những tác phẩm đề đời mà trong hiện tại, con cái tôi thiếu sự trông nom dạy dỗ, hướng dẫn của tôi, đề rồi trở thành những phần tử bất hảo trong xã hội, chắc chắn rằng tôi không sung sướng gì với cái tên tuổi lưu danh hậu thế.

Đồng ý là đời sống tạp nham của gia đình làm tôi mệt mỏi đôi khi, và ảnh hưởng không nhỏ tới công việc sáng tác của tôi, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng tất cả còn tùy thuộc ở cách tổ chức đời sống riêng của mỗi người. Tuy nhiên, tôi cũng không dấu diếm gì nếu có lúc nào tôi cảm thấy bị đẩy tới chỗ bắt buộc phải chọn lựa: hoặc một cuộc sống lo cho gia đình hoặc một cuộc sống lo xây dựng sự nghiệp văn nghệ, chắc chắn tôi sẽ chọn cuộc sống lo cho gia đình bởi vì, thà văn chương chịu mất một số tác phẩm còn hơn một gia đình thiếu sự chăm sóc của một bàn tay phụ nữ; và bởi vì, dù viết văn (mà viết văn là một nghề vốn của các ông) nhưng trong sâu xa tôi vẫn là một người đàn bà, một người mẹ của các con tôi, bởi vì không có một công trình nào lớn hơn công trình tạo dựng nên con người sống cho ra con người. Tôi kỳ vọng ở tôi sẽ làm được như thế với các con tôi.

Tôi xin chấm dứt ở đây. Và xin gửi đến quý vị lời cảm ơn chân thành của tôi.

TRUNG DƯƠNG

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Lá thư nước ngoài

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Mẽ Tây Cơ 11-8-74

Anh Ch.

Vừa đến Mẽ-tây-cơ, bao nhiêu là chuyện bất như ý, nhưng để cuối hãy bắt anh nghe. Bây giờ kể qua về cái nước Mẽ kỳ lạ này cho anh biết. Tại sao mà Minh Đức lặn lội đến đây. Chỉ vì mấy cái Kim tự tháp ở đây mà từ 15 năm rồi cứ dự định đi xem mãi, hôm nay mới hội đủ ba điều kiện thiên thời địa lợi nhân hòa, cũng hệt như một kỳ xuất quân vậy. Nghe sặc mùi nhà binh không? Nhưng thôi không nói dài giòng, anh chỉ cần biết rằng tôi đang thực hiện được một giấc mộng con là đủ.

Mẽ-tây-cơ là một đất nước có lịch sử và có nhiều thứ để cho người học hỏi tìm tòi, xứ của người Aztecs và Mayas, Toltecs v.v.. Máy bay đến phải đổi ở Dallas, vì sự đổi máy bay này mà tôi bị mất va-li đó.

Đến lại không dự bị thuê phòng nên hơi lo. May quá ở một khách sạn lớn nên còn phòng mặc dầu đang vào tháng 8 là tháng của du khách.

Sự thực, muốn biết một xứ nào cũng cần phải ở lâu, mà tôi chỉ ở có một tuần nên chỉ vừa đủ để đi trèo mấy cái Kim tự tháp (có người gọi là Lăng chùy tháp) và viếng một vài nơi lịch sử, viện bảo tàng, bắt phổ nhìn người ta, thế thôi.

Mỗi một cái kinh đô thôi mà gần 10 triệu dân chen chúc, chỉ kém Tokyo, New York, Londres) Shanghai và Moscou. Sao người nhiều thế nhỉ, đi đến đâu cũng thấy người.

Không thể nào đi một mình được, tôi phải ghi tên vào một tổ chức để đi xem và trong toán người ở cùng nhà trọ lại phải kiếm thêm một vài

người để trao đổi ý kiến.

Ngày thứ nhất đi xem phố phường, các công thự trong vùng, sau đó mới trèo lên cao. Đại khái thì ngày đầu, nếu có những ai đi rồi đều đã kể cho anh nghe, người ta đưa đoàn « cừu » — tức là đoàn du khách — đi xem cái Trung Tâm gọi là Zócalo, nơi này có những kiến trúc công thự quan trọng phối hợp của hai thứ Mexico, một đảng cò kính và một đảng văn minh.

Trước hết là cái công thự National Palace, ai cũng phải đến nhìn bức tranh vẽ trên tường rất vĩ đại, rất chói chang vì người xứ này rất thích dùng nồng sắc, hệt như tâm hồn và tính nết người. Tác giả là Diego Rivera, vẽ lại cuộc Cách-mạng của người da đỏ và ngày độc lập. Anh chàng họa sĩ này đã chết từ năm 1957 và được xem là một trong những họa sĩ lớn nhất của thế kỷ. Một người đã vào và đã ra khỏi đảng Cộng-sản Mẽ.

Sau bức tranh là tượng đồng của Benito Juarez một người da đỏ, lãnh tụ (Zapotec) Ông này có nhiều công

trong cuộc cách mạng nên được dân chúng sùng phụng lắm, ông ta ở vùng Oaxaca, đã làm Tổng thống xứ này vào năm 1858, đưa ra luật quốc hữu hóa những gì của Giáo-hội Thiên-Chúa-giáo và tách rời Giáo-hội khỏi chính quyền. (Nhưng lịch sử thì xứ nào cũng dài lê thê, anh tìm sách mà đọc nếu chưa hiểu rõ ràng, tôi còn nhảy sang chuyện khác).

Du khách được đưa đi xem nhà thờ, viện bảo tàng, phố xá và thể nào người ta cũng đưa anh đến những chỗ bán hàng của người trong xứ để móc túi anh cho bằng được.

Có ngôi nhà thờ Notre dame de Guada'oupe là lớn nhất, lớn hơn ngôi nhà thờ trong thành phố. Đây là ngôi nhà thờ của người da đỏ, lập năm 1531 do sự hiền lành của Đức Mẹ cho một người da đỏ tâm thường được trông thấy. Ngày nay, dân trong xứ vẫn tấp nập tới hành hương, họ lết bằng đầu gối từ ngoài sân xa cả 500 thước, có khi phải cần hai người dìu vào. Ngày nào cũng đông mà nghe bảo ngày 12 tháng 12 ngày của Đức Mẹ còn đông hơn, đầy hoa và đèn.

Tôi họp được với bốn người nữa, một đôi vợ chồng mới cưới, đi hè chung lần thứ nhất và hai ông già cỡ 60 trên dưới gì đó. Kề tuổi họ ra vì sau đó cả hai ông đều giận tôi, một ông giận nhiều hơn chỉ vì tôi trèo lên Kim-tự-tháp trước họ.

Đi viếng Kim-tự-tháp, đáng lẽ chúng tôi 5 người định chung tiền đi riêng nhưng thấy không tiện, thôi

thì đi chung với đoàn « cừu » vậy. Tuy đi chung bị cái nạn là phải đi đón « cừu » ở các nhà trọ khác, nhiều người trẻ nãi bắt phải chờ đợi và phải chịu trận sự ba hoa của tên hướng dẫn. Thường thường tên hướng dẫn ăn hoa hồng ở nơi nào thì anh chàng đặt trọng tâm vào nơi ấy mà lơ là các nơi khác, thật đáng ghét.

Trước hết phải viếng vùng Teotihuaca, là Trung Tâm tôn giáo của giống người Totecs. Vùng này rộng lớn chia ra ba nơi và mỗi nơi vào khoảng 12 dặm lý vuông. Ở đây có hai ngôi Kim-tự-tháp lớn thờ Mặt trời và Mặt trăng, cao 216 feet. Chung quanh có những cung điện nhỏ, hơn trăm ngôi. Có nơi chúng tôi vào trong, nhìn sự xây cất bên dưới, có nơi chúng tôi chỉ trèo lên trên. Nhất là hai ngôi Kim-tự-tháp của Mặt trời và Mặt trăng.

Trèo lên trên cao, nhìn ra chung quanh đầy những người là người, với xe du lịch, hàng bán quà kỷ niệm. Nhiều nhất là các thứ quà bằng đá, tượng các vị thần mà người da đỏ vẫn sùng phụng. Đứng trên đỉnh của Kim-tự-tháp không thể nào tránh khỏi sự suy tư và sự ngóai cồ nhìn vào lịch sử. Không thể nào không nghĩ tới ngày xưa các ông Vua bà chúa các vị Giáo sĩ đã ép buộc dân chúng xây dựng những ngôi đền cao này. Tất nhiên sự xây cất thời ấy vô cùng vất vả và hằng nghìn nghìn người đã phải bệnh tật, phải chết. Đến ngày nay mà khoa học vẫn chưa giải thích được họ làm cách

nào để đi chuần hàng khối đá từ xa đến, rồi đưa lên cao, ngoài cái lối thông thường là sức người, đây trên thân cây, trên giây... Như thế thì đủ biết phải tập trung bao nhiêu sức người cho vừa. Cũng như khi nhắc đến Baalbeck ở Trung Đông, khối đá to nhất thế giới mà người Ả-rập gọi là Hadja El Houbla (khối đá miền Nam) ở vùng khảo cổ cách thành phố Balbeck 1 cây số. Khối đá nặng 2 triệu tấn, làm sao đưa đến đây? Nhưng thôi, nói dài giòng bao giờ cho xong, tôi chỉ thấy rằng nếu ngày xưa người dân xứ ấy không bị đày đọa để xây cất thì ngày nay cũng người dân xứ ấy đâu có được hưởng thụ tức là sống nhờ cái công lao vất vả của người trước.

Cũng như tất cả các nước ở Âu châu, nước nào mà ngày trước bị quân đội La-mã sang chiếm đóng thì ngày nay còn lại những vết tích xây cất các cung điện đền đài, đấu trường. Những bức thành đồ nát ấy ngày nay cũng là nơi để lôi kéo du khách đến và cố nhiên là một số người sống nhờ sự buôn bán tranh ảnh, kỷ niệm, hoặc hàng ăn uống.

Anh có bao giờ nghĩ đến những sự ấy không? Hay là anh sẽ nghĩ xa hơn và đặt câu hỏi? thế ở nước ta thì sao, và tôi sẽ chịu thua không biết phải trả lời anh thế nào đây?

Ở đây, ai muốn nghiên cứu về con người của thời cổ, tha hồ mà làm việc. Mỗi dân tộc xưa có một cách thờ cúng riêng, thờ những vị thần riêng. Họ có những vị thần rất dễ thương như thần âm nhạc, thần ái tình, thần

mưa, thần hạnh phúc... Tôi đưa về vị thần mưa, vì hay viết vào những đêm có "giòng trích lịch, vỗ lên mái nhà buồn" nên vị thần mưa cố nhiên phải là vị thần của tôi. Ngày xưa, vì là một xứ sống nhờ trồng trọt, nhất là bắp, cho đến bây giờ bắp vẫn là món ăn chính, vì vậy mà mưa rất cần. Tục lệ xưa vẫn là tục lệ của Tây-Nguyên-Bio, tế Hà-bá bằng người sống. Ở đây họ hay dùng tù binh để làm vật tế thần, có khi cả chục, cả trăm người bị hy sinh cho thần vui. Đây là nói chuyện ngày xưa, bây giờ người ta vẫn minh lắm đưng có hiểu lắm. Từ khi Hernan Cortés người Tây-ban-nha chiếm được xứ của người Aztecs 1919, đã có bao nhiêu là đời thay, mãi đến thế kỷ thứ 19 mới có thể đẩy họ ra, giống người Mestizo (nửa da đỏ, nửa Tây-ban-nha) bắt đầu thấy ngọt ngào muốn tự tìm thấy cho mình một thứ phiên hiệu, nhất là trên phương diện chính trị. Cuộc tranh đấu kéo dài, muốn nói kỹ phải cả chục số báo, thôi để khi khác. Kể chuyện gì vui vui cho anh nghe.

Thích nhất là ở đây có một thứ cây rất đặc biệt mà ai đến xứ này đều phải biết tên tuổi và công dụng. Nó tên là cây Maguey mọc đầy đồng ruộng, dễ trồng và sinh con đẻ cái giống như loại cây tre cây chuối nhà mình. Hình thái tựa tựa như loại cây dứa, cây Đại-tướng-quân của V.N. ta mà ích lợi vô biên. Lá rẽ có thể đốt lửa, lợp mái, rẽ mang nướng làm thức ăn, làm đường, cái nhựa non ngọt có thể làm rượu mạnh, dấm

chưa, gai để nhè, làm móng tay gậy đàn, làm kim khâu áo. Tóc là để may áo, làm chỉ. Các nhà hóa học đã tìm ra, bảo rằng cây này có thể làm nguyên liệu để chế ra tới ba chục thức ăn và uống, tất cả đều chứa nhiều sinh tố A và B.

Nếu ai mang cây tre, cây chuối nhà ta ra khai thác chắc cũng chẳng kém gì.

Ngoài ra còn những hàng tượng khổng lồ to cao đến năm bảy thước; đứng bên cạnh, mình cảm thấy bé tí tí, hình như là người khổng lồ sống thọ hơn mình vì tuổi thọ có liên hệ đến sự to lớn của thân xác; thân xác to lớn thì các cơ quan, tế bào ít vất vả hơn nên như cái máy xài kỹ nên lâu hỏng, nôm na là như thế.

Đã hết đâu, cái bản lịch đá của giống người Aztecs ở Viện Bảo tàng quốc gia. Người Aztecs thời đó đã phát minh ra bản lịch đá ấy mà nhìn để biết tháng ngày.

Điểm vui cuối là đọc mấy quyển sách viết về chiến tranh thời xưa giữa các dân tộc ấy với nhau. Chẳng hạn như trận đánh giữa hai bộ lạc Itzcoatl và Maxtla. Đánh vào khừu giác. Người Aztecs bao vây thành của Maxtla và suốt ngày cho nướng cá, thịt, vịt thật thơm, để cho mùi thơm bay vào mũi dân chúng trong thành. Sau mấy ngày dân trong thành quá thèm mà vì đói trở nên bệnh hoạn. Khói vào lại làm sưng cả mắt; người bắt đầu chết, vô phương cứu chữa, thế là thua. Còn một trận nữa lần này người Aztecs thua vì

tham ăn. Dân Tarascans tuy yếu nhưng dùng mưu, thu nhặt hết thức ăn rồi mang theo, nửa đường bỏ lại và phục kích. Dân Aztecs chạy đến thấy thức ăn, rượu, cứ thế nhào vô, ăn uống bị quân phục kích đánh cho một trận toi bời. Thua gì Không Minh, anh thấy không. Nhưng thôi tha cho anh những chuyện chiến tranh đó.

Đi mấy hôm về những bắp thịt của hai chân đau không biết nói thế nào được. Đã vậy tôi còn bị đau răng phải đi tìm bác sĩ. Về còn bị một ông đi trong bọn giận vì trèo lên đỉnh Kim-tự-tháp trước ông ta. Mấy hôm liền mỗi khi nhờ việc gì là ông ta lại nhắc: « Sao hôm đó cô dám vượt tôi ». Mexico, vì xưa kia xây trên hồ — ngày xưa ngày xưa là một cái hồ — nên bây giờ các công thự đang bị lún dần, như ở Venise vậy. Chẳng biết rồi đây người ta có thể làm gì để cứu vãn không.

Một giờ sáng rồi. Tôi ngủ suốt buổi chiều, chẳng ăn uống gì cả, bây giờ dậy viết, chắc đến 5 giờ sáng sẽ lên giường ngủ lại, tám giờ hẹn đi xem các nơi.

Cuộc sống thất thường, đúng là dễ mèn phiêu lưu ký, nhưng bảo rằng « hành vạn lý lộ thắng độc vạn niên thư » không phải không đúng hẳn. Vì đến nơi nào mà muốn tìm hiểu là ngoài sự đi xem về còn mua bao nhiêu sách để đọc thêm. Đọc bao nhiêu lại thấy mình dốt bấy nhiêu và nhớ tới câu nói của các cụ ta xưa mà đúng. Ngu si hưởng thái bình. Nói đến hai chữ ngu si, tôi

lại sắp đi ra ngoài đờ, nhưng thôi hẹn một kỳ khác, tôi đang tức và anh nghe cũng sẽ tức cho mà xem.

Anh biết không, hôm tôi đến Mê-tây-cơ, mắt va-li thật là bực mình. Phải mặc bộ quần áo ký giả, bốn túi màu xanh lá cây, trông tôi như quân đội ở rừng về, đi đôi "bốt" trắng mà bụi đường đã làm bẩn thiu. Tối đến lạnh may vớ được tấm khăn quàng đỏ, cũng là của sư đoàn 21 (tặng hôm xưa về làm việc ở đây). Tấm khăn quàng tôi đưa theo vì nó nhẹ, dùng để che tấm gương ở bàn viết của mỗi phòng trọ cho lúc làm việc khỏi bị

thấy mặt mình sừng sững trước chính mình, để coi chừng, soi mói mình. Ai ngờ tối ấy lại được việc vì đêm ở Mê tây cơ lạnh, xứ này cao, ngày nắng đêm rét mà thật ra ngày cũng không nóng lắm. Thế mà xuống phòng ăn rất lịch sự ngồi ăn, lăn trong đám các bà váy dài, vai trần, tóc chải cao... trông tôi thật lạc loài, khó thương. Có ai hiểu hoàn cảnh mình không, chưa kể là cái mặt còn nhăn như khi ăn ớt. Thôi ngừng nhé, thư dài rồi, ngày mai cái va-li mới đến, hú hồn. Thăm các anh.

MINH ĐỨC HOÀI TRINH



Nhức đầu

Nhức răng

Budon

TRÍ

Nhức răng, nhức môi đau
lưng đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



KN 03 12N/8YT/00DP

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương-vị hảo-hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài-lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 - 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

N g h ẽ m ó i

Năm Quý Sửu đối với tôi, tuy là năm tuổi bị sao Kế Đô chiếu mạng, nhưng chỉ đem lại cho tôi vài sự bực mình nhỏ nhỏ mà thôi. Năm Giáp Dần này, tôi xui tận cùng tận mạng, ngọc đầu không nổi, chồi đầu không lên. Chạy chọt miếng ăn cho cả nhà là cả một việc mệt cầm canh, mệt tóe phờ. Đã vậy, tôi cứ đau ốm quặt quẹo luôn. Lũ con thì hề vừa thấy tôi có đồng vô đồng ra là thay phiên nhau ngã bệnh. Làm sao tôi có tiền gọi ngân hàng? Làm sao tôi sắm nổi một phen vàng để hộ thân?

Trưa hôm nay, tôi thức dậy sau một giấc ngủ trưa nặng chình chịch. Dường như tôi đã vấp vũng trong nhiều cơn chiêm bao lộn xộn, rối rắm; đó là những cơn chiêm bao mơ mơ hồ hồ, không đem lại cho tôi một ảnh tượng nào rõ rệt, song làm cho tâm thần tôi bại hoại như bị một luồng khói đen đặc thổi vào. Tôi biết lắm, nếu tôi cứ viết lách sau lúc dùng cơm trưa xong, thế nào giấc ngủ trưa của tôi cũng bị nhiễu xáo trộn.

Búp sen phun tua tủa những sợi nước trắng mát lạnh. Cục xà bông màu hường lợt như mơn man da thịt. Nước cuốn một lớp bọt nhuyễn nổi từng đám trên thân thềm xuống sàn gạch. Hình ảnh gầy gò của tôi in trong khung gương treo ở phòng tắm

kia kia. Nhìn bóng mình, tôi kinh hãi. Tôi gầy như que củi, xanh nao như con mắm chưa chao. Và kia, lưng của tôi cong vồng. Gánh mưu sinh cùng phương pháp ngửa thai đã làm cho thân thể này sớm cằn cỗi. Tôi sực nhớ tới câu nói mỉa mai của thằng em:

— Mỗi khi chị đứng đối diện với ông xã của chị, tôi có cảm tưởng đó là hai đầu ngoặc đơn.

Tôi rúm mái tóc rối cuồn lên cao. Mặc quần áo vào đi. Nhìn thân thể của mình, đâu là trong lúc tắm gội, rửa ráy, tôi tự mình gớm ghiếc lấy tấm thân bắt đầu tàn tạ của mình. Sao tôi có khuynh hướng làm một bà già xấu xí thế này? Tất cả khuôn mặt của tôi héo úa, ủ ê. Chỉ còn ánh mắt sắc bén quen thuộc cũ mà thôi. Ánh mắt của tôi vẫn hồn nhiên rạng rỡ. Tôi còn nhìn cuộc đời với niềm lạc quan, dẫu cuộc đời bị nhiễu sóng gió búa vây.

Tôi bước ra nhà tắm với một bộ áo lụa mát màu xám lợt, in hoa xanh nhỏ.

Cô em giúp việc báo cáo bằng một giọng thật khẽ:

— Có các bà mệnh phụ đang đợi chị.

Tôi kinh hãi:

— Thế này có chết không? Tao còn một chục trang giấy cần phải

viết cho kịp sáng mai đây nè. Làm sao bây giờ ?

Bỗng một tia sáng vắt qua óc tôi; tôi nói nhỏ :

— Ba mươi sáu chước, chỉ có chước quất ngựa chuối chạy trốn là ổn nhất. Mày nói với các bà là tao không có ở nhà.

Cô em giúp việc nói :

— Em lỡ nói chị đang tắm và sẽ ra ngay.

Tôi thất vọng .

— Vậy thì mày giết tao không cần gươm dao, không cần súng AK, súng cối, không cần hơi đạn chày, hỏa tiễn rồi. Phen này chắc tao đi vào bệnh viện bại lao... Suốt buổi chiều nay tao phải tốn nước miếng, hụt hơi để trò giọng lóc cóc rồi.

Cô giúp việc lặng thinh. Tôi bèn đổi giọng phờ phời :

— Coi trà nước đãi khách đi. Đem bộ bài cào lại cho tao.

Tôi bước ra căn nhà giữa. Nơi đó, một đám đàn bà mặc đồ mát in hoa hòe hoa sói đang ngồi chờ tôi. Tôi ngả đầu chào tất cả bằng một giọng niềm nở :

— Cha chả, hôm nay các bà đến thăm tôi chắc là có chuyện... lớn rồi.

Bà Hoàng Thương nhoèn một nụ cười cầu tài trên cặp môi tô son màu hồng đào :

— Chị làm ơn bói cho mỗi đứa tụi này một quẻ bài coi tài, lộc, bần mạng tụi này ra sao ? Tụi này tính làm đầu thảo hụi, tính đi làm than,

đi khăn đất hoang trên miệt Blao đây. Tụi này tính mua giấy số, đánh đề...

Một tràng cười vui nhộn nổi lên. Các bà mệnh phụ nhìn tôi với cặp mắt khâm phục làm cho mặc cảm tự tôn tôi nổi dậy đùng đùng. Bà Mẫn khệ nệ đặt hộp bánh biscuit trước mặt tôi trong khi một bà khác đầy đĩa chôm chôm với những trái đồ như lửa hực bên cạnh tôi. Một bà khác nói thay :

— Đây là chút ít vật mọn để biếu thầy. Thầy bói hay quá, dẫu không treo bảng...

Tôi cười buồn :

— Mấy bà bày đặt hoài làm tôi khó nghĩ quá. Tôi mà bói trúng cho bà nào thì có khác nào hốt trấu giải bụi tre, may đâu trúng đó. Chà, điều này chắc tụi phải trốn quá...

Một bà hình vóc mảnh dẽ, liền can :

— Trốn đi đâu ? Thì cứ mở bài ra bói cho tụi này đi. Không bói trúng thì bói trật, lo gì !

Một bà khác nửa an ủi :

— Trời ơi, chị này bói hay quá sá đi chớ. Chị cho ông xã tôi biết, khi ông dời lên Long Khánh là thế nào chỗ làm của ông cũng có người dành mất rồi. Mà quả đúng như vậy. Ông xã tôi phục chị sát đất.

Cô em giúp việc đem khay đựng năm sáu tách trà và một cò bài cào ra. Tôi mời tất cả dùng trà rồi bắt đầu xè bộ bài. Mọi ánh mắt hướng về tôi tất cả lòng thành khẩn. Tôi vụt kinh hãi tự nghĩ : Cor ma nào

đã ốp vào miệng tôi để tôi nói trúng phong phúc những lời tiên đoán về tương lai? Cô hồn các đản, hoặc chư vị khuất mặt khuất mày nào đã giúp tôi trải những lá bài trong quẻ đoán để tôi đọc được những chuyện sắp xảy tới cho những kẻ đến nhờ tôi bói toán? Trời, mình đang sống trong cơn mộng dị kỳ! Mình làm thầy bói được sao?

Có một hôm, thằng em tôi đã ngon lành bảo tôi:

— Chị viết văn được, thì bói cũng được. Viết văn gặp giờ linh thì văn hay ý đẹp. Còn bói toán mà gặp giờ linh thì đoán trúng phong phúc. Chị có hằng muôn hằng triệu giờ linh mà.

Giờ linh! Làm sao tôi có thể tin được những gì còn chìm đắm trong thế giới huyền bí tối đen được? Tuy nhiên có nhiều đêm thao thức không ngủ được, tôi vụt tự hỏi cái cuộc đất dành cho Làng Báo Chí xây cất nhà cửa này đã còn để lại một năm xương tàn nào dưới nền nhà tôi không? Có sao từ khi dọn về đây ở, tôi chẳng ăn nên làm ra như khi tôi còn ở một khu bình dân nằm giữa thành phố? Mới dọn về ở, tôi đã cùng tia sắp nhỏ gấu ó, cãi nhau cháy cửa cháy nhà. Rồi đó, những người trong nhà cứ luân phiên gây gỗ, chào rào chộn rộn không yên. Tôi đã tốn nhiều tiền để xin xăm, bói toán và nghe lời thầy bói dạy, tôi đã đòi hương cấn bếp. Tuy sự xào xáo trong nhà lắng dịu, nhưng không vì đó niềm hòa khí lại có đủ quyền lực trôi buộc thiện cảm giữa

người này và người kia. Tôi lại nghĩ chắc hẳn là dưới nền nhà có một vài mỗ mả bị san bằng theo bước thời gian. Có thể là một vài oan hồn đang ám ảnh tôi, chẳng giúp tôi làm ăn phát đạt mà chỉ giúp cho tôi tài bói bài mà thôi. Qua mấy kỳ rằm tháng bảy, tôi chẳng có nấu xôi chè, hoặc mỗ gà giết vịt cúng những kẻ xiêu mỗ lạc mả, hoặc cúng những oan hồn chưa kịp giải thoát, siêu sinh.

Tôi bắt đầu bói cho từng bà một. Ở khoa bói bài, tôi chỉ thu lượm một vài kiến thức ít ỏi khi tôi còn ở Vinh Long, bên cạnh người chị bà con xa. Tôi chỉ đọc những lá bài sắp ra trước mắt và thêm nhưn thắt nhị theo những ý tưởng mới chợt đến, không dám tin chắc ở tài năng của mình. Nhưng lạ kia, nhiều tiếng suýt soa lẫn những tiếng rên rỉ thần phục nổi lên. Một cặp mắt long lanh, rạng rỡ chong về phía tôi. Tôi vừa thẹn vừa sung sướng. Chung quanh tôi, những nụ cười hả hê, những nét mặt thỏa mãn vì tài đoán trúng của tôi như sáng láng, bát ngát những nét linh hiển mà tôi không thể nào diễn tả nổi. Tôi tự hỏi:

— Chắc phải có một kẻ vô hình nào xui bảo mình nói ra. Những lời đó dường như không phải do miệng mình. Chắc có một kẻ ở cõi âm về đây, mượn miệng mình để bói.

Nghĩ đến đây, tôi nổi cả da gà. Xương sống như bị dội nước đá.

Bà Pài Phi, một người đàn bà tốt bụng dốc xúi tôi:

— Chị nên treo bảng xem quẻ đi. Tụi này sẽ kiếm mối cho chị và ông xã tôi sẽ lam quang cáo dùm chị vài đường là lướt.

Tôi háy dài :

— Thôi đi bà. Bà há không biết câu « *Nhứt thể vi y tam thể suy, nhứt thể vi tướng tam thể bại* » hay sao? Xem bói một đời, mà bại tới ba đời thì tội nghiệp cho lũ con, lũ cháu lắm!

oOo

Tôi không hề quan tâm tới tài bói bài của tôi nữa. Thời gian cứ trôi qua. Tôi muốn điên đầu vì sinh kế. Căn nhà tẻ lạnh. Lũ con lớn dần trong cảnh thiếu thốn. Nhìn những tờ báo mà mình cộng tác bằng mực viết truyện đăng theo thể thức feuilleton chết dần mà tôi đâm ra hoang mang, nóng gan nóng phổi. Báo mà chết nhiều thì chỉ có nước tôi phải treo bảng bán nhà.

Mùa mưa đã vào sâu. Vườn rau lã bông kiềng bên nhà xanh um. Những cây hường tiêu muội mới giâm hơn một tháng mà đã đâm loáng thoáng những chấm hoa trắng rồi. Vào những buổi chiều mưa tầm tã, tôi thường có cái thú bông con bé út qua căn buồng dành riêng cho ba tôi để cùng ông nhắc lại những chuyện năm xưa năm xưa, khi ông còn theo phe kháng chiến (năm 1950 trở về trước thì phải?). Lúc đó, ông ở trong một cái chòi lợp lá, giữa đồng không mông quạnh. Bên cạnh nhà là một cái ao nhỏ viền chung quanh những cụm cây điên điển hoa vàng. Sau nhà là một bãi lau sậy rậm

rap. Người ta đồn dưới ao có một cái quan tài một nửa chui trong đất, còn một nửa lộ ra ngoài đáy nước. Còn giữa đám lau sậy, xưa kia là nơi xử bắn những kẻ đi buôn bạc giả. Thế mà ba tôi vẫn ở đó trồng rẫy, nuôi gà... Nhắc lại thuở đó, tôi lại hoài nghi những cuộc đất vừa mới khai phá để dựng thành một chốn thị tứ như cuộc đất dựng thành Làng Báo Chí này. Miền Nam là một giải đất đầy đầy huyền thoại mà mỗi huyền thoại đều tràn ngập bóng tối của thế giới ma quái, huyền hoặc.

Thật ra, vào những buổi chiều mưa, chắc hẳn thời kỳ ba tôi đi kháng chiến không hấp dẫn tôi lắm. Sở dĩ tôi thích bông con qua buồng ba tôi trò chuyện vì tôi muốn chạy trốn ám ảnh về ma quái. Căn buồng của ba tôi không rộng bằng buồng của tôi, nhưng ấm cúng thân mật. Nơi đó có bình trà đặt trên chiếc bàn đẽm, một bức cỡ họa treo trên vách tường quét vôi trắng, một vài quyển sách trong đó có pho « Kim Bình Mai » mà thằng em thích đọc đi đọc lại mỗi khi về thăm nhà. Chiều mưa xui tôi nghĩ đến căn nhà của mình ở trên mảnh đất mà mình không hiểu gốc gác, ngọn ngành. Dọn về đây ở được hơn hai năm, thế mà tôi cứ ngỡ mình đang ở một nơi đứng đưng xa lạ, hãy còn lạ nước lạ cái với mình.

Tôi đang cộng tác với ba tờ nhật báo và hai tờ tuần báo. Vốn quen cảnh cả sóng lớn thuyền nên việc chi tiêu chẳng thấm vào đâu. Một tờ nhật báo do một ông

tướng làm chủ nhiệm cứ thay đổi ê kíp luôn. Ông bạn giữ trang tiểu thuyết cứ chê bai là văn tôi quê, già nua, lảm càm... và ông bạn lăm le hất tôi ra ngoài. Tôi già bộ tai điếc mắt mù kéo dài trang feuilleton được ngày nào hay ngày nấy. Thế nhưng, tôi cũng bị hất ra ngoài không vì ông bạn khó tính đó mà vì tờ báo lỗi là phải sập tiệm. Tôi khi tờ báo sống lại với cái măng sết cũ, nhưng với người bỏ tiền ra chỉ khác thì tôi chẳng được mời cộng tác. Thật là một tai nạn tuy nhỏ nhưng cũng làm tôi túng hụt. Kế tiếp, một tờ báo do một ông chủ ngân hàng bỏ tiền ra chi bị lung lay vì chủ nhân bị mắc kẹt trong vụ phanh phui chuyện kinh tài. Tôi hết bình tĩnh nổi. Tôi đang thấy viễn ảnh đen tối và cái ngày đói khát sắp đến mình. Tuy nhiên, tờ báo ấy vẫn không chịu chết và cứ sống lây lất. Tôi vẫn viết tiểu thuyết feuilleton cho nó mà lòng hồi hộp, áy náy...

Trước hết, tôi nghiên cứu lại ngân khoản chi tiêu hằng tháng. Thăng con trưởng nam đã lên bốn tuổi rồi mà mỗi ngày uống sữa hộp hoài thì nhất định là không ổn chút nào. Cả con em kế của nó cũng phải cúp luôn hai cử sữa sáng tối. Chỉ có cô con gái út là chưa tới tuổi ăn thôi nôi, cần phải uống sữa mỗi ngày hai cử thôi. Nhưng con bé út lại thích ăn cơm hơn uống sữa. Vậy cũng đỡ cho tôi phải lo nghĩ một phần nào.

Yêu tâm khoản sữa sùng, tôi lại ngưng nấu nướng bằng lò ga và tôi xài than để đun bếp. Chưa hết.

Khoản tiền thợ cũng cần phải bóp chặt, dè sẻng và tôi dùng nhiều rau đậu hơn thịt cá trong việc nấu nướng. Một nồi thịt hay nồi cá kho vẫn độn vào đó củ cải, măng khô, măng tươi, cà rốt.. Một nồi canh chỉ gồm tôm khô nấu lộn với một vài món rau rẻ tiền mà thôi.

Đêm nào, vùi đầu vào gối là tôi lo ngại ngái. Thuốc ngừa thai cai để hành hạ tôi. Gánh mưu sinh làm tôi thao thức từng canh này sang canh khác. Các con tôi đều ngủ say sưa. Các con ra đời giữa lúc kinh tế khủng hoảng như vậy làm cho ngực, vai mẹ thêm mỏng, lưng mẹ thêm cong, trái tim mẹ thêm bầm dập. Quá lo âu, quá bồn chồn nên tôi ngồi vào bàn viết với ý chí rã rời và với nguồn cảm hứng khô kiệt. Tôi sợ chữ nghĩa quá rồi. Phải đổi nghề. Vào giữa tháng mà nhìn thạp gạo trống trơn, mà ngó những chai nước mắm gần cạn là ruột tôi thót lên, mắt đầy cộm mản lệ.

Vào một buổi sáng oi bức, tôi thức dậy sau giấc ngủ ê ề, đau nhức mình mẩy. Ngày vẫn chưa ửng nắng. Sương đêm thấm ướt bờ tường xi măng và loáng ướt trên đám lá dâm bụt. Tôi chồi dậy, bước xuống bếp nhúm lửa rồi bắt lên bếp nồi cháo trắng. Hôm nay, tôi sẽ cho cả nhà dùng diêm tâm vì tô cá bống kho tiêu hãy còn nhiều. Đã quá lâu, cả nhà quen nhìn ăn sáng. Ba tôi chỉ uống một tách cà phê đen là có thể đợi nồi bữa ăn trưa. Lũ con, trừ thằng trưởng nam thì uống sữa.

Một ông anh vừa mới dọn về ở

gần đó cho tôi một bao gạo đỏ. Thế là tôi đủ an tâm rồi. Tiền gạo mua chịu ở một tiệm chạp phô gần bên nhà chưa được thanh toán. Đã hơn một tuần nay, tôi không dám tới đó mua nước mắm, dầu hôi hoặc những món gia vị khác theo kiểu ghi sớ nữa. Mình hết can đảm làm mặt chai mày đá nữa rồi.

Thằng em thun mũi lại :

— A, hôm nay lại được ăn điểm tâm. Gạo nàng hương nấu cháo, thơm quá.

Tôi chỉ nhìn nó, cười buồn. Như bắt gặp nụ cười cay đắng của tôi, nó ái ngại, hạ trầm giọng xuống :

— Chị phải đổi nghề. Thử xin một chân biên tập viên ở đài Tự Do đi.

Đổi nghề ? Tôi vào đời với nhan sắc tầm thường, không bằng cấp, không mưu mẹo. Tôi biết làm nghề gì hơn nghề viết feuilleton ? Tôi dờ giao thiệp, làm sao tôi chen chân vào đài Tự Do ? Nhưng nhất định là nghề cũ không thể nuôi gia đình tôi được nữa. Phải làm gì để khỏi lâm vào cảnh vay mượn tiền người, để khỏi sống lây lất, bữa đói, bữa no ?

Mâm cháo trắng dọn ra. Cả nhà hoan hỉ ngồi vào bàn và chỉ loáng một cái là nồi cháo sạch nhẵn. Bình trà bung lên. Nếu cuộc đời được êm xuôi, sung túc như vậy hoài thì đâu có gì đáng để tôi nhớ nhó, cầu nhau hát bài ca ai oán ?

Tôi lại ngồi bàn viết, lôi một mẫu giấy trắng nhỏ ra biện vào đó thực

phẩm cần phải mua để dành nấu nướng trong ngày. Mở chiếc bóp da ra, tôi chỉ thấy hai tấm giấy một ngàn đồng. Phiền quá ! Hôm nay chưa cuối tháng. Tôi phải tiện tận kéo dài thêm ba ngày nữa để đợi kỳ lương.

Cô em giúp việc báo cáo :

— Sữa đã hết rồi. Đêm qua con Bé Tý Teo ẵm đầu...

Tôi thừ người. Con đau ốm thì phải lo trước hết, sữa sẽ tính sau. Tôi viết giấy xin mua chịu tiệm tạp hóa lần để bỏ trong xóm rồi sai thằng con trường :

— Hạo, con lại đăng bác An Lợi đưa giấy này cho bác, xong rồi con lại đăng nhà thuốc đưa cái giấy này cho bà chủ dùm mẹ nghe con.

Thằng con lon ton cầm giấy chạy đi. Hôm đó, tôi mua chịu được năm hộp sữa và trăm rưỡi tiền thuốc cảm. Yên tâm về khoản sữa, tôi ngồi vào bàn viết, viết một mạch. Đọc lại những gì mình viết trên bản thảo, tôi mỉm cười. Từ lâu, tôi viết văn thì ít mà kể chuyện thì nhiều. Những truyện dài đăng trên báo theo thể thức feuilleton càng nhiều đối thoại, càng nhiều tình tiết gay cấn, càng tốt. Như vậy càng đỡ cực cho tôi. Kể chuyện dễ hơn viết văn. Người kể chuyện bằng miệng không kiếm được tiền như người kể chuyện bằng chữ. Đừng ai đọc tác phẩm của tôi đăng trên nhật báo mà bình phẩm nọ kia. Tôi viết truyện trên báo là để kiếm cơm. Tôi phải chịu theo thị hiếu khối đông độc giả. Chưa chắc

tôi sẽ in thành sách những gì mà tôi đã viết trên những tờ nhật báo, trên những tờ tập san lá cải. Đã đến lúc tôi phải viết chữ Tiền bằng T hoa lên mục đích sáng tác.

Tôi buông bút xuống. Bên ngoài nắng càng sáng đẹp. Hôm nay chửa nhật. Khung cảnh hồ tắm từ đầu đường trở ra xa lộ náo nhiệt hẳn lên. Nếu có tiền sáng nay tôi sẽ làm món bánh tôm chiên. Thôi, hôm nay lại ăn cơm rau. Đầu tháng rồi sẽ hay.

Bỗng tiếng chuông điện reo lạnh lạnh. Tôi bước ra mở cửa. Hai cô gái trạc khoảng hai mươi ngoài e lệ chào tôi. Họ có dáng dấp nữ sinh. Một cô mặc áo tunique và quần patte màu xám nhạt, không son phấn. Còn cô kia mặc áo dài bằng sole Pháp màu xanh da trời, trang điểm ngọt mát.

Cô áo dài màu xanh da trời thỏ thẻ hỏi :

— Thưa, có phải em được tiếp chuyện với bà Thụy Vũ.

Tôi gật đầu :

— Dạ phải, tôi là Thụy Vũ đây.

Cô gái mặc áo tunique màu xám nhạt tươi nét mặt :

— Lần trước chúng em có đến tìm bà, nhưng bà đi khỏi. Hôm nay, may quá được gặp bà.

Tôi mở cửa mời hai cô khách trẻ đẹp vào nhà. Chắc là hai cô độc giả ái mộ mình đây. Tôi nghi thầm, tự ái cũng được ve vuốt, một phần nào. Sau tuần trà nước, cô áo tunique xin nói :

— Chúng em nghe đồn bà bói hay lắm. Chẳng hay bà định mỗi quẻ bao nhiêu tiền ?

Tôi không biết mình nên vui hay buồn, cười hay khóc đây ? Đây là hai cô ái mộ tôi không qua khía cạnh văn nghệ văn gừng mà qua mục bói toán dị đoan. Nhưng nhìn hai cô khách, tôi biết rằng đây là hai mẫu người không hề đề ý gì về chuyện văn nghệ và họ chỉ biết tôi nhờ thiên hạ đồn về tài bói bài cào của tôi mà thôi. Đối với họ, nhà văn nữ Thụy Vũ chẳng là cái gì cả. Họ chỉ muốn biết tương lai của họ qua những lá bài do tôi trải ra.

Bằng một giọng êm ái, tôi cho họ biết là tôi bói bài cho vui, chứ tôi không hề tin tưởng về tài mình. Bằng cứ là mỗi năm tôi tốn cả bạc ngàn tiền bói toán và tôi không hề dám trưng bằng hiệu đề sống với nghề bói bài.

oOo

Cách hai hôm sau, khi đi ngang nhà bà Phi Phi, tôi bị bà trách móc :

— Bà kỳ quá. Người ta đã kiếm mối cho bà. Có hai con bạn quen đến tìm bà mà bà từ chối bói bài cho tụi nó.

Một bà hàng xóm, lúc đó cũng có mặt ở nhà bà Phi Phi, can ngăn tôi :

— Phải chi bà chịu bói ăn tiền thì bọn này mới dám kéo lại làm rộn bà. Có nhiều lúc cần hỏi thăm tiết mục tiền tài, bôn mạng, mà tụi tui không dám đến bà.

Bà Phi Phi khuyên tôi :

— Bà nên bói bài ăn tiền đi. Lúc

này cơm cao gạo kém, biết đâu nhờ môn bói bài mà bà chi cho khoản gạo, củi, nước mắm, than...

Hôm đó, bà Phi Phi dúm vào túi tôi một số tiền:

— Hình như lóng rày bà hơi hụt tiền. Chỗ chị em với nhau, bà cứ lấy ít ngàn này xài đỡ. Chừng nào bà có tiền thì trả, đừng ngại gì hết. Chiều nay, tôi đến làm rộן bà nhen. Ông xã tui nói bà không chịu làm nghề tay trái thì ường lắm.

Tôi ra về, lòng băn khoăn. Một chú em thợ hồ biểu tôi một ít trái cây và ngỏ lời cảm ơn tôi đã bói cho chú một quẻ thật hay. Hiện giờ, chú em đã có nơi gọi đến làm nhà sau một thời gian thất nghiệp khá dài đúng như tôi đã bói.

Có nên treo bảng bói bài không? Câu hỏi đó cứ vang vang trong đầu óc tôi suốt cả buổi chiều. Mình vẫn giữ nghề viết feuilleton chớ không thể nào đổi nghề được. Thập gạo chỉ trong vài ngày nữa sẽ sạch sành sanh. Phải làm thêm một chuyện gì để lây lất qua cơn khủng hoảng tiền bạc này? Một người mẹ có thể làm bất cứ chuyện gì để nuôi con, đâu làm điểm đi nữa. Tôi đã đánh đi ngòi bút khá lâu rồi. Nhưng làm điểm đối với tôi đâu phải là chuyện dễ dàng gì khi mà tôi đang sống ngắc ngoải với thân hình còm cõi, khô khan và với khuôn mặt sớm già nua?

Nhưng trong thâm tâm, trong linh cảm, tôi nhận thấy nghề bói bài chỉ là một thủ đoạn bịp bợm lấy

chiêu bài thần linh ra để kiếm tiền. Không, viết lách đã làm tôi áy náy lương tâm. Tôi không thể nào đầu độc ai nữa, ngoài chuyện viết khiêu dâm cho một tờ lá cải. Thời buổi khó khăn này, tôi phải biết dừng lại để vớt vát một chút gì mà mình đã đánh mất từ lâu.

Tối hôm đó, tia sắp nhỏ báo một tin vui cho tôi:

— Tờ nhật báo D.C. mời m viết một feuilleton. Lương mỗi tháng mười tám ngàn đồng. Mốt, em có thể giao bài cho họ.

Cơn khủng hoảng rồi sẽ qua và biết đâu rồi cũng sẽ tái diễn lại vì nghề viết feuilleton vốn là một nghề bấp bênh. Tuy vậy, tôi tạm yên một phần nào. Mốt, mình có thể lãnh tiền được rồi.

Tôi lại ngồi vào bàn. Ngoài cửa sổ bọc lưới, mặt trăng tròn vành vạnh hiện lên giữa khoảng trống bức tường xi măng và mái tôn. Trăng đẹp và sáng như một tấm gương chùi bóng lộn. Ngoài đồng xa, tiếng nhóc nhen kêu râm ran hòa cùng cơn rừng rí rả trong lùm bụi quanh nhà.

Tôi cầm bút lên. Xấp giấy trắng bày trước mắt. Trong đầu óc tôi bỗng hiện lên bóng trăng mùa hè của một thời kỳ xa lơ xa lắc nào. Bây giờ thì mùa hè đã cạn. Mùa mưa dầm tiêu sơ đã bắt đầu. Nhưng chút phấn khởi vẫn làm cho tôi có thể mừng tượng lại những mùa hè tràn ngập kỷ niệm thời niên thiếu. « Tình Hè », tựa đề một truyện dài feuilleton hiện dưới ngòi bút tôi bằng những nét

đậm. Tôi ôn lại một vài hình ảnh, một vài mẩu chuyện để làm chất liệu cho tác phẩm. Và tôi bắt đầu viết miên man suốt hai tiếng đồng hồ.

Tía sắp nhỏ và lũ con đã ngủ rồi. Căn phòng êm vắng. Tôi đến bên từng chiếc giường đắp mền cho đứa này, sửa thế nằm cho đứa kia. Ngày mai, tôi sẽ viết thêm sáu trang giấy nữa. Tôi sẽ thanh toán tiền gạo, tiền sữa, tiền thuốc men mà tôi đã mua chịu trong suốt tháng nay. Ngày mai, tôi còn phải lo súc miệng, chùi răng cho cô thứ nữ. Con bé này có hàm răng luôn luôn đóng bợn. Răng nó thuộc loại răng heo trong khi đó răng con em của nó thuộc loại răng chó, luôn luôn

sạch bóng.

Tâm hồn người mẹ ở tôi gợn lên những rung động dịu dàng. Viết báo nuôi con được ngày nào hay ngày nấy. Nuôi con bằng óc não của mình cũng cực như sức lao động của trăm ngàn người đàn bà khác. Trời sanh voi sanh cỏ. Tôi không dám nghĩ đến trong những ngày sắp tới một trong những tờ báo mình cộng tác vì lẽ gì đó chết đi. Chừng đó, mình sẽ tỉnh tới nữa. Bây giờ mình đã mệt mỏi nhiều quá rồi. Nhưng thế nào, tôi cũng tìm một nghề mới.

NGUYỄN THỊ THỤY VŨ

12-8-74

Đã phát hành trên toàn quốc

KHI EM HAI MƯƠI

Truyện dài của HẢI SƠN

- Một truyện tình đẹp, thật đẹp, viết bằng nhịp đập của con tim chất ngất yêu thương.
- Một truyện tình oan trái viết bằng sự nức nở của tâm hồn.
- Một tác phẩm tuyệt đẹp từ hình thức tới nội dung, một cuốn sách gối đầu của tuổi trẻ, một tác phẩm không thể thiếu được của những người đã yêu, đang yêu và sẽ yêu....

Tác phẩm thứ 9 của một tác giả quen thuộc với Bách Khoa :

HÔN LỄ

truyện của HOÀNG NGỌC TUẤN

Tâm hồn và tình cảm của một con người say sưa sôi nổi giữa dòng đời bất an phiền muộn.

Nguyễn Đình Vượng xuất bản
đã phát hành trên toàn quốc

Khi mới đến Đà-Lạt

Thơ HOÀNG LỘC

* tặng thầy Châu

anh đến, hôm qua, trời phố lạ
đốc lên dốc xuống lạnh sa mù
mới hôm qua quê mình nắng hạ
mà quê người như vội tàn thu

gió thổi qua đời anh trú quân
tình em cho — tình nghe hoang đường
mới đây mới đó mà trời nổi
đã rạch đời nhau những nhánh sông

vừa hết mùa mimosa nhà ai
lòng anh rơi một đóa tình hoài
nhớ em — nhớ cánh tay tàn nghiệt
phủ xuống hồn ta mấy ngọn roi

ngày trở mình — thôi — chiều bóng xế
(ngày vui cũng xế bóng qua chiều)
muôn năm, anh là người đến trễ
cuộc chơi nào cũng đã buồn hiu

ở đây trời đất mù như khói
phố như sương giữa đất trời mù
anh che không hết từng cơn gió
tạt bên đời, ướt ngọn tình xưa

em của quê xa, lòng vẫn vậy
chắc gì nuôi một dấu ấn nấn
em gương cung, có lần, tay sầy
đâu biết đời anh đã trúng tên.

Thơ gửi bé gái quê nhà

Thơ NGUYỄN KHẮC NHƯỢNG

Cũng se sắt những ngày nơi đất khách
Chốn thân sơ thương quá lắm quê nhà
Ôi bé gái con đường quen thuộc đó
Hai buổi đi về có nhớ thương ta ?

Tưởng hương lụa vương mang trời đất cũ
Đóa quỳnh xưa rộ nở dưới hiên trường
Người khuất biệt vẫn còn lưu tiếng lụa
Thơm dấu chim hồng ngát cánh quỳnh hương

Màu sơn nhát trên bờ tường quen thuộc
Hồn thu không lãng đãng ngọn me già
Ngồi lớp học nghe chim ngoài cửa sổ
Mắt vời theo hàng mây trắng phương xa

Có biết mộng theo những ngày chuyền gió
Xin cho người phiêu bạt chút tơ lưu
Nơi đất khách rụng hai hàng lá nhớ
Hẹn về thăm khi khoác áo khinh cừ

Là ảo tưởng những ngày nơi đất khách
Em quê nhà không chắc nhớ thương ta
Chiều buồn thiu ngồi trên hè phố lạ
Nhìn mây thu lãng đãng ngọn me già

Xin gửi theo mây về qua cổ xứ
Một chút tình không của kẻ phương xa...

ĐÃ TÁI BẢN

HUỲNH TỊNH PAULUS CỦA

ĐẠI NAM QUỐC ÂM TỰ VI

In đúng theo nguyên bản năm 1895 và 1896 toàn bằng loại giấy trắng tốt, khổ to, đóng bìa cứng, trang nhã. Toàn bộ hai quyển trên 1.200 trang. Giá 10.000đ.

GUSTAVE HUE

TỰ ĐIỂN VIỆT HOA PHÁP

Một quyển tự điển rất có giá trị, in lần chót năm 1937, tái bản trên giấy trắng tốt, khổ to, đóng bìa cứng, dày trên 1.200 trang. Giá 8.000đ.

J. F. M. GENIBREL

TỰ ĐIỂN VIỆT PHÁP

Đây là bộ tự điển rất có giá trị, xuất bản lần thứ hai năm 1898, đã lâu không còn bày bán trên thị trường, nay được in lại đúng nguyên bản, năm 1898. Sách dày gần 1.000 trang khổ to, giấy trắng tốt đóng bìa cứng đẹp. Giá 8.000đ.

Những bộ tự điển giá trị trên đều có bán tại

Nhà sách KHAI TRÍ

62 Lê Lợi Saigon

SINH HOẠT

Góp ý với ông Phạm Long Điền về Gia-Định báo

Có được đọc bài « Những khám phá mới về Gia-Định báo » (phần 2), do Ông Phạm Long Điền biên soạn trong giai-phẩm Bách-Khoa số ra ngày 5-9-1974 (trang 23 - trang 30). Đề cập tới các thời điểm liên quan đến tờ Gia-Định báo, tôi xin được trình bày ở đây một vài dữ-kiện mà tôi đã ghi nhận được khi tham khảo các công-báo Pháp phát hành trong khoảng thời gian từ 1862 đến 1910.

— 1) Năm phát hành đầu tiên của Gia-Định báo : Đa số các tác giả đều cho rằng Gia-Định báo, đầu tiên phát hành năm 1865 nhưng hình như cho đến nay chưa có ai được đọc tờ báo nói trên. Trong suốt quyển Công báo Nam kỳ (Bulletin officiel de la Cochinchine française) và tập san của Nha Nội vụ Nam kỳ (Bulletin de la Direction de l'Intérieur) năm 1865, không có văn kiện nào đề cập đến việc phát hành tờ Gia-Định báo đầu tiên. Có lẽ các tác giả căn cứ vào dòng « Năm thứ... » in trên trang đầu của những tờ Gia-Định báo còn lưu trữ, trừ vào năm phát hành để tính năm đầu của tờ báo.

Văn-kiện chính thức đầu tiên của người Pháp đề cập đến Gia-Định báo là quyết định số 51 ngày 18-3-1869 của Phó Đô-đốc G. Ohier Xử lý thường vụ Thống đốc Nam kỳ, ấn hành trong công báo Nam kỳ (BOCF) năm 1869, trang 91-92, trích nguyên văn như sau :

« Art. prem. — Le Giadinh bao « paraîtra tous les lundis à partir du « 1er avril.

« Art. 2. — Le prix de l'abonnement « est porté à vingt francs par an.

« Art. 3. — Le Giadinh bao « continuera à être publié sous la « direction de M. Potteaux qui « recevra, à ce titre, un supplément « de mille deux cents francs par an... »

Văn-kiện duy nhất được tham chiếu trong quyết định là Nghị-định ngày 22-2-1868 qui định rằng tất cả những công văn ban hành bằng Việt ngữ phải được in, viết bằng mẫu tự la-tinh. Không thấy tham chiếu văn kiện làm phát sinh tờ báo như thông lệ thường thấy ở những văn-kiện lập qui.

— 2) Việc chủ biên tờ Gia-Định báo được giao phó cho cụ Trương-Vinh Ký kể từ ngày 16-9-1869 do quyết định số 189 ngày 16-9-1869 của Phó Đô-đốc G. Ohier đăng trong Công báo Nam-kỳ (BOCF) năm 1869, trang 317-318.

« A dater de ce jour, la rédaction « du journal annamite, le Giadinh « bao, est confiée à M. Pétrus-truong- « vinh-ky, qui recevra, en qualité de « rédacteur en chef de cette feuille, un « traitement annuel de 3000 francs. « Le journal continuera à être hebdomadaire... »

3) Người chủ biên cuối cùng của Gia-Định báo là ông Diệp-văn.

Cương. — Nghị-định ngày 20-9-1908 do XLTV Thống đốc Nam kỳ Outrey ban hành, đăng trong « Tập san Hành chánh Nam kỳ » (Bulletin administratif de la Cochinchine) năm 1908, trang 2864, cho thấy trước ngày 21-5-1908, việc chủ-biên tờ Gia-Định báo do ông Nguyễn-văn-Giàu đảm trách và kể từ ngày 21-5-1908, việc biên tập được giao cho ông Diệp-văn-Cương, ngạch thông ngôn hạng nhất (interprète de 1re classe au titre européen) (cũng là nghị viên Hội-đồng thuộc-địa Nam-kỳ, từ nhiệm vào ngày 18-9-1908 cùng với 5 nghị viên bản xứ khác vì bất đồng ý kiến trầm trọng với các nghị viên Pháp chiếm phe đa số trong Hội-đồng thuộc-địa, trong một phiên họp thảo luận về thuế điền)

Nghị định ngày 20-9-1908 :

« ... M. Diệp-van-Cuong, interprète de 1re classe au titre européen, est chargé, à compter du 21-5-1908, de la rédaction du journal indigène Gia-

« dinh bao, en remplacement de M. Nguyen-van-Giau, appelé à d'autres fonctions. Il recevra, en cette qualité, le supplément de 250 piastres prévu par l'arrêté du 27-12-1901. »

4) tờ Gia-Định báo đình bản hẳn kể từ ngày 1-1-1910. Do Nghị định ngày 21-9-1909 của Thống-đốc Nam-kỳ Gourbeil đăng trong Tập-san hành chánh Nam-kỳ (BAC) năm 1909, trang 3464, tờ Gia Định báo được đình bản hẳn kể từ ngày 1-1-1910.

Nghị-định này không thấy được đăng trong công báo Đông-Pháp (Bulletin officiel de l'Indo - Chine française).

oOo

Chúng tôi nêu lên những dữ-kiện vừa kể không ngoài mục-đích đóng góp một phần rất nhỏ mọn vào công cuộc sưu-khảo quan trọng về tờ Gia-Định báo do Ô. Phạm-Long-Điền thực hiện, kính mong tác-giả và quý vị độc-giả hiểu và nhận cho.

LÊ VĂN CẦN
Bình-Dương

Nhân đọc cuốn « Thư tịch hồi tổ quốc gia Việt - nam » (1963 - 67)

Sách do Nha Văn-khố và Thư-viện Quốc-gia soạn thảo và ấn hành, Sài-gòn, 1971, 389 trang. Mục đích của sách, trong Lời nói đầu (tr.VII) là cung ứng (...) « tài liệu nghiên cứu các vấn đề Việt-nam... » Hưởng ứng lời kêu gọi trong Lời nói đầu (đd), với tư cách một người ham đọc sách, chúng tôi xin góp một vài ý kiến thô thiển, trong tinh thần xây dựng :

— Cảm tưởng đầu tiên của chúng tôi là vị hay quý vị soạn tập thư tịch này đã không có sách dưới tay mà chỉ căn cứ vào tài liệu đã ghi chép. Đó là điều tối kỵ đối với nhà thư tịch học.

— Chúng tôi thiên nghĩ Nha Văn-khố và Thư-viện Quốc-gia (NVKvTVQG) nên soạn thảo thư tịch hồi tổ từ 1936 trở về sau thà hơn, vì giai đoạn này rất thiếu tài

liệu. Từ 1961, tại Sài Gòn đã có chuyên san *Tin Sách*, thêm Thư mục của các nhà xuất bản và phần giới thiệu sách mới trên các tạp chí, nhà nghiên cứu đã có tạm đầy đủ (It ra thì cũng đầy đủ hơn tập thư tịch hồi tổ 1963-67 mà NVKvTVQG đã ấn hành).

— Tập Thư tịch đã in, nếu có dịp tái bản, nên mượn thêm tài liệu nạp bản của Bộ Thông-tin, — nơi mà chúng tôi tin là quý vị trong NVKvTVQG dư biết là đầy đủ hơn số nạp bản mà quý vị đã sao chép in thành Thư tịch hồi tổ.

— Dưới mỗi tựa sách, xin quý vị cho biết *loại sách*, phân loại như quý vị đã làm trong Thư tịch dẫn trên là quá đơn giản, không giúp ích bao nhiêu cho nhà nghiên cứu. Ví dụ dưới loại Văn học và Tu từ học, tùy từng cuốn, quý vị chưa thêm giùm : tiểu thuyết, tập truyện ngắn, tùy bút, thơ v.v...

— Dưới mỗi cuốn sách, nếu có thể, mong quý vị trước số loại sách (theo phân loại thập phân Dewey của Thư viện Quốc-gia, chẳng hạn) thì sẽ giúp ích cho các thủ thư nhiều hơn. Và lại, ghi số NB như Thư tịch hồi tổ đã làm, chúng tôi thiên nghĩ quý vị, vì đức liêm khiết của trí năng, nên đòi nhan đề sách là : *Bản kê những sách đã nạp bản tại Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia từ 1963 đến 1967* thì « danh chính ngôn thuận » hơn là *Thư tịch*. Người Pháp, thời trước, làm hơn quý vị mà chỉ đặt nhan : *Liste des Imprimés*

déposés au service du Dépôt Légal. Chỉ làm Danh sách (liste) thôi mà họ đã cho số sách đăng hoàng, như : M. 4513 — P. 12382 v.v... Làm *Thư tịch* như quý vị chủ xướng, chúng tôi hi vọng quý vị sẽ làm được hơn mới phải !

— Thêm sau chót, mong quý vị làm ơn ghi đủ nhan đề sách, đừng cắt bớt. Ví dụ : tập thơ của Thanh Tâm Tuyền, nhan đề là *Liên đêm mặt trời tìm thấy*, chớ không phải *Mặt trời tìm thấy* như quý vị đã tĩa bớt. (Thư tịch, đd, tr. 241). Tên tác giả, cũng xin tác giả ghi đúng giùm. Ví dụ, tr. 253 : *Tuệ-Mai Trần Gia*, chớ không phải *Tuệ-Mai và Trần Gia* như quý vị đã ghi. Nếu quý vị ghi thêm được chữ « Minh » (trong ngoặc đơn) sau chữ « Gia » thì mới thực sự giúp ích cho nhà nghiên cứu được. Lắm cuốn, quý vị bỏ hẳn tên tác giả, ví dụ : *Chân dung Nhất-Linh*, tr. 268. Nhiều cuốn lại in sai, ví dụ : *Nhớ cảnh nhớ người* ghi Nguyễn Thị Vinh dịch. Theo chỗ chúng tôi được biết : nữ sĩ Nguyễn Thị Vinh không hề dịch văn ! Sách in sai nhiều, ví dụ : *Cái lười* (của Duy Lam) in thành *Cái lười*; *Tobacco road*, in thành *Tobato road*... kể ra không hết.

Vì lợi ích chung cũng như vì thể thống quốc gia, mong quý vị trong NVKvTVQG sẽ lưu ý tới những ý kiến bộc trực kể trên mà cải tiến là lỗi làm việc. Mong lắm thay !

BUI VI-XUYEN

Tượng nhà cách mạng Phan Bội Châu ở Huế đã hoàn tất giai đoạn đồ đồng

Sau sáu tháng khởi công, pho tượng vĩ đại nhà cách mạng Phan Bội Châu đã hoàn tất giai đoạn đồ đồng, đúng 12 giờ ngày 21-8-1974 tại Huế.

Với chiều cao 4m, pho tượng bán thân này là công trình nghệ thuật lớn nhất của điêu khắc gia Lê Thành Nhơn nói riêng và của dân chúng Thừa Thiên Huế nói chung, trong mục đích làm sống lại danh nhân lịch sử nước nhà.

Trong khuôn viên Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật, phần nặn hình tượng bằng đất sét đã phải mất 4 tháng thực hiện, kể từ những ngày trước Tết Giáp Dần (ngày 27 tháng Chạp Quý Sửu). Tiếp đến, phần đồ đồng được thực hiện tại Phường Đúc, ven hữu ngạn sông Hương, cách thành phố Huế chừng 2 cây số phía Tây Nam, trên đường đi Long Thọ, Nguyệt Biều. Phường Đúc vốn là một địa danh có truyền thống về nghề đúc, nơi qui tụ của những tay thợ lành nghề khắp nước trong các triều đại vua chúa cũ, đã từng đúc chuông Linh Mục, đúc Cửu Đỉnh ở Đại Nội, những khẩu Thần Công... hiện còn thấy được ở hai bên mặt tiền Ngọ Môn.

Để thực hiện phần đúc đồng tượng chí sĩ Phan Bội Châu, ba gia đình tiếng tăm nhất tại đây là gia đình bác Luân, bác Thê, bác Tánh — (Bác Tánh đã từng ở tù Côn Sơn)

— đã cùng hợp tác chặt chẽ và đã phải huy động đến trên 30 công nhân nam nữ ngày đêm liên tục làm việc để kịp hoàn tất trước ngày Kỷ niệm Hủy nhật nhà cách mạng năm nay (29-9 âm lịch).

Theo lời bác Luân thì đây là lần đầu tiên trong đời, các bác (trên dưới 70 tuổi) đã thực hiện được một việc làm to lớn và có ý nghĩa. Cho nên, vẫn theo lời bác, không những chỉ riêng gia đình các bác mà cả Phường Đúc đều hãnh diện trong việc đóng góp vào công trình chung của dân chúng và của thời đại.

Bởi quá lớn, việc đúc tượng phải diễn tiến qua 12 lần đồ đồng, mỗi lần một mảnh, có bề dày 1 phân. Và mảnh đồng thứ 12 đã được đồ vào trưa ngày 21-8-74.

Trong dịp này Ông Vinh Phớt Chủ tịch Ủy ban dựng tượng cũng cho biết là địa điểm dựng tượng vẫn chưa được quyết định. Có thể tượng được đặt ở múi Cầu Mới hoặc múi cầu Trường Tiền, trước công viên trường Đại học Sư phạm, hoặc trước công viên Đại học Luật khoa. Ngày khánh thành tượng là 29-9 âm lịch. Công việc còn lại, theo lời Ông Tổng thư ký UBND, là ráp các mảnh, hàn, sửa chữa và đem dựng, dưới sự săn sóc của ông Lê Thành Nhơn. Chi phí khi hoàn tất không thể dưới 5 triệu đồng. Phần đúc đồng đã chiếm đến 3 triệu rưỡi.

Trong thời gian thực hiện, cháu nội của cụ Phan là Bác sĩ Phan Thiệu Cát (hiện ở Tân Tây Lan) có đến Huế và tỏ ra rất cảm động trước công trình này. Bác sĩ Cát nói mặt tượng rất giống nhà cách mạng. Rất nhiều đồng bào ở trong nước và hải-

ngoại gửi thư khích lệ và tán đồng công việc của Ủy ban Dựng Tượng. Một công tác văn-hóa lâu dài được thực hiện trong lúc tình hình quân sự chưa lắng dịu phải chăng là một mơ ước thanh bình ?

VĂN HỮU ghi

Buổi sinh hoạt « Truyền thống hát trống quân »

Đêm Trung thu vừa qua 29-9-74 Nhóm Nghiên cứu và phát huy truyền thống V.N, do Ô. Nguyễn Nhã, Chủ nhiệm tập san Sử Địa, chủ trương, đã tổ chức tại nhà nhạc sĩ Phạm Duy một bữa thưởng trăng rằm tháng Tám bằng các món ăn dân tộc (bánh dúc, xôi nén, mía) và sau đó là buổi sinh hoạt « truyền thống hát trống quân ».

Thoạt tiên nhạc sĩ Phạm Duy đọc lại cho mọi người nghe những bài biên khảo về Hát trống quân, vạch rõ Hát trống quân là một hình thức nhạc hội, hội mùa Thu của người nông dân miền Bắc. Người nông dân đã dựa vào sự tuần hoàn của thiên nhiên, tạm ngưng công việc trong lúc thiên nhiên chuyển mình, từ Hạ sang Thu, từ Thu sang Đông v.v... để tổ chức hát hội mùa. Nội dung các câu hát trống quân là thơ lục bát, lấy từ ca dao, phong dao. Tính chất độc đáo của trống quân là cách hát đối đáp và những câu hát có tính chất trữ tình, giao duyên. Tuy là hát tình tứ nhưng hành điệu lại rắn rỏi, thanh thoát, rộn rập, mạnh mẽ, dí dỏm. Khác với hát Quan họ chẳng hạn, lời ca trong Trống quân sống sượng, thực

tế và chua ngoa hơn nhiều.

Nhạc khí là cái « thồ cồ » (trống đất), ngày xưa ở ngoài Bắc người ta đào một lỗ vuông hay tròn ở dưới đất, trên đặt một miếng gỗ mỏng dày kín miệng lỗ ; một sợi giây mây, hai đầu đóng xuống đất, được chằng ngang qua, có một khúc cây dựng trên miếng gỗ đội sợi giây lên cho thật căng để khi người ta đánh vào sợi giây sẽ phát ra được tiếng : « thỉnh thùng thỉnh... ». Sau đó « thồ cồ » vẫn gồm một lỗ đào dưới đất, nhưng thay vì đặt miếng gỗ lên trên người ta lại úp một cái thùng sắt cho lọt xuống lỗ rồi cũng đặt khúc cây trên đáy thùng để căng sợi giây chằng qua. Giản dị hơn nữa là người ta không đào lỗ mà chỉ cần úp một cái thùng sắt trên mặt đất, rồi căng một sợi dây thép ngang qua tì vào đáy thùng cũng được. Nhưng theo kinh nghiệm riêng của Phạm Duy, thì anh đã úp thùng xuống như vậy mà đánh vào sợi dây không thấy kêu, nên anh phải lật ngược thùng lên mới thấy có kết quả.

(Bữa đó, chủ nhân cũng đã lật ngược cái thùng sắt và căng sợi giây thép ngang qua ngay trên sân cỏ nhà)

anh, và cũng tạo nên được tiếng «thình thùng thình» rất là... trống quân). Theo Phạm Duy thì cái lỗ đào dưới đất hay cái thùng sắt chỉ là cái «caisse de résonance» của một thứ đàn mà người ta thấy ở Madagascar chẳng hạn cũng có loại đàn tương tự như vậy.

Bên nữ hôm ấy có Hồng Vân, Hồ Diệp, bên nam có Thanh Hùng hát và Đỗ Quý Toàn nhắc. Có những câu hát do Phạm Thiên Thư soạn sẵn cho bên nam bên nữ, nhưng Thanh Hùng cho rằng hát như vậy là hát «lương khô», thức ăn làm sẵn, không vui bằng hát đối đáp tự nhiên. Mở đầu Hồng Vân đổ rằng:

*Nghe anh thành thạo sự tình
Đỗ chàng biết được con cá kình có
mấy cái xương*

Thanh Hùng đáp lại ngay:

*Cá kình nó ở Đại dương
Làm sao biết được mấy cái xương
hỡi nàng...*

Cứ mỗi lần một câu đối đáp được hát lên thì tiếng vỗ tay, tiếng cười reo lại vang dậy cả khu sân rộng và trang trí rất đẹp của Phạm Duy.

Mới đầu chỉ có Thanh Hùng hát đối đáp với Hồng Vân và Hồ Diệp. Sau Phạm Duy cũng lấy cái hào hứng của cuộc hát mà cất lên rằng:

*Trống quân em lập lên đây
Áo trái làm chiêu, khăn quây làm
mùng
Đùa vui dưới ánh trăng trong
Có con cũng hát, có chông cũng chơi*

*Trống quân, trống quít, trống còi
Có bao nhiêu tuổi cô đòi lấy tôi?*

Những tiếng cười đáp lại: «Có ai đòi lấy bố đâu». Các câu hát đối đáp

càng về sau càng nghịch ngợm, vui nhộn. Khi Hồ Diệp hát rằng:

*Ở đây (thì) đánh đá vô chừng
Về nhà (thì) bà xã...*

Đến đây cô rú ra cười không hát được nữa thì Thanh Hùng nổi ngay:

... lấy thùng trói tay

và anh cũng tiếp luôn:

*Trói tay (thì) em cứ trói tay
Đêm khuya tâm tối, vác chày anh
đánh em!*

Bên nữ nhao nhao kêu là hát tục quá toàn là «chày cối» cả, dọa bỏ cuộc không hát nữa. Và sau đó đành hát theo bản soạn sẵn của Phạm Thiên Thư vậy. Sau cùng Hồ Diệp và Thanh Hùng ngâm mấy bài thơ của Lưu Trọng Lư, Bằng Bá Lân, Hoàng Cầm... được mọi người rất tán thưởng.

Ban Tổ chức có minh xác rằng trong khi đồng bào đang đau khổ, thì không phải vui sướng gì mà ăn Tết Trung thu và hát trống quân, nhưng chỉ mượn dịp để những người làm văn hóa dân tộc cùng nhau họp mặt và bàn bạc để làm một cái gì cho nền văn hóa dân tộc. Và chẳng hát trống quân cũng là một truyền thống văn nghệ dân tộc mà những người tham dự vào buổi sinh hoạt này cũng đều cảm thấy được phần nào sự trở về nguồn của mình.

Bởi vậy sau đó khi «Nhóm nghiên cứu và phát huy truyền thống VN» trình bày mục tiêu và chương trình hoạt động của Nhóm cùng một việc làm cụ thể là tổ chức đến thăm nhà thơ lão thành Á Nam Trần Tuấn Khải vào sáng Chủ nhật 6-10-74, thì mọi người có mặt đều nồng nhiệt tán thành.

THẾ NHÂN

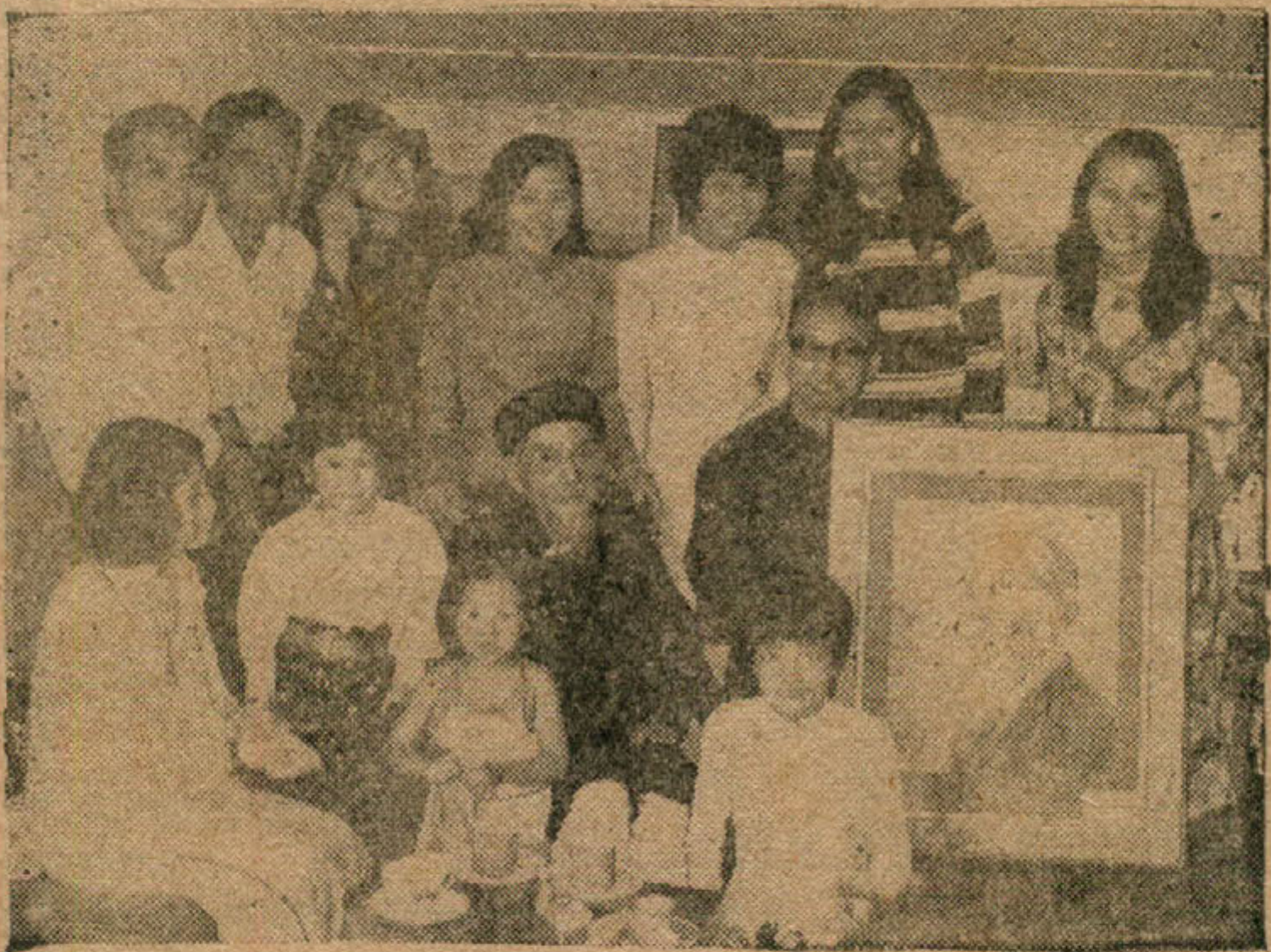
Cuộc viếng thăm nhà thơ Á Nam Trần Tuấn Khải

Theo chương trình đã vạch sẵn. Hồi 9 giờ sáng Chúa nhật 6-10-74 Nhóm nghiên cứu và Phát huy Truyền thống Dân tộc do anh Nguyễn Nhã hướng dẫn, đã tập hợp một phái đoàn gồm các văn nghệ sĩ như các ông Phạm Văn Mùi, Trụ Vũ. Hỷ Khương, Lê Thanh Thái, Phạm Văn Quảng, Tạ Chí Đại Trường, Phạm Duy, Doãn Quốc Sỹ, Trần Quang Huy, ông Giám đốc nhà xuất bản Khai Trí, cụ Nhất Thanh v.v... và phái đoàn Trung Tâm V.B.V.N. gồm có Hồ Hữu Tường, Nguyễn Vạn An, Giang Kim cũng tháp tùng để thăm Cụ Á-nam. Thêm vào đó,

anh Quảng Hùng, một Giáo sư Sư Địa, đang cộng tác với Đài Truyền Hình V.N. cũng đưa các chuyên viên thu hình đến để quay phim cuộc viếng thăm này.

Chúng tôi được nhà thơ Trần Thị Tuệ Mai con gái cụ Á-Nam, và nhà thơ « Động hoa vàng » Phạm Thiên Thư hướng dẫn vào nhà và đưa lên gác nơi đã chuẩn bị sẵn để cụ Á-Nam tiếp khách.

Tuy đã 82 tuổi nhưng trông cụ Á-Nam vẫn còn mạnh với đôi mắt tinh anh gương mặt rắn rỏi, quắc thước và hơi nghiêm khắc, mặc dù hôm nay cụ luôn tươi cười với phái đoàn.



Ảnh gia-đình nhà thơ Á Nam Trần Tuấn Khải họp mặt hôm Chúa nhật 6-10-1974 ; Cụ Á Nam ngồi giữa cùng các con gái, 3 người rì (trong có Phạm Thiên Thư đang giữ tấm chân dung của Cụ, do nhiếp ảnh gia Phạm Văn Mùi vẽ) và các cháu. Nhà thơ Tôn nữ Hỷ Khương đứng thứ 4 kể từ bên trái.

Sơ-lược Tiểu-sử Thi-sĩ
Á NAM TRẦN TUẤN KHẢI

Thi sĩ Á Nam Trần Tuấn Khải sinh năm Ất Mùi (1895) tại làng Quan Xán, Mỹ Lộc, Nam Định. Vị thầy duy nhất dạy nhà thơ học chữ nho từ ấu thơ cho tới tuổi trưởng thành là thân sinh của Cụ : Cụ Cử nhân Trần Thụy Giáp, Huân đạo tại huyện Cẩm Giàng.

Thành gia thất năm 19 tuổi. Mấy năm sau rời làng ra Hà-nội ở, rồi về cư ngụ tại một trang trại tại Thái-Hà ấp. Cụ Bà buôn bán, còn tiên sinh được rảnh rang hoạt động về văn thơ và giao du tiếp đãi bằng hữu. Nhà thơ đã từng bị Pháp bắt giam mấy tháng về tội dùng văn thơ khích động lòng yêu nước của quốc dân. Cụ Bà từ trần năm 39 tuổi, để lại ba con trai và 1 con gái là nữ thi sĩ Trần Thị Huệ Mai. 7 năm sau tiên sinh tỵ huyện và bắt đầu dạy học tại mấy trường Trung học ở Hà-nội.

Di cư vào Nam năm 1955, tiên sinh nhận làm công việc khảo cứu Hán văn cho Bộ Quốc gia Giáo dục và sau này làm Phó Chủ-tịch Ủy ban Dịch thuật cho Phủ QVK đặc trách Văn hóa. Nay tuy đã tám mươi tuổi lại đau yếu luôn nhưng tiên sinh vẫn chưa nghỉ việc vì Bà kế thất có gần 10 người con mà phân nửa còn đang đi học.

☉ Mở đầu buổi viếng thăm, cụ Nhất Thanh nhân danh Nhóm Nghiên cứu PHTTDT hân hoan chào mừng cụ Á-Nam được hưởng tuổi thượng thọ, bày tỏ sự kính trọng văn nghiệp của nhà thơ lão thành, và cũng nói



rõ ý nghĩa của cuộc viếng thăm hôm nay là để bắt nhịp cầu thông cảm giữa những người làm văn hóa của thế hệ trước và lớp trẻ hôm nay.

Tiếp theo đó, anh Nguyễn Nhã đưa tặng bức chân dung của cụ (Á Nam) do nhiếp ảnh gia kiêm họa sĩ Phạm Văn Mùi họa lớn cỡ 40 x 50, lồng khung rất trang trọng. Và, ông Giám đốc Khai Trí trao tận tay cụ Á Nam một bì thư đựng một trăm ngàn đồng gọi là biểu cụ dùng vào việc thuốc thang, để tỏ lòng biết ơn trong muôn một công trình sáng tác và biên soạn của cụ.

Đến phần mạn đàm, nhà thơ Trụ Vũ xướng ngâm câu đối tặng cụ Á Nam, làm cho căn gác trở nên ấm cúng bởi những tràng pháo tay thân mật tán thưởng :

Ba chục năm dư, Anh Khóa hỏi
còn tuôn suối lệ

Bốn nghìn xuân lẻ, anh Đồ xưa vẫn
nhà nguồn châu,

Giáo sư Trần Quang Huy xin cụ Á-Nam cho biết do cảm hứng hoặc động cơ nào cụ sáng tác một loạt 3 bài « Anh Khóa ».

Cụ Á Nam cho biết vào năm 1914, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục đang khơi dậy lòng ái quốc và phát động lòng nô nức xuất dương du học của đám sĩ phu nước nhà, nhưng lại bị nhà cầm quyền Pháp phá vỡ, một số sĩ phu phải trốn ra ngoại quốc. Nhân tiễn một người bạn lên tàu ở bến Hải Phòng, quanh cảnh kẻ ở người đi, đổi trao tâm sự, đưa nhau miếng trầu (cụ cho biết các cụ bấy giờ ở lứa tuổi thanh niên nhưng đều nghiện trầu cau), cảm xúc đó đã thúc đẩy cụ sáng tác bài thơ « *T tiễn chân Anh Khóa* ». Chờ đến hơn một năm không thấy bạn về như lời đã hẹn, sau, cụ sáng tác tiếp bài « *Mong Anh Khóa* »; và chờ thêm vài năm nữa cụ làm thêm bài « *Gửi thư cho Anh Khóa* ».

Nhân đó, anh Nguyễn Nhã nói đến ảnh hưởng về tư tưởng yêu nước trong thơ của cụ Á Nam, khiến cho nhà thơ Trần Tuấn Kiệt đã lấy bút hiệu là Sa-Giang Trần Tuấn Kiệt cho giống na ná như Á Nam Trần Tuấn Khải vì lúc còn học trường tỉnh ở Sa-Đéc, nhà thơ này đã được một ông thầy giáo dạy mấy câu trong bài thơ « *Hai chữ Nước Nhà* » của cụ Á-Nam.

Cũng dịp này, học giả Hồ Hữu Tường cho biết lúc nhỏ đã chịu ảnh hưởng bài thơ « *Hai chữ Nước Nhà* » đó, do ông lên đọc được trong báo « *Việt-Nam Hôn* », mà ông đã hăng hái tham gia hoạt động Cách mạng chống Pháp. Nhà dân tộc nhạc học Phạm Duy cũng cho biết trong khi anh sưu tầm các thể điệu dân nhạc, đã phát giác ra là từ đầu thế

kỷ hai mươi này, cụ Á-Nam đã gây nên phong trào ngâm sa mạc bằng bài thơ Anh Khóa, đó là thể điệu Anh Khóa đã xâm nhập trong giới bình dân ở Bắc Việt; cũng như thể điệu Kiều-lầy là do Kim Vân Kiều của cụ Nguyễn Du, và trong Nam có thể điệu Nói Thơ Vân Tiên là do Thơ Lục Vân Tiên của cụ Đồ Chiểu.

Rồi đến nhà văn *Gìn vàng giữ ngọc* Doãn Quốc Sỹ cũng bày tỏ cảm tưởng bằng cách nhắc lại lời cụ Á-Nam nói khi này, là sở dĩ cụ không dùng điển tích trong văn thơ vì như thế có khác nào một nhóm người có học nói tiếng lóng với nhau thì đa số đọc giả bình dân làm sao hiểu được; rồi anh Doãn Quốc Sỹ cho biết, anh cũng noi gương cụ trong tinh thần đó, anh đã cố gắng nói lên những cái hay cái đẹp của quê hương dân tộc như trong các tác phẩm *Gìn vàng giữ ngọc*, *Người Việt mến yêu v.v.*

Kể đó, ông Giang Kim cho biết năm 1950, ông Nguyễn Hữu Trí thảo luận với cụ tú Lê Dự tìm cách kêu gọi thanh niên tòng quân, lấy bài *T tiễn chân Anh Khóa* ra phỏng theo đó mà viết thành bài *Ru Con* in thành tập khổ nhỏ, ấn hành hơn ba nghìn cuốn. Đến năm 1955 ông bạn Giang Kim tị nạn lên Cam-bu-chia, có xuất bản tờ báo lấy tên là « *Hữu-Nghị* » để cho Việt kiều đọc, có in lại bài *T tiễn chân Anh Khóa*, được độc giả Việt kiều rất tán thưởng, thậm chí có những học giả người Miên cũng nhờ dịch ra Miên ngữ để được thưởng thức.

Kể đến là Giáo sư Tạ-Chí Đại-Trường thân mật đưa ra hai đề nghị

với cụ Á Nam : thứ nhất là xin anh em có mặt hôm nay cò động với những người có đủ thẩm quyền mà cá nhân mình quen biết, để in lại những tác phẩm của cụ Á Nam như *Bút Quan Hoài*, *Với Sơn Hà* v.v. là những tác phẩm đã đi vào Văn học sử nước nhà, vì hiện nay ở thị trường sách báo không còn thấy bán, anh em muốn nghiên cứu không thể tìm được; đề nghị thứ nhì là xin cụ Á Nam tự chọn lại những tác phẩm của mình, để lọc lấy những tác phẩm nào ưng ý nhất, đó là một cách giúp những người làm văn hóa ở thế hệ hiện nay dễ dàng trong công việc tìm hiểu cụ sau này.

Phần kết thúc là ký giả Nguyễn Vạn An cho biết một bà cụ sắp sẽ

thất tuần đã nhờ anh dịch giùm bài thơ *Chanson éternelle* của nữ thị sĩ Rosemonde — Gérard, và nhờ anh trao tận tay cụ Á-Nam, vì bà cụ này đã từng yêu thơ của cụ Á-Nam và tự nguyện làm người tình không quen biết từ bao năm qua đã theo dõi các sáng tác phẩm thi ca của cụ.

Qua giọng êm êm thánh thót đặc biệt miền sông Hương núi Ngự của nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương, tất cả cử tọa đều xúc động, khi cô cất tiếng ngâm :

*Khi anh Xuân trở về già,
Thì em tóc em cũng sương pha mái
đầu...*

LÊ PHƯƠNG CHI gh

(Hình ảnh trong bài của Lê Phương Chi)

Văn nghiệp của Cụ Á-Nam Trần Tuấn Khải

* Những tác phẩm đã được xuất bản của Cụ là :

— *Duyên nợ phù sinh I* (1920) (trong có bài « Gánh nước đêm » và « Tiễn chân anh Khóa »); *Duyên nợ phù sinh II* (1923); *Thủy Hử* (dịch và in 1924); *Mảnh gương đời* (Kịch trình diễn năm 1925, Paul Moné đã dịch ra Pháp ngữ); *Tam Tự Kinh diễn nghĩa*; *Mạnh Tử diễn nghĩa*; *Hồng lân mộng*; *Hồn Hoa* (dịch và in khoảng 1925); *Ngụ ngôn tập đọc* (truyện cò VN); *Bút quan hoài* (in khoảng 1926-27 thời gian Cụ Phan Bội Châu bị giam ở Hà nội, trong có bài « Hai chữ Nước Nhà » bị nhà cầm quyền Pháp tịch thu và cấm lưu trữ); *Hồn tự lập*; *Bút quan hoài II*; *Hồn tự lập II*; *Sách chơi Xuân Nhâm Thân* (đầu năm 1932, trong có bài thơ diễn tả lời Bà Trưng khuyên em và hô hào dân chúng nổi dậy đánh đuổi quân xâm lược và bài văn xuôi viết về vụ khởi nghĩa Yên Bái. Cuốn sách bán rất chạy nhưng đã làm tác giả và nhà xuất bản đều bị bắt), *Thiên Thai lão hiệp* (Truyện kiếm hiệp 40 hồi).

* Ngoài ra Cụ còn cộng tác với các báo : Nhật báo Khai Hóa, Thực nghiệp Dân báo, Hà thành Ngọ báo, Tạp chí Hữu Thanh, Văn-học tạp-chí, Đông Tây tuần báo, Vệ nông tuần báo, Bắc kỳ thể thao v.v..., (Bắc) Phụ nữ Tân văn, Phụ nữ Thời đàm, Đuốc Nhà Nam (Nam).

* Những bút hiệu cụ đã dùng là : Á Nam, Lâm Tuyên Khách, Lôi Hoàng Cư sĩ, Tiểu Hoa Nhân, Giang Hồ Khách, Đông A Thị...

Ngày ký giả đi ăn mày

Ba nghiệp-đoàn ký-giả (Nghiệp-đoàn ký giả Nam-Việt, Nghiệp-đoàn ký giả Việt-Nam và Hội Ái-hữu ký giả Việt-Nam) đã có sáng kiến độc đáo là tổ chức « Ngày ký giả đi ăn mày » vào sáng ngày 10-10-1974 mục đích để :

— Chánh quyền trông thấy sự thật thê thảm của giới cầm bút, ký giả cũng như văn nhân, hầu sửa sai tức khắc chánh sách bóp chết Tự do Báo chí và xuất bản đã thi hành trong 2 năm nay qua Sắc luật 007/72.

— Quốc dân đồng bào ruột thịt thấy rõ, với chánh sách phản dân chủ của chánh quyền, giới cầm bút đã phải đi ăn mày mà trong tương lai, đồng bào cũng khó tránh được cảnh đó.

— Nói lên tình tương trợ thiết thực giữa những người cầm bút, có bút quyền hay đang thất nghiệp cũng như giữa đồng bào các giới và người cầm bút.

— Theo bản tuyên bố của 3 nghiệp-đoàn có chữ ký của các Chủ tịch : Nguyễn-Kiên-Giang, Thái Dương, Lý-Bình-Hiệp, thì sở dĩ những nghiệp-đoàn ký giả đã đi tới quyết định phát động « Ngày ký giả đi ăn mày » là vì : ký giả là người « ghi sự thật của xã hội, sự thật của lãnh đạo, của chế độ và sự thật của cuộc đời », mà « Sắc luật 007/72 đã tước đoạt mất quyền ghi sự thật của ký giả, những sự thật mà ký giả cần

phải ghi và viết để Quốc dân đọc, để lịch sử sau này phê phán Công và Tội của từng lãnh đạo, từng chế độ. Sắc luật 007/72 đã đầy giới cầm bút vào cảnh thất nghiệp tạo nên bao cảnh cơ cực về tinh thần cũng như về vật chất. »

Theo kiểm kê của ba hội-đoàn ký giả thì vì sắc luật 007/72 mà « hiện nay có tới 82% ký giả thất nghiệp. »

Đúng 9 giờ sáng ngày 10-10-1974 sau cuộc họp báo ngắn của ký giả Nguyễn-Kiên-Giang, hàng trăm ký giả, mỗi người mang một chiếc gậy và một cái bị, sắp hàng ba, đi rất trật tự, không hô khẩu hiệu mà đeo khẩu hiệu trước ngực, tuần hành từ Cầu lạc bộ báo chí đến Chợ Bến thành vòng qua vườn hoa Quách-Thị-Trang rồi lại theo đường Lê-Lợi về nơi xuất phát. Cuộc xuống đường « đi ăn mày » của các ký giả, có các dân biểu đối-lập dẫn đầu và đông đảo ký giả ngoại quốc theo dõi, đã được rất nhiều phong trào, đoàn thể, hiệp hội yểm trợ và hàng vạn đồng bào cổ vũ, ủng hộ.

Trung Tâm Văn Bút V.N cũng cử một phái-đoàn tham dự và người ta thấy có Chủ tịch Thanh Lăng, 2 Phó Chủ tịch Hồ-Hữu Tường, Nhật-Tiến và một số hội-viên đều đội nón rách, chống gậy, khoác bị, đeo biểu ngữ. Văn Bút V.N cũng ra một bản Tuyên ngôn ủng hộ gồm 4 điểm :

— 1/ Nhiệt liệt ủng hộ tinh thần đấu tranh của các ký giả trong cuộc

xuống đường đi ăn mày ngày 10-10-1974.

— 2/ Đòi hỏi chính quyền khẩn cấp thu hồi sắc luật 007 để trả lại quyền tự do được viết và được sống của các ký giả và nghệ sĩ.

— 3/ Tổ cáo trước dư luận trong và ngoài nước về chính sách tiếp tục

đàn áp và chụp mũ ký giả, văn nghệ sĩ của Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa.

— 4/ Khẩn yêu cầu Hội Văn Bút Quốc tế sử dụng ảnh hưởng buộc Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa giải quyết các nguyện vọng chính đáng của ký giả văn nghệ sĩ tại Nam Việt Nam.

THẾ NHÂN

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật, bài « *Những buổi nói chuyện về cổ nhạc VN của G.s Trần văn Khê* » phải dành lại cho số tới. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn đọc

Ban Chủ trương BÁCH KHOA

ALBERT CAMUS

SỨ MỆNH

VĂN NGHỆ HIỆN ĐẠI

những bài diễn văn đọc tại
Hàn Lâm Viện Thụy Điển

*Trần Phong Giao dịch
có in nguyên văn tiếng Pháp*

AN TIÊM

xuất bản

Sách mới

— Bài thơ cho ai, tập thơ Minh Đức Hoài Trinh do Thanh Trúc xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ thứ 4 được xuất bản của tác giả, mà một số bài đã được giới thiệu trên Bách Khoa. Lãng Nhân đề tựa, Văn Thanh chép thơ và vẽ bìa, in offset trên giấy Bạch vân và Hoàng gia rất mỹ thuật. Bản đặc biệt. Giá bản thường 500đ.

— Tạ ơn những giọt sương tập thơ của Phạm Cao Hoàng, do Đồng Dao xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ thứ 2 của nhà thơ trẻ, dày trên 70 trang gồm 22 bài thơ, in rất đẹp.

— Giữa muôn ngàn ly biệt tập thơ của Quan San, do Đồng Dao xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 90 trang gồm 42 bài thơ in rất đẹp. Giá 400đ.

— Quyên từ độ bỏ thôn đoài tập thơ của Phạm Thiên Thư do Văn Chương xuất bản và tác giả gửi tặng. Thi phẩm thứ 10 của nhà thơ trẻ dày 76 trang gồm 2 khúc hạ ca xanh và hồng, 111 bài thơ bảy chữ bốn câu. Giá 350đ.

— 99 hường sao, thi tập trường thiên của Lê Phổ Đức do Nhân Chứng xuất bản và tác giả gửi tặng. Thi phẩm thứ 14 của tác giả, xuất bản để tưởng niệm húy nhật thi hào Nguyễn Du, đề cập đến 99 văn-nghệ-sĩ VN, do cảm xúc và kỷ niệm riêng của tác giả, mỗi người 4 câu thơ có in theo hình ảnh từng người. Giá 250đ.

— Hôn lễ tập truyện của Hoàng Ngọc Tuấn, do Nguyễn Đình Vượng xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 9 của tác giả dày 200 trang

gồm 6 truyện ngắn. - Giá 600đ.

— Trong cặp nển hồng, truyện thiếu nhi của Chân Phương dày 152 trang do Tủ sách Tuổi Hoa xuất bản trong loại Hoa đỏ, bìa của Vi Vi, Giá 200đ.

— Sứ mệnh văn nghệ hiện đại nguyên tác của Albert Camus, bản dịch của Trần Phong Giao, An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 80 trang Việt ngữ ngoài bản dịch còn thân thể và tác phẩm của A. Camus và 70 trang nguyên văn Pháp ngữ. Discours de Suède (Discours du 10-12-57 và Conférence du 14-12-57). Giá 600đ.

— Bi Ca tập thơ của Lê Miên Tường do Hoàng Hôn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 100 trang, gồm 56 bài thơ, tranh bìa "What is a man?" của William Blake. Giá 500đ.

— Vô cùng tập truyện của Dã Hạc do Nguyệt Quế xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 180 trang, gồm 11 truyện ngắn. Giá 500 đ.

— Mùa xuân thi ca, sưu tập và biên khảo thơ mùa xuân của Phạm Trường Hưng, do Liên Hữu xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 190 trang gồm 6 phần: Xuân mơ ước, huy hoàng, sâu nhớ, khôi hài, mến tiếc và chinh chiến. Giá 700đ.

— Cuộc tình người tập thơ của Trần Hữu Nghiễm do Nhập Cuộc xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ thứ 21 của nhà xuất bản dày 20 trang gồm 22 bài thơ.

— Người bên dòng Hương tập thơ của Xuân Hữu do Nhập Cuộc xuất bản và gửi tặng. Tập thơ thứ 22 của nhà xuất bản, dày 20 trang gồm 18 bài thơ.

HỘP THƯ

— *Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :*

● **BIÊN KHẢO :** Nguyễn Vi Bản (Mâm tư tưởng), Ngô văn Ban (Góp ý với Ô. Bằng Giang...), Đoan-Khuê Nguyễn duy Hiền (...Tiền tệ Trung-Hoa)

● **TRUYỆN :** Nguyễn Vi Bản (Niềm vui tốt đỉnh), Lê Đức Tùng (Những rừng trầm ; Bên kia gộp đá), Hồ Minh Dũng (Nhà xác), Nguyễn Đông An (Chút nợ), Trường Thi (Bóng hồng hạnh phúc), Phù Sinh (Chết với quê hương)

● **THƠ :** Võ Tấn Khanh, Võ Văn Lê, Phạm Văn Nga, Trần Hữu Nghiễm, Nguyễn Văn Hưng, Trần Ngọc Kim, Tam Anh, Thủy Triều, Đinh Thiên Mục, Anh Việt Thi, Nguyễn Bá Hòa, Trần Dza Lữ, Trần Mộng Hoàng, Đỗ Đức Nguyên, Lê Thánh Thư, Tạ Văn Sỹ, Hoàng Thành Nhân, Tâm Hồ, Nguyễn Khiếu, Trịnh Bửu Thời, Trần Nhật Khánh, Lê Đông Tùng, Bùi Văn Thu, Hà Phú Cường, Nguyễn Thái Dương, Nguyễn Công Thành, Nguyễn Thanh Phước, Trần Ngọc Trung, Trần Hoàng Vy, Hồ Quang Hiền, Mạc Sỹ Luân, Nguyễn Bạch Dương, Lê Kym Dũng, Trương Tri, Phạm Lỗi Chi, Hà Duy Trực, Mai Quế Phương, Vũ Hữu Định, Bắc Đầu, Lương Trọng Minh, Phạm Trường Hưng, Phương Nguyên, Nguyễn Lương Vy, Huỳnh Kim Sơn, Tô Như Châu, Nguyễn Huy Chương,

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã gửi cho Bách Khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gửi thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp Thư này. Bởi vậy các bài

gửi đến, ngoài bút hiệu, xin quý bạn nhớ đề tên thực và ghi lại cho địa chỉ hiện đại để tiện liên lạc.

— Ô. Đỗ Phú Yên (KBC 4140) Rất cảm ơn về khuyết điểm kỹ thuật của Bách Khoa mà ông đã chỉ dẫn cho. Chúng tôi đã báo cho nhà in biết để đóng mỗi số BK kỹ hơn.

Ô. Ô Vũ Hữu Định, Lê Văn Trung, Võ Tấn Khanh, Võ Văn Lê, Huỳnh Kim Sơn, Bùi Văn Thu : Sẽ đăng bài của các anh trên những số tới.

Sách Lửa Thiêng

Xin trân trọng cảm ơn Ô. Giám đốc Nhà xuất bản Lửa Thiêng đã gửi tặng Bách Khoa những sách sau đây và xin giới thiệu cùng bạn đọc :

— *Thăm mỹ học thông khảo của Nguyễn văn Xung Quyền I, dày 336 trang, gồm 3 phần (13 chương) : Khái niệm về cái Đẹp, Các học thuyết thăm mỹ Tây phương cận đại, Tâm lý học nghệ thuật. Giá 800đ.*

— *Một phương pháp phân tách chủ đề văn chương của Trần Nhật Tân, dày 328 trang, gồm 3 phần : Đi tìm chủ-đề văn-chương, Đi tìm mô-thức của chủ-đề văn-chương, Từ giảng văn đến phê bình. Giá 750đ.*

— *Ngày nào còn đàn bà tập văn vui của Duy Lam in lần thứ 2, dày 138 trang, gồm 14 bài. Giá 250đ.*

— *Địa lý hình thể nhập môn của Liêu Kim Sanh dày 208 trang gồm 4 phần nhập môn về : Địa-chất-học, Thủy học sông ngòi, Hải dương học, và Địa lý học thảo mộc. Rất nhiều hình ảnh và sơ đồ cùng 3 phụ bản. Giá 700đ.*

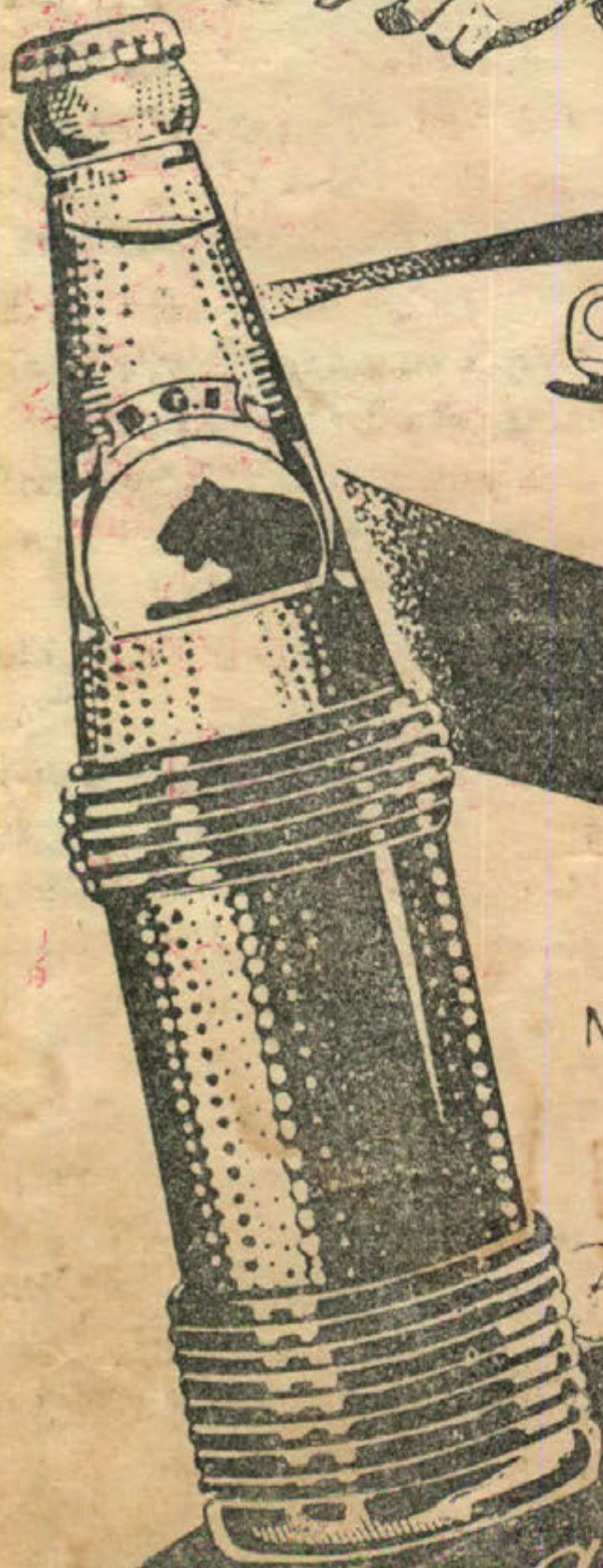
Bìa các sách trên đây đều do họa sĩ Văn Thanh trình bày.

Phát hành ngày 19-10-74 — Số lượng 3.000.

Giấy phép KD số 551/74 BDVCH/PHBCNT/ALP/TP ngày 15-10-1974.

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chị có



NƯỚC-NGỌT "CON-COP"

Chai "HÒA TIỀN"!

CAPSTAN điếu dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương vị hảo hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN điếu dài đầu lọc